

Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

**THƯ VIỆN HUỆ QUANG**

116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM

Website: [thuvienhuequang.vn](http://thuvienhuequang.vn)

Ba mươi năm trước đây, khi còn để chõm ngói nghe Sư Ông Chùa Kim Huê giảng chữ "Tánh Không", tôi chỉ hiểu nghĩa chữ "Không" là "Không". Sau hơn ba mươi năm học Đạo hay học "Tánh Không", cố gắng hết sức, tôi mới hiểu ra trong cái "Tánh Không" sao bao gồm đủ thứ cả. Và giờ đây, trí tuệ càng ngày càng phát triển, tôi càng ngày càng hiểu rõ hơn "Tánh Không" cũng là "Không". Chữ "Không trong nhà Phật có tầm mức tối ư quan trọng, quan trọng hơn và huyền bí hơn chốn hư không (Akasa) đối với các nhà khoa học không gian ngày nay. Trước nhất muốn hiểu nghĩa cao thâm của chữ "Không", chúng ta cố gắng hiểu nghĩa đen của nó.

Chữ "Không", chúng tôi đề cập ở đây được dịch từ tiếng Sanskrit là SÙNYA và Pàli là SUÑÑA đều có nghĩa là KHÓNG, là một danh từ chỉ CHÂN TÁM ĐIỀU HỮU, NHU LAI TANG vân vân. Chữ Sanskrit NA hay NAHI chúng ta cũng dịch là KHÓNG, có nghĩa là có hay không, là một trạng từ hay tình từ, đồng nghĩa với chữ NO hay YES của tiếng Anh. Cái lúng túng của người Việt mới học Phật ở chỗ tiếng Việt không có chữ để dịch chữ Sùnya cho rõ ràng ý nghĩa. Để khỏi nhầm lẫn với chữ NA hay NAHI, chúng ta nên dịch chữ SÙNYA là TÁNH KHÓNG, CHÁN KHÓNG ĐIỀU HỮU hay gì gì đó để tránh sự hiểu nhầm.

Nay, cách Phật trên hai ngàn năm trăm năm rồi, chúng ta thật khó xác định được vị trí chữ KHÓNG theo hàm ý của Đức Phật. Theo kinh điển của Phật Giáo Nam Tông, danh từ SUÑÑA được nhắc đi nhắc lại nhiều lần, nhưng mỗi lần danh từ SUÑÑA được hiểu dưới một ý nghĩa khác nhau. Trong Bộ Dìgha-Nikàya, Samyutta-Nikàya và chữ SUÑÑA được hiểu như CHÁN TÁNH, chân tánh sáng suốt của mỗi chúng sanh đã có. Là hữu tình ai cũng có bản tánh sáng suốt này. Người tu sau khi diệt trừ được cực vi tế phiền não, bản tánh này sẽ ảnh hiện ra như vàng thái dương (D I. 17, S I. 180). Cũng danh từ

*SUNÑA* trong kinh khác chúng ta lại thấy ý nghĩa khác - bộ *Samyutta-Nikaya* và *Suttanipāta*, chữ *SUNÑA* được hiểu như **KHỔNG THẬT TÁNH, KHỔNG THẬT THỂ**, sơn hà đại địa, ngay cả tâm tư của chúng ta đang suy tưởng cũng đều giả, không thật có (SIII.167, Sn 1119). Cũng với ý này trong kinh *SUNÑA*, Đức Phật dạy Ngài ANANDA rằng: "Thế giới này, gồm cả đại thiên thế giới đều không có thực thể. Từ trước đến nay Ananda cho rằng thực thể và cái thực thể đó do vọng căn, vọng thức và ngã chấp tạo ra. (S IV. 54). Lại có nơi trong kinh chữ *SUNÑA* được Đức Phật giảng dạy như là ĐINH, NIẾT BÀN là ĐƯỜNG GIẢI THOÁT, chúng sanh nên y cứ theo đó để cầu Đạo VÔ THƯỢNG. Như thế, chúng ta thấy rằng chữ *SUNÑA* trong kinh điển của Nam Tông được hiểu như là Tâm Vương, Tâm Sở, Sắc Pháp hay Niết-Bàn là tùy Vị Trí hay căn cơ của chúng sanh trong thời thiết Pháp đó.

Chữ *SUNYA* trong kinh điển Đại Thừa lại có ý nghĩa hàm súc hơn và nhiều màu sắc hơn. Đặc biệt ở chỗ chữ *SUNYA* được các nhà học giả Phật Giáo Đại Thừa diễn tả một cách quá tỉ mỉ, có cả trăm bộ sách dày cộm chỉ để diễn tả một chữ **KHỔNG**-như Bộ Hoa-Nghiêm, Bát-Nhã, Đại Trí Độ Luận vân vân. Cuối cùng để kết luận những bộ quá dài như trên, chúng ta lại có Kinh Đại Thừa Vô Lượng Nghĩa, Kinh Kim-Cang và Bát-Nhã Tâm Kinh vân vân mà Phật tử chúng ta hằng trì tụng. Vào thời Đức Phật còn tại thế hay sau Phật nhập Niết-Bàn không lâu, có hai quyển sách rất có giá trị về lịch sử đã đề cập rất nhiều về **TÁNH KHỔNG** đó là quyển Duy Ma Cật và quyển Na-Tiên Tỳ-Kheo. Quyển Duy Ma Cật là lời tường thuật buổi gặp gỡ giữa Ngài Duy-Ma Cật và Đức Đại Trí Văn Thù, nhân cơ hội ông Duy-Ma Cật đau nặng, Đức Phật sai Ngài Đại Trí Văn Thù đến thăm. Hai Ngài đàm đạo về đề-tài thân bệnh và tâm bệnh và đã đề cập rất nhiều về **TÁNH KHỔNG**. Kinh này thật sống động từ đầu đến cuối, nhưng không được phổ cập ở Phật Giáo Nam Tông. Trái lại, quyển Na-Tiên Tỳ-Kheo lại có giá trị đặc biệt trong văn học sử Phật Giáo Nguyên Thủy. Quyển này cũng tường thuật cuộc vấn đáp

giữa Vua Mi-Lin-Đa và Đại-Đức Na-Tiên, Hai vị đã đề cập rất nhiều về Tánh KHỔNG. Xin sơ lược một vài bộ Phật Tử Việt-Nam thường biết đến. Nhiều bộ đã đề cập đến "Tánh Không". Trong lời giới thiệu ngắn này, không sao kể hết được.

Vào thế kỷ thứ II sau kỷ nguyên dương lịch, TÁNH KHỔNG lại được Ngài Long-Thọ làm sáng tỏ qua những bộ luận đặc sắc của Ngài-bộ Madhyamaka (Trung Luận), Dvādaśanikakya (Thập Nhị Môn Luận), Prajñāpradīpa (Bác Nhã Đăng Luận) vân vân. TÁNH KHỔNG theo Ngài Long Thọ, người trên đường giải thoát phải thấu triệt Nhị Đế (Thắng Nghĩa Đế và Tục Đế) của Phật Giáo. Thắng Nghĩa Đế là phần giáo lý vi diệu để giúp các hàng thượng thừa, thượng căn và thượng trí để đi thẳng vào Phật Thừa. Người trên đường giải thoát còn chấp CỐ chấp KHỔNG hay thực HỮU THỰC KHỔNG đó là tục đế. Đã là Tục Đế, dẫu tu trăm ngàn kiếp, người khó vào được trung Đạo, nói gì đến quả Thừa Thừa. Cho nên người trên đường giải thoát phải đoạt được nguyên lý của PHÁP. PHÁP ấy là SŪNYA hay là TÁNH KHỔNG.

Mãi đến thế-kỷ thứ năm sau kỷ-nguyên Dương lịch, Bộ Hoa-Nghiêm, Bộ Bác Nhã và Kinh Viên Giác được truyền sang Trung Hoa, triết Thuyết Sūnyavāda gặp tư tưởng của Lão Tử và các triết gia khác của Trung Quốc, như điều gặp gió, như cỏ khô gặp mưa phùn. Các nhà học giả đó mê thuyết Sūnya, rồi từ đấy rất nhiều sách chú thích được viết ra để tán dương và làm sáng tỏ TÁNH KHỔNG, (Viết đến đây, tôi không thể nêu rõ tên từng quyển sách, quý vị có thể mở quyển Mục Lục Phật Học Đại Tự Điển Trung Hoa, trang 112, 113, 171, và trang 199 để tra cứu thêm). Trong số này có quyển Pháp Bảo Đàn Kinh các nhà học Phật Việt Nam thường biết đến. Một quyển kinh nhỏ không phải Phật nói mà Ngài Huệ Năng nói, nhưng ngày nay được các nhà học giả ÁU cũng như Á hâm mộ rất nhiều. Họ hâm mộ không phải Kinh Pháp-Bảo-Đàn nói rõ ý nghĩa của TÁNH KHỔNG, đặc biệt ở chỗ là Ngài Huệ Năng

đã thể nhập và chứng ngộ được TÁNH KHỔNG, Ngài nói:

Bồ Đề bốn vô thọ  
Minh cảnh diệt phi đài  
Bốn lai vô nhất vật  
hà xứ nhạ trần ai.

TÁNH KHỔNG với Ngài Huệ Năng như thế, còn TÁNH KHỔNG với hàng phàm phu như chúng ta thì sao? Với chúng ta thì nghiệp chướng quá nhiều, TÁNH KHỔNG có thể giúp chúng ta để triệt hạ CÁI CỐ cái NGÃ CHẤP. Chúng ta lên Thiên đàng hay xuống địa ngục là vì chúng ta có..., thân thể ốm o gầy mòn hay béo phệ là vì chúng ta có... Vừa thức giấc dậy, còn nằm trên giường, tay cầm điện thoại, chúng ta lăm bằm - chòng TỐI đi làm rồi, con TỐI đi học rồi, xe TỐI bị hỏng máy rồi và vân vân. Cái gì cũng là của TỐI cả. Đã là của TỐI, tôi phải lựa chọn, lấy bỏ, thương ghét, khiến con người tôi tranh đấu không ngừng để bảo vệ cái của tôi có, và bảo vệ luôn sở thích của tôi. Anh đánh tôi đở, tôi đánh anh đở, thế là có sự tranh giành, đời sống trở thành địa ngục. Đấy, kết quả của CÁI HỮU là thế. Hơn nữa, CÁI HỮU do tôi tạo ra hoàn toàn theo tập quán xã hội, theo thói quen của vọng căn vọng thức. Điều này rất dễ hiểu. Ai bảo rằng nước mắm nhỉ không ngon? - Ngon lắm chứ. Nhưng ngon với ai đã từng ăn nhiều lần hay đã thâm nhiễm từ trong bụng mẹ. Nhưng với những người chưa từng nghe mùi thì sao?... Do đó, cái sở thích của chúng ta đều do tập quán và vọng căn làm thành. Từ đây chúng ta suy luận - khi chúng ta ngồi Thiền, tụng kinh, niệm Phật, Phật chắc sẽ đến với chúng ta. Nhưng chúng ta phải đề phòng và xem chừng ông Phật đó do vọng căn và vọng thức tạo nên, chứ không phải ông Phật thật của chúng ta đâu. Kẻ tu hành không người chỉ dạy, kẻ tham thiền không người hướng dẫn hay bị điên là vì bị ma của vọng căn vọng thức nó ám ảnh. Trong kinh Kim-Cang, Đức Phật đã hỏi đi hỏi lại ông Tu-Bồ-Đề về Pháp tu Thiền Định, Bồ Thí, về sự Thấy, Nghe vân vân. Cuối cùng, Đức Phật kết luận:

Nhược dĩ sắc kiến ngã  
Dĩ âm thanh cầu ngã  
Thị nhân hành tà đạo  
Bất năng kiến Như Lai.

Có lẽ, chúng ta ai cũng bị tập quán hay thói quen làm sự tiên đoán của chúng ta trật ít nhất một hay hai lần rồi. Hể thấy mây đen trên bầu trời, chúng ta định ninh rằng trời sắp mưa. Nhưng đôi khi trời lại không mưa. Như thế kinh nghiệm về nhãn quang của chúng ta không được chính xác. Theo Kinh điển tả - Đức Phật có 32 tướng tốt, 80 tướng phụ. Vị Phạm Thiên hay Đế Thích cũng có 32 tướng tốt 80 tướng phụ. Vậy vị Phạm Thiên hay Đế Thích ấy cũng là Phật sao? Ngoài tướng hảo quang minh dĩ tự nghiệm, còn có gì đặc biệt nữa, chúng ta mới gọi là Phật. Chiếc áo không làm nên nhà tu. Chúng ta đã biết thế, làm sao lấy sắc tướng để tìm cầu NHƯ LAI ư? Hơn nữa, cái biết của chúng ta là do Năm Căn (mắt, tai, mũi, lưỡi và thân) và Năm Trần (sắc, thanh, hương, vị xúc) tạo nên. Căn và trần là do Tứ Đại làm nên. Nhưng Tứ Đại (chất đất, chất nước, chất gió và chất lửa) là Hữu Vi Pháp. Đã là Hữu Vi Pháp thì phải theo luật Vô thường - thương hải biến vi tang điền - nên trong kinh Kim Cang Đức Phật dạy:

Nhất thiết hữu vi Pháp  
Như mộng huyễn bào ảnh...

Đến đây, chúng ta mới hiểu được Đức Phật đã dạy chúng ta những gì trong kinh Kim-Cang. Phải chăng Đức Phật căn kể dạy chúng ta đi tìm ông Phật thật của mỗi người đã có.

Có lẽ cùng với chiều hướng này, Cụ Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng đã dày công nghiên cứu và đã khao khát viết ra tập sách nhỏ - Tánh Không và Kinh Kim Cang - sách nhỏ nhưng nói lên được cốt yếu vi diệu của Kinh Điển Đại Thừa. Ngoài những phần giảng giải tỉ mỉ, Cụ thêm nhiều thí dụ cụ thể, chính xác, rõ ràng và dễ hiểu. Từ nay, trong vườn văn học Phật Giáo

## CHƯƠNG I

### THUYẾT NHÂN DUYÊN VÀ TÁNH KHÔNG

Thuyết nhân-duyên và Tánh Không là những điểm căn bản trong giáo lý nhà Phật, và cũng là những điểm dễ khiến cho người học Phật bị hoa mắt nhức đầu.

Nhưng nếu ta chịu khổ công lặn lội bì bõm, suy tư lâu ngày về những điểm đó, thì sẽ lãnh hội được ít phần, và lúc đó, ta sẽ thấy rằng lời dạy thật là lạ lùng kỳ diệu. Và tuệ-nhãn của nhà Phật thực là lạ lùng kỳ diệu. Và nếu Bạc Đại Giác không giảng giải phơi bày, thì chắc trong hàng nhơn thiên, chẳng có ai nghĩ ra nổi.

Tuệ giác của nhà Phật là cốt dạy chúng ta biết **MỞ RỘNG VÀ SÂU** cái Tâm của mình, **MỞ RỘNG VÀ SÂU** cái **TÂM NHÌN** của mình: mở rộng từ bình diện cực-đại hữu-hình, xuống đến bình diện những sự vật hữu-hình ở kích-độ thông thường (echelle ordinaire de connaissance), rồi mở sâu vào bình-diện cực-vi hữu-hình, rồi vượt qua bờ mé ranh giới của hình sắc, bước vào hư không, rồi nhập vào Thức vô hình, rồi nhập vào Bình diện **TỐT KHÔNG** của Thực-tại tuyệt đối.

Phật dạy như vậy, là vì phàm phu chúng ta thường trôi lăn theo ngoại cảnh, chỉ ưa thích phóng Tâm-nhìn của mình vào những sự vật ở kích-độ thông thường để mong nắm bắt lấy chúng. Nên càng ngày, Tâm chúng ta càng bị teo nhỏ lại tương tự như miếng da lừa của Balzac, và Tâm-nhìn càng bị thu hẹp lại và ngày càng thô kệch vì chứa đầy tình nhiễm cùng vọng tưởng.

Những lời dạy trong Kinh đôi khi có vẻ như trái ngược. Tỷ dụ như có 1 vài chỗ, Phật dạy là có Ngã, nhưng ở phần đông những trường hợp khác, Ngài lại dạy là Vô Ngã...Ngoài ra, lối lập-luận trong kinh (tỷ dụ như kinh Lăng-nghiêm) đôi khi khá kỳ dị lạ lùng. Lại thêm những danh từ rất nhiều, và nhiều khi trùng nghĩa...Nên người học Phật có thể bị bần khoản thác mắc...Nhưng nếu lãnh hội được ít phần, thì sẽ thấy rằng lời dạy nào cũng không-mảy-may-hư-vọng, và danh-từ nào cũng có ý nghĩa cần thiết cả. Vì Phật là Bạc đã đạt tới: nghĩa-vô-ngại và ngôn-từ-vô-ngại.

Muốn để lãnh hội ý kinh, thiết tưởng cần lưu tâm về mấy điểm nhận định sau đây:

**ĐIỂM 1:** Trước hết, nên luôn luôn nhớ rằng: tất cả các cảnh giới, sự vật, quốc-độ, y-báo chánh-báo đều là do Tự-Tâm của MỖI chúng sanh BIẾN HIỆN. TỰ tâm là cái Biến-tinh-lực-uyên-nguyên làm khởi lên và nở ra mọi cảnh-giới.

Tự-tâm của chúng sanh, so với Tâm của Chư Phật, thì cũng là MỘT mà cũng là KHÁC. Một là vì cùng là cái Biến-tinh-lực-uyên-nguyên hay Biến-quang-minh-uyên-nguyên ấy, Khác là vì Tâm Phật thì đã gột sạch mọi ám-chướng mê mờ, mọi tập-khí vô-minh vi-tế, còn tâm chúng sanh thì đầy rẫy ám-chướng mê mờ hay màn sương mù ngăn cách, nên tuy cốt cách vẫn trong sáng tốt



bực, nhưng chưa thể chiếu soi được mấy nổi.

Tâm này chính là cái Thực tại tuyệt đối, cái Thực tại cuối cùng mà Chư Phật chứng-nhập được... Vì không thể có một TÊN gì để mệnh danh nó được, nên Chư Phật đã đặt ra rất nhiều tên để tạm gọi nó: Pháp-thân-thường-trụ, Chân-tâm-diệu-minh, Như-lai-tạng xuất triền, Đại Bát Niết bàn, Phật tánh, Pháp tánh, Giác tánh, Trung-đạo, Phật-tri-kiến, Trí-huệ Phật, Trí-huệ Bát nhã ba la mật, Thật-tướng, Chơn-thiệt-tế, Chân-như, Chân-không, TỐT KHÔNG..v..v...

Nhiều tên như vậy, nhưng mỗi tên đều có ý nghĩa. Tỷ dụ như:

Chân-tâm-diệu-minh là vì tâm ấy vốn diệu vốn minh. Minh là vì nó vốn trong sáng tốt bực, hào quang tốt bực. Diệu là vì tuy nó vô hình tướng, rỗng lặng, tràm-nhiên bất động, mà vẫn luôn luôn làm khởi lên vô cùng tận những cảnh-giới có hình tướng. Và danh từ Tỳ Lô Giá na có nghĩa là Quang minh Biến chiếu, hay Biến Nhất thiết-xứ.

Trung-đạo là vì tâm của chúng ta phải luôn luôn quán-chiếu theo chiều Trung-đạo, luôn luôn SONG CHIẾU cả Giả lẫn Không, lìa khỏi mọi ý niệm nhị biên thì mới có thể khế-hợp chứng-nhập Thực tại ấy.

Trí-huệ Bát nhã ba la mật là vì phải có Trí-huệ Bát nhã rất ráo đáo-bỉ-ngạn thì mới chứng nhập được... Hàng Nhị thừa cũng có trí-huệ bát nhã, nhưng chỉ mới nhìn rõ thấy ngã-không thôi, chưa phải là ba-la-mật.

Đệ-bát địa Bồ tát có trí-huệ bát nhã, nhìn rõ ngã-không và pháp-không, nhưng còn vương mắc mấy phần tập-khí vô-minh vi-tế, nên cũng chưa hoàn toàn ba la mật.

Thật-tướng là vì chỉ có cái đó là thật thôi, còn ngoài ra, tất cả những pháp khác đều là giả cả, đều là Như-

huyễn. Như-huyễn có nghĩa là có, nhưng không phải thực có (existent but unreal), tương tự như 1 người huyễn, do huyễn-thuật tạo nên. Người huyễn ấy có đấy, vì có thể nhìn thấy nghe thấy, nhưng không phải thực có.

TỘT KHÔNG hay Chân-không là vì trong việc chứng nhập cái tâm không-tịch, có nhiều mức-độ NÔNG SÂU...Nhị thừa có tâm không-tịch, như ngài Tu bồ đề chẳng hạn, nhưng chưa phải Tột-không. Bồ tát cũng có tâm không-tịch cao hơn, sâu hơn nhị thừa, vì từ cái tâm không-tịch ấy, Bồ tát đã có thể khởi lên nhiều sắc-tướng để di độ duyên. Nhưng vẫn chưa phải là TỘT KHÔNG...Chỉ có Phật mới có Tâm Không-tịch Tột không mà thôi. Là vì từ cái Tâm Không tịch ấy, từ nơi Không-hải ấy, Phật luôn luôn làm khởi lên vô lượng cảnh-giới, vô lượng sắc-tướng để độ sanh. Do đó, cái Tâm Tột-không ấy có 2 nghĩa song chiếu là: NHƯ THẬT KHÔNG và NHƯ THẬT BẤT KHÔNG...Chonên, Kinh Lăng Nghiêm mới dạy rằng: tánh của Chân không chính là Chân sắc.

Bởi thế, khi nghe nói đến thuyết Không của nhà Phật, ta chớ nên lầm tưởng rằng Không ấy là không hẳn, là không suông, là ngoan-không (inexistent) hay hư vô đâu...Trái lại, đến chỗ Tột của Không thì lại biến ra Chân-sắc.

Trong 1 vài bộ kinh thường nói đến 11 cái Không (Vacuities hay emptiness), còn kinh Đại Bát nhã lại nói đến 18 cái Không. Và ngài Long thọ thì triển khai thuyết Tánh Không trong những bộ luận kiệt tác như Đại Trí độ luận và Trung luận. Nhưng chữ Không trong kinh và luận này không có nghĩa là ngoan-không...Trái lại, chữ Không chỉ có nghĩa là: tất cả các sự vật hay cảnh-giới đều Vô tự tánh, đều không có tự tánh gì hết. Điều không có tự

bực, nhưng chưa thể chiếu soi được mấy nổi.

Tâm này chính là cái Thực tại tuyệt đối, cái Thực tại cuối cùng mà Chư Phật chứng-nhập được... Vì không thể có một TÊN gì để mệnh danh nó được, nên Chư Phật đã đặt ra rất nhiều tên để tạm gọi nó: Pháp-thân-thường-trụ, Chân-tâm-diệu-minh, Như-lai-tạng xuất triền, Đại Bát Niết bàn, Phật tánh, Pháp tánh, Giác tánh, Trung-đạo, Phật-tri-kiến, Trí-huệ Phật, Trí-huệ Bát nhã ba la mật, Thật-tướng, Chơn-thiệt-tế, Chân-như, Chân-không, TỐT KHÔNG...v..v...

Nhiều tên như vậy, nhưng mỗi tên đều có ý nghĩa. Tỷ dụ như:

Chân-tâm-diệu-minh là vì tâm ấy vốn diệu vốn minh. Minh là vì nó vốn trong sáng tốt bực, hào quang tốt bực. Diệu là vì tuy nó vô hình tướng, rỗng lặng, trạm-nhiên bất động, mà vẫn luôn luôn làm khởi lên vô cùng tận những cảnh-giới có hình tướng. Và danh từ Tỳ Lô Giá na có nghĩa là Quang minh Biến chiếu, hay Biến Nhất thiết-xứ.

Trung-đạo là vì tâm của chúng ta phải luôn luôn quán-chiếu theo chiều Trung-đạo, luôn luôn SONG CHIẾU cả Giả lẫn Không, lìa khỏi mọi ý niệm nhị biên thì mới có thể khế-hợp chứng-nhập Thực tại ấy.

Trí-huệ Bát nhã ba la mật là vì phải có Trí-huệ Bát nhã rất ráo đảo-bỉ-ngạn thì mới chứng nhập được... Hàng Nhị thừa cũng có trí-huệ bát nhã, nhưng chỉ mới nhìn rõ thấy ngã-không thôi, chưa phải là ba-la-mật. Đệ-bát địa Bồ tát có trí-huệ bát nhã, nhìn rõ ngã-không và pháp-không, nhưng còn vướng mắc mấy phần tập-khí vô-minh vi-tế, nên cũng chưa hoàn toàn ba la mật.

Thật-tướng là vì chỉ có cái đó là thật thôi, còn ngoài ra, tất cả những pháp khác đều là giả cả, đều là Như-

huyễn. Như-huyễn có nghĩa là có, nhưng không phải thực có (existent but unreal), tương tự như 1 người huyễn, do huyễn-thuật tạo nên. Người huyễn ấy có đấy, vì có thể nhìn thấy nghe thấy, nhưng không phải thực có.

TỘT KHÔNG hay Chân-không là vì trong việc chứng nhập cái tâm không-tịch, có nhiều mức-độ NÔNG SÂU...Nhị thừa có tâm không-tịch, như ngài Tu bồ đề chẳng hạn, nhưng chưa phải Tột-không. Bồ tát cũng có tâm không-tịch cao hơn, sâu hơn nhị thừa, vì từ cái tâm không-tịch ấy, Bồ tát đã có thể khởi lên nhiều sắc-tướng để di độ duyên. Nhưng vẫn chưa phải là TỘT KHÔNG...Chỉ có Phật mới có Tâm Không-tịch Tột không mà thôi. Là vì từ cái Tâm Không tịch ấy, từ nơi Không-hải ấy, Phật luôn luôn làm khởi lên vô lượng cảnh-giới, vô lượng sắc-tướng để độ sanh. Do đó, cái Tâm Tột-không ấy có 2 nghĩa song chiếu là: NHU THẬT KHÔNG và NHU THẬT BẤT KHÔNG...Chonên, Kinh Lăng Nghiêm mới dạy rằng: tánh của Chân không chính là Chân sắc.

Bởi thế, khi nghe nói đến thuyết Không của nhà Phật, ta chớ nên lầm tưởng rằng Không ấy là không hẳn, là không suông, là ngoan-không (inexistent) hay hư vô đâu...Trái lại, đến chỗ Tột của Không thì lại biến ra Chân-sắc.

Trong 1 vài bộ kinh thường nói đến 11 cái Không (Vacuite hay emptiness), còn kinh đại Bát nhã lại nói đến 18 cái Không. Và ngài Long thọ thì triển khai thuyết Tánh Không trong những bộ luận kiệt tác như Đại Trí độ luận và Trung luận. Nhưng chữ Không trong kinh và luận này không có nghĩa là ngoan-không...Trái lại, chữ Không chỉ có nghĩa là: tất cả các sự vật hay cảnh-giới đều Vô tự tánh, đều không có tự tánh gì hết. Đều không có tự

thể gì hết, đều không có vật gì nhất định là vật gì hết. Tỷ dụ như sự vật là một con sông. Loài người nhìn con sông, thì đối đại đa số đều thấy là con sông và cho là con sông, có thể xuống tắm rửa bơi lội hoặc uống nước được. Nhưng loài ngã quý, bị nghiệp lực chiêu cảm và hành hạ, thì lại thấy con sông là một giòng lửa cháy bỏng, không thể uống được. Chư thiên nhìn lại thấy là 1 giòng ngọc lưu ly. Loài rồng nhìn lại thấy toàn là điện đài lâu các, có thể ăn ở ngủ nghỉ được. Sức chiêu cảm của nghiệp lực là như vậy, pháp nhĩ là như vậy... Vả lại, trong hình sắc nào thì cũng có hư không cả, và trong pháp nào thì cũng có niết bàn cả.

Nhưng tại sao các sự vật lại Vô tự tánh như vậy?

Chỉ là vì chúng đều là BIẾN HIỆN của vọng-thức nghiệp-lực, đều là Như-huyễn, đều là Mộng-Aỏ-Bào-Aảnh-Lộ-Điển, đều là Không thật không hư (existent but unreal) như trong kinh Kim cang, Đại Bát nhã và Lăng nghiêm đã dạy. Chúng không thật là vì có những loài chúng sanh không nhìn thấy vật ấy, tỷ dụ như núi Tu di thì loài người không nhìn thấy. Nhưng chúng cũng không phải là hư, vì chư thiên thường nhìn thấy núi Tu di, và thường khởi tâm ưa thích hoặc phiền nảo vì núi ấy.

Bởi vậy, nên chữ Không trong nhà Phật có ý nghĩa thăm thẳm khôn lường. Không có nghĩa là Vô tự tánh, là Biến hiện, là Như huyễn, là Mộng-Aỏ-Bào-Aảnh-Lộ-Điển, là Không thật không hư... Rồi đi dần đến chỗ Tuyệt không hay Như-như-tịch-tịnh, thì Tuyệt-không lại chính là Chân-sắc. Và cũng vì thế nên kinh Đại Bát nhã hay bộ Đại trí độ luận luôn luôn nhắc tới Như-huyễn và Mộng-Aỏ-Bào-Aảnh-Lộ-Điển...

Tuy nhiên, nói rằng sự vật là Vô tự tánh chỉ có nghĩa là sự vật không hề có tự tánh của sự vật. Chứ không phải

là chúng tuyệt nhiên không có tánh gì hết. Vì cái Tánh thâm sâu của chúng, cái Bản-thể vi-diệu của chúng... lại chính là Phật tánh, là Pháp tánh, là Giác tánh, là cái Thực-thể như-như trạm-nhiên bất động, là Đại niết bàn... Nhưng cái Tánh tối thượng này lại tuyệt nhiên chẳng có một đặc tánh gì hết, chẳng có chẳng không, chẳng đoạn chẳng thường, chẳng nhất chẳng dị, chẳng lai chẳng xuất, chẳng ngã chẳng phi ngã, chẳng hữu tình chẳng phi-hữu-tình. Tóm lại, không thể dùng một ngôn-từ nào, một vọng-thức phân biệt nào, một ý-niệm nào để chỉ 1 đặc tánh nào của Thực-thể ấy cả... Nhưng chính cái không-đoạn-không-thường ấy mới chính là Chân-Thường, và chính cái Chẳng-ngã-chẳng-phi-ngã ấy mới chính là Chân Ngã. Vì sao? Vì đã vượt hết thấy mọi móng-niệm-vọng-thức-lưu-chuyển để HOÀN DIỆT trở về Tâm.

Khi luận bàn hoặc suy tư hoặc trầm tư về Thực-thể này, các trường phái ngoại đạo cùng Nhị thừa thường hay khởi những móng-niệm-kiến-chấp. Tỷ dụ như hàng ngoại đạo thường coi Thực-thể đó là Minh Đế, là Thần ngã, là Phạm thiên đáng sáng tạo, là Thời gian, là Cực vi...v.v... Còn hàng Nhị thừa thì chưa thấu hiểu được lẽ Pháp-không, chưa hiểu lý Như-huyễn, chưa hiểu Lý Duy tâm sở hiện... Cho nên, kinh Đại Bát nhã hoặc Lăng nghiêm hay Viên giác, hay những bộ luận của ngài Long thọ là cốt nhằm tiêu trừ hết thấy những móng-niệm-kiến-chấp.

Tại sao lại phải tiêu trừ như vậy?

Là vì nếu còn 1 GỖN móng niệm, thì tâm kẻ hành giả chưa thể chứng nhập trọn vẹn cái Biển Như-như ấy, cái Biển Viên giác ấy, chưa thể trong sáng tròn đầy, chưa hiển lộ hoàn toàn Trung đạo, chưa có hào quang tột bậc cùng

đại-tự-tại-lực để hóa hiện độ sanh và ôm trọn pháp-giới vào thân tâm được

**ĐIỂM 2:** Nhưng tại sao cái Tâm trong sáng nhiệm màu ấy lại HÓA HIỆN rắc rối như vậy? Tại sao lại hóa hiện thành những cảnh-giới lung linh vô cùng tận, tạo thành một thứ mê-đồ-aỏ-phổ triền miên bất tuyệt khiến cho những chúng sanh như chúng ta đều bị lạc nẻo từ vô lượng kiếp? Tại sao lại biến-hiện thành một tòa Hồng-lâu-mộng, trong đó những niềm vui hư-aỏ và phù-du luôn luôn trôi dạt biến thành những khổ lụy triền miên, khiến cho chúng sanh như tỉnh như say nẩy ra không biết bao nhiêu aỏ-tưởng tình nhiệm cùng tâm-niệm phù hoa?... Tại sao vậy? Có nguyên-nhân gì không mà trở thành như vậy???"

Bậc Đại giác đã trả lời là: Pháp-nhĩ vốn là như vậy, (Pháp nhĩ như thị) Lý ứng là như vậy, cái vòng-triển-chuyển của Chân-tâm-điệu-minh vốn là Như-thị. Đừng có hỏi tại sao? Hỏi tại sao vẫn là câu hỏi ú ớ do vọng-thức của một kẻ ngủ mê. Đừng có tìm nguyên nhân, vì ở BỜ MỀ này, mà muốn đi tìm nguyên nhân thì vẫn còn là sự suy nghĩ lẩn cảm của một kẻ chưa tỉnh giấc chiêm bao về Hồng-lâu-mộng. Khi tỉnh giấc mộng rồi, thì toàn thể giấc chiêm bao lung linh sẽ bị sổ toẹt và sẽ làm hiển lộ cái Thực tại còn lung linh gấp trăm-ngàn-vạn-lần, và cái hư-minh ra đi sẽ nhường chỗ cho cái Trong-sáng-Nhiệm-mầu-hào-quang-tột-bực...Sở dĩ không có nguyên nhân, vì đó chỉ là một cơn Mê-sảng, một giấc chiêm bao, dài hay ngắn vẫn là từ tâm chúng sanh. Một cơn mê sảng thì làm sao có nguyên nhân được?!...Cũng tưởng tự như trong kinh Lăng nghiêm, có anh chàng Diên-nhã-đạt-đa kia, đứng gọi gương, thấy mặt mình ngửi trong-gương

phương phi đẹp đẽ, lấy làm ưa thích, rồi nghĩ rằng chắc là mình cũng có đầu có mặt, mà tại sao đầu mình không nhìn thấy mặt mình, bèn chợt TƯỞNG là mình mất đầu, hoặc đầu mình là yêu quái, bỗng nổi cơn mê sáng chạy đi khắp phố phường để tìm kiếm cái đầu!? Trong khi cái đầu vẫn lửng lững ở trên cổ mình... Soi gương tức là KHỞI VỌNG rồi, rồi khi nhìn thấy người-trong-gương lại không nhận biết là mình, tức là chồng thêm 1 tầng Vọng nữa, rồi lại khởi tâm ưa thích tức là 1 tầng Vọng thứ 3, ngàn ấy lớp vọng khởi lên trùng-trùng khiến cơn mê-sáng ngày càng sâu...

Tâm của chúng sanh cũng vậy... Nó vốn Diệu vốn Minh. Nó vốn minh vì vốn trong sáng tốt bực, hào quang tốt bực, vì chính nó là Giác tánh, luôn luôn lặng lẽ chiếu soi. Nhưng nó lại cũng là Diệu, tức là nhiệm màu kỳ ảo, luôn luôn phan duyên mà huyền hiện các cảnh giới... Vậy thì Bản giác ấy, Tâm ấy, Như lai tạng ấy vốn thường Diệu thường Minh. Nếu nó cứ an nhiên như vậy thì không sao... Nhưng Pháp-nhĩ vốn là Như-thị, không thể miêu tả được. Nên trong cái Giác thể thanh tịnh rộng lặng tròn đầy ấy, bỗng khởi lên một-niệm-mê-mờ-vô-thủy. Niệm ấy là mê-mờ, vì quên rằng mình chính là nhiệm-mầu-trong-sáng-tốt-bực, và quay-trở-lại-muốn-chiếu-soi-vào-chính-mình. Do đó, niệm ấy khởi lên như 1 màng sương mù của chiêm bao, màng sương mù của Vô minh. Một niệm mê mờ nổi lên, thì có vô lượng niệm mê mờ nổi lên tiếp theo, tương tự như những gợn sóng trên mặt biển Tâm, nối nhau không dứt...

Như thế, Minh đã quay trở lại chiếu soi vào Diệu, tự lìa bỏ Diệu, và tự khoác lên mình một màng sương Vọng nhuốm đầy tình nhiễm ngày càng nặng nề, nên Minh tốt bực ấy đã chuyển thành hư-minh. Và vọng-thức dấy lên...



Khi một niệm mê mờ nổi dậy, thì tương tự như có cơn-lốc hư-minh nổi lên giữa Biển-hào-quang-tột-bực. Cái vòng huyền-hiện của Vô-minh, của cơn mê sáng, có thể gọi là bắt đầu. Cơn lốc hư-minh ấy cứ xoay tròn theo hình chôn-ốc như thế mãi, từ thời vô thủy, tạo thành một chiều-hướng hướng về trung-tâm của cơn lốc: đó tức là cái xu-hướng âm thầm chấp Ngã. Cũng tương tự như sự chuyển động spin của 1 hạt âm điện-tử (electron)... Vì những niệm mê-mờ cứ tiếp nối nổi lên, vô cùng vô tận qua các kiếp và các cõi, nên cơn lốc hư minh càng ngày càng chất chứa tình nhiễm, nặng nề và thô kệch, nên ngày càng chuyển động chậm lại, lần lần cô đọng lại thành những thứ hình chất, từ tế vi đến thô kệch. Trên cuộc hành trình, cơn lốc hư-minh hay vọng-thức ấy đã làm phát-hiện những vọng-tướng điên đảo hoặc hư-minh tức là cái vọng-tâm của chúng sanh, và cũng làm phát hiện những kiên-cố vọng tướng tức là những ảnh-tượng về thân-căn và quốc-độ của mỗi chúng sanh... Mỗi loài chúng sanh đều thường huân tập từ thời vô thủy trong Tầng thức của mình những chủng-tử nghiệp lực tương đồng gọi là cộng-nghiệp, và những chủng-tử biệt nghiệp. Đến kiếp này, những chủng-tử tương đồng nở ra, làm phát hiện những ảnh-tượng thân-căn và quốc-độ tương đồng. Những ảnh-tượng tương đồng ấy xen-lẫn-lồng-vào-nhau, tạo thành những cảnh giới có vẻ như có xứ sở nhất định, khiến cho mỗi loài chúng sanh đều lầm tưởng rằng những cảnh giới ấy có 1 thực tại khách quan biệt lập với tâm-thức mình. Kỳ thực, chúng chỉ là sự biến-hiện của những quang-minh của vọng thức chúng sanh, huân tập từ thời vô thủy, nẩy NỞ ra mà thôi. Và cảnh giới không hề lia tâm thức.

Cái vòng ảnh-tượng-trùng-trùng-huyền-hiện và trùng-trùng-thẩm-thấu ấy, kinh Kim cang và các kinh khác đều gọi là Vô tự tánh, là không-thật-không-hư, là Không, là Như-huyền, là Mộng-aỏ-bào-ảnh-lộ-Điển.

Về 6 chữ này, thì 5 chữ mộng-aỏ-bào-ảnh-lộ tương đối dễ hiểu và dễ lý giải. Nhưng riêng về chữ ĐIỂN, thiết tưởng cần lý giải kỹ hơn thì sau đây mới dễ hiểu thuyết Nhân-duyên trùng-trùng-duyên-khởi của nhà Phật.

Chữ ĐIỂN này là bờ-mé của lối nhìn như-huyền của nhà Phật, và cũng có thể coi là thuyết sát-na của nhà Phật, và cũng là đầu mối của thuyết về Thời-gian và Không gian của nhà Phật. Ở đây là bờ-mé của sự bí ẩn (mystery). ĐIỂN có nghĩa là TIA CHỚP NHÁNG.

Cần phải hiểu rằng mọi sự vật trong pháp-giới này đều là do những quang minh tâm thức kết tập và dệt nên. Kể cả những sự vật rắn chắc nhất (solides) như núi đá hay cây. Cái cảm giác rắn chắc mà thân-căn ta thường thọ lãnh, nếu nghĩ kỹ thì sẽ thấy rằng nó chẳng qua cũng chỉ là 1 cảm giác thôi. Nghĩa là cũng hư aỏ, tương tự như một làn khói tỏa. Vì xúc giác, cũng như các cảm giác khác, chỉ là 1 sự Huyền-khởi-tương-ưng do sự hội tụ một số nhân duyên... Vả lại, cái núi đá kia, mà ta tưởng là rắn chắc, thì lại có những loài quý-thần mang 1 nghiệp-lực khác và thân-căn dệt bằng 1 thứ quang minh khác, có thể dễ dàng đi qua núi đá. Sở dĩ đối với loài người chúng ta, núi đá phát hiện như có vẻ rắn chắc, chỉ là vì nó được dệt nên bằng quang minh của những kiên-cố vọng tưởng của ta tích lũy từ kiếp vô thủy. Vì vọng tưởng ấy quá kiên cố, nên khó hóa giải.

Trong bộ Đại trí độ luận, ngài Long thọ dạy: “Không có gì có thể coi là nhất định rắn chắc cả. Vì sao? Là vì nếu núi đá là rắn chắc thật, thì tại sao lại có người, nhập cơ

tam muội rồi đi qua núi đá đước? Tỷ dụ như ngài Ca diếp đã đến núi Kê túc, rồi nhập tam muội, đi vào ngòi giữa lòng núi đá, để chờ Đức Di lạc ra đời...”

Do đó, nói theo danh từ khoa học ngày nay, mọi sự vật chỉ là những đám mây mù điện tử, như khoa học đã chứng minh. Tỷ dụ 1 ngọn nến cháy chẳng hạn. Chúng ta nhìn ngọn nến cháy, thì thấy ảnh-tượng 1 ngọn lửa. Ảnh tượng do từ đâu mà phát hiện?... Nó phát hiện từ vô lượng vô số những tia-chớp-nháng liên-tiếp-nối-nhau-không-dứt (flash hay étincelle), vừa sanh ra đã diệt đi, và trong mỗi khoảnh khắc, tổng số những loạt tia-chớp-nháng ấy đã kết hợp lại thành một tổng-tượng ảnh-tượng mà mắt ta nhận là 1 ngọn nến đang cháy. Và những-tia-chớp-nháng ấy đều là do sự đốt cháy của vô lượng những phần-tử cực-vi của sáp và của dưỡng-khí trong không khí.

Đây là mới nói về phần thô cho dễ nhận định. Tìm hiểu sâu hơn nữa, thì những phần tử cực-vi kia là gì? Chúng là những hiện-tượng biến ảo, nửa như tâm nửa như vật, nửa như vô hình nửa như có hình sắc, nửa như Hạt-lượng-tử, nửa như làn-sóng-ba-động, vì chúng ở nơi bờ mé của sắc và hư-không. Khoa học ngày nay đã nhận thấy điểm lạ lùng ấy, và kêu lên rằng: “Những cực-vi, khi chúng tác động thì có vẻ như 1 hạt-lượng-tử (corpuscule), nhưng khi chúng di động thì lại có vẻ như 1 làn-sóng-ba-động (onde vibratoire)...” Chúng chỉ là những lượng-tử-mơ-hồ, tạm gọi là lượng tử, và rung chuyển theo 1 nhịp-điệu riêng biệt bất tuyệt. Và thực ra, chúng chỉ là những tia-chớp-nháng ĐỘT KHỞI LÊN TỪ BIỂN CHÂN KHIÔNG, từ Biển-quang-minh-uyên-nguyên. Và những quang minh uyên-nguyên vô hình tượng này lại chính là quang-minh của Vọng-thức mà

các chúng sanh đã làm phát hiện và tích lũy từ vô thủy.

Như vậy, những loạt tia-chớp-nháng thường hằng đột khởi lên từ nơi Chân-không, vừa hiện lên đã biến mất ngay. Nhưng do sức hiện hành của những chủng-tử nghiệp-lực tàng chứa trong Chân-không, nên chúng xuất hiện liên-miên và TUƠNG TỢ TUƠNG TỤC. Và vì tương-tợ-tương-tục, nên chúng tạo thành những ảnh tượng có vẻ nhất định mà giác quan con người hay chúng sanh lầm tưởng là những sự vật cố định, rồi khởi mọi thứ phiền não vì chúng. Kỳ thực, vật chỉ là 1 đám mây của những tia-chớp-nháng, của những làn ĐIỂN... Vì thế, kệ nhà Phật mới dạy:

Muôn vật đến từ đó (tức từ Chân-không)

Đột HIỆN rồi đột tan,

Tương-tự như bào-ảnh

Chẳng khác một giấc mơ...

Kẻ mê muốn nắm bắt

Như nắm bắt hư-không

Tựa như đường chim bay

Mịt mù không vết tích...

Trên đây là lấy tỷ dụ ngọn nến cháy cho dễ hiểu, dễ nhận định tính cách như-huyễn. Nhưng các sự vật khác cũng vậy, đều là những giòong-xuất-hiện-liên-miên-và-tương-tợ của những loạt tia-chớp-nháng đột khởi từ Chân-không, rồi tạo nên ảnh-tượng sự vật. Tỷ dụ như cái cây hay hòn đá cũng vậy... Cây bưởi kia cũng chỉ là một ảnh-tượng tạo nên do một giòong-xuất-hiện liên miên và tương tợ của những loạt tia chớp nháng nối nhau.

Sở dĩ chúng ta không biết là một giòong-xuất-hiện liên miên của những tia-chớp-nháng, là vì giác quan chúng ta quá thô kệch. Nhưng nếu chúng ta tu tập Thiền Như-huyễn đến cao độ, tiêu trừ được Sắc-uẩn, Thọ-uẩn

và Tướng-uẩn, rồi bước vào Hành-uẩn thì chúng ta sẽ tế nhận thấy cái giòng-xuất-hiện-LUU-CHUYỂN liên miên ấy của sự vật cũng như của tâm thức ta. Và khi kẻ hành giả phá vỡ được cả Hành-uẩn để bước vào bình diện Thức-uẩn, thì người đó sắp được rời bỏ lãnh vực LUU CHUYỂN để nhập vào con đường HOÀN DIỆT, thấy được cái BẤT BIẾN của Tự-tâm... Và Tự-tâm chính là cái Thực tại chẳng phải là Biến cũng chẳng phải Bất biến.

Còn Đức Phật thì ngài là Bạc Đại giác, có đủ ngũ nhãn, có Nhứt-thiết-chủng-trí, có 10 lực, đã phá vỡ Tầng thức từ nhiều kiếp lâu xa rồi và chuyển thành Bạch tịnh thức, nên ngài nhìn rõ mọi guồng máy sinh cơ của tạo vật. Và ngài đã đem giảng nói hết cho chúng sanh chúng ta. Nhưng vì ám chướng sâu dày, nên nhiều khi, chúng ta không chịu hiểu và không chịu tin...

Nay hãy trở lại 2 chữ LUU CHUYỂN.

Mỗi một tia-chớp-nháng ấy có thể coi là một-niệm-vi tế hay một sát-na, tức là 1 khoảnh khắc, hay 1 đơn-vị thời gian nhỏ nhất mà tâm-thức chúng sanh có thể quan-niệm.

Vấn đề sát-na này cũng rất tế-vi và khó hiểu. Vì trong kinh thường chỉ nói rằng: “Những-tia-chớp-nháng ấy vừa hiện ra là biến mất ngay...”, chứ không nói rõ hơn nữa.

Do đó, có những điểm thắc mắc đặt ra là:

- Những tia-chớp-nháng-ấy vừa sanh ra là diệt ngay. Vậy thì giữa khoảng sanh-diệt đó, nó có tồn-tại được chút nào chẳng? Nếu nó có tồn tại được 1 chút, thì tức là tia-chớp-nháng ấy phải sanh ra ở sát-na này, và diệt ở sát-na kế tiếp. Nghĩa là tia-chớp-nháng ấy có hàm chứa Thời-gian-tính.

- Những tia-chớp-nháng ấy sanh ra ở chỗ này, và diệt ngay ở chỗ đó, hay là diệt ở một chỗ khác? Nghĩa là nó có hàm chứa Không-gian-tính hay không?

Về 2 điểm thắc mắc này, thì xưa kia, 1 số những vị luận-sư A-tỳ-đàm đã tranh luận với nhau rất nhiều.

Ở bên Trung hoa, thì có ngài Huệ-viễn đại sư đã mang vấn-đề này (sanh-diệt nhất thời hay dị thời?) ra hỏi ngài Cưu ma La thập...Ngài La thập trả lời rằng: “Phật dạy rằng thân con người thì có sanh-lão-bệnh-tử, niệm niệm không đình trụ, bên ngoài thì lá vàng cỏ úa rơi rụng điêu linh cũng không phải là hằng thường. Bản ý Phật là khiến con người lià bỏ kiến chấp thường tại đối với thế pháp, nhằm chán thế pháp, bước vào chánh đạo mà thôi...Thực sự, Phật không nói nhất thời hay dị thời gì cả...”

Về điểm này cũng như về câu trả lời của Ngài La thập, kẻ viết thiển nghĩ cần hiểu như sau:

Mỗi khi Phật nói pháp vi-diệu, Phật thường dùng 2 cách: một là ngài dùng ngay thần-lực vô biên của mình để vô-ngôn-thuyết-pháp, nâng ngay tâm-thức của chúng hội lên mức độ thanh tịnh có thể trực nhận Pháp-thân-chân-cảnh, trực nhận những cảnh giới hào quang siêu-xuất ở bờ-mé của sanh và vô sanh. Tỷ dụ như trong kinh Pháp hoa, phẩm Tựa, ngài phóng hào quang khiến cho chúng hội nhìn thấy rõ 18000 cõi ở phương Đông. Rồi đến phẩm Hiện Bửu tháp, ngài lại hóa hiện 400 vạn ức cõi nước để lấy chỗ ngồi cho các hóa thân Phật và cũng khiến cho chúng-hội đều nhìn thấy...Sau đó, nếu ngài nhận thấy rằng chúng hội vẫn chưa hiểu rõ, thì ngài lại phải khởi tâm Đại bi, dùng ngôn từ để diễn giảng.

Ngôn từ vốn là của thế tục, của trí thức thường nghiệm. Nên khi ngài dùng ngôn từ, thì ngài thường phải

diễn giảng theo trí thức thường nghiệm, theo Tục đế... Nhưng tuy dùng ngôn từ và diễn nói theo Tục Đế (tức là chân-lý tương đối), bản ý của ngài lại là muốn chúng-hội vươn tới những bình-diện chân lý cao hơn, và nhất là tới chân-lý tối thượng Duy tâm sở hiện. Nên thường khi, ngài không thể đóng khung lời giảng trong những ý-niệm cứng nhắc nào cả. Vì ý niệm nào cũng không thể diễn tả được trọn vẹn cái lẽ Biến-hiện và lý Như-như. Nên ngài thường chỉ nói 1 phần, còn một phần thì để cho người nghe tự suy tư và lãnh hội.

Cho nên, khi nói tới tia-chớp-nháng hay sát-na, ngài chỉ thường nói rằng thâm tâm chúng sanh cùng vạn vật đều vô thường, niệm-niệm-sanh-diệt để khiến chúng sanh lia kiến chấp thường tại. Nhưng ngài không thể nói rõ rằng lẽ sanh-diệt đó là nhất thời hay dị thời được. Vì sao?... là vì dị thời hay nhất thời, hay phi-dị-phi-nhất đều là tùy thuộc cái tâm của chúng sanh nhận thức, tùy theo cái NHỊP ĐẬP BÊN BỔNG của tâm chúng sanh. Mỗi 1 tia-chớp-nháng của sự vật hay tâm thức đều là 1 nhịp-đập của tâm chúng sanh... Nếu tâm chúng sanh có nhiều ám chướng tình nhiễm, thì chúng sanh ấy sẽ nhận thấy rằng trong cái giòng-biến-hiện-như-huyễn kia, lẽ sanh-diệt là dị thời. Và sẽ khởi lên 1 vọng-tưởng về Thời-gian DÀI LÊ THÊ. Nếu tâm chúng sanh ít ám chướng tình nhiễm, thì chúng sanh ấy sẽ nhận thấy rằng trong giòng-biến-hiện, lẽ sanh diệt có vẻ như nhất thời. Và sẽ khởi lên 1 vọng-tưởng nhẹ nhàng về thời-gian, thấy thời-gian trôi nhanh và lẹ như 1 khảy móng tay. Như có người ngồi thiền cao độ, nhập định 5, 6 ngày, lúc xuất định thấy thời gian đó trôi qua như khảy móng tay... Còn đối với 1 bậc Đại Bồ tát, thì tâm đã gột sạch hết mọi tình nhiễm cùng vô minh vi tế, thì tâm của ngài là như-như, phi-dị-phi-

nhất, phi-đại-phi-tiểu, đã lia lưu chuyển trở lại HỒÀN DIỆT rồi, nên thời-gian cùng Không gian đều bị hóa giải. Vì Không-gian cùng Thời-gian đều là những vọng tưởng lớn của chúng sanh.

Trong cuốn Lăng kính Đại thừa, chương Cực-vi Như huyễn, kẻ viết đã có dịp trình bày tường tận hơn về thuyết Không-gian và Thời-gian trong kinh Phật.

**ĐIỂM 3:** Sau nữa, cần hiểu rằng mỗi chúng sanh, mỗi loài chúng sanh đều có 1 mức độ tâm-thức riêng biệt, một mức độ nghiệp-lực hay đạo-lực riêng biệt, một mức độ nhãn-lực riêng biệt. Do đó, nên khi nhìn pháp-giới, thường làm phát hiện những ảnh-tượng có vẻ như khác nhau... Và Chư Như lai cũng thường phải y cứ vào đó để giảng dạy, tùy theo căn cơ của chúng sanh nghe pháp.

Bởi vậy, kinh Hoa nghiêm, trang 1369 dạy:

“Tất cả các pháp đều duyên khởi  
 Tất cả các pháp đều như-huyễn  
 Tất cả các pháp đều như-như  
 Tất cả các pháp đều tịch-tĩnh...”

Đó là nói về những mức độ nhãn-lực (different levels of seeing) của chúng sanh và của người tu. Nếu không hiểu rõ điểm này, thì nhiều khi đọc kinh Đại thừa, ta thấy nghi hoặc khó hiểu, vì có lúc ta thấy Phật nói nhân duyên, rồi có lúc Phật lại bác nhân duyên và nói như-huyễn như trong kinh Lăng-nghiêm chẳng hạn.

Về mức độ nhãn lực này, thì vì chúng sanh vô lượng nên mức độ tâm-thức cũng vô lượng. Nhưng tựu trung, trên đại thể, có mấy loại như sau:

**A - Mức độ phàm phu:** Ở mức độ này, phàm phu chúng ta thường thả tâm rong ruổi theo vọng tâm và thường tình của thế gian. Thường nghĩ và chấp rằng:



Duyên. Còn cái NHÂN THỰC SỰ, thì nó nằm ở những chủng tử nghiệp lực ở nơi tàng thức vô hình, ở nơi chân không, đến nay trở thành hiện hành thì nó liền mượn các thứ duyên hình chất để NỞ ra mà thôi.

Hạt giống của cây cam, làm phát hiện lên cây cam, rồi nở hoa cam...cũng tương tự như vậy thôi. Hạt giống không phải là nhân thực sự của cây cam, gọi là nhân là nói theo thế tục và cũng vì nó có vẻ chính yếu. Kỳ thực, nó cũng chỉ là duyên, nó là một môi trường duyên sinh. Nhân thực sự của cây cam thì nó nằm ở chỗ vô hình, ở những ba động quang minh của chủng-tử cây cam. Tuy chủng tử ấy không thể gọi là thần thức được, nhưng cây cỏ cũng có một thứ thức giác thô sơ của nó (như ngày nay các nhà thảo mộc học đã chứng minh và Kinh Tâm Địa Quán cũng gọi cái thức giác thô sơ ấy là Phi-tình-thần-thức). Và những chủng tử ba-động của thức giác thô sơ ấy đã gá vào môi trường duyên sinh của hạt giống để làm phát hiện nên cây cam...Bởi vậy, nên nếu theo đúng giới luật của nhà Phật, thì ngay đến cây cỏ tươi cũng không được bút chặt...Vả lại, nếu hạt giống là nhân thực sự của cây cam, thì nó cũng không cần tới những duyên khác (như đất nước, ánh mặt trời...) mà vẫn làm mọc lên cây cam được.

Bởi thế, nên trong bộ Trung quán luận, ngài Long thọ đã dạy: “Sự vật không phải tự-sanh, không phải Tha-sanh, không phải Cộng-sanh, cũng không phải không nhân...”

Có nghĩa là: Trong pháp-giới này, sự vật không phải là Tự-nó-sanh-ra-nó, cũng không phải là cái khác (Tha) sanh ra nó, cũng không phải là Nó-hòa-hiệp-với-cái-khác mà sanh ra nó, nhưng cũng không phải là không có nguyên nhân hay lý do. Lý do là: sự vật đều là duyên

khởi, là duyên sinh, tức là nương vào nhau mà khởi lên, mà phát hiện ra mà thôi.

Lời dạy bí hiểm này của ngài Long thọ, nếu ta mới đọc thì thấy ngớ người ra. Nhưng suy nghĩ lâu, thì thấy thực là đúng... Tuệ-nhân của nhà Phật lạ lùng kỳ diệu là như vậy.

Vì thế, nên trong đạo Bà la môn giáo, nếu họ nói rằng: Phạm thiên là Đấng sáng tạo, đã sanh ra thế-giới này, thì đó là một lối nhìn đượm mùi thế tục. Nhưng nếu họ nói rằng: thế giới này là một giấc mơ của Phạm thiên, thì lối nhìn này đã cao hơn và chân xác hơn, vì đã lià được ngã-tướng và đi gần tới tính cách như huyễn của sự vật... Nhưng dù sao chăng nữa, thì Phạm thiên chỉ là một bậc thần linh, chưa có đủ tự-tại-lực để hóa hiện ra vũ trụ này. Và vũ trụ chỉ là một giấc chiêm bao của cái tâm chúng sanh thì chân xác hơn...

**B - Mức độ Nhị thừa và THUYẾT NHÂN DUYÊN:**

Đến mức độ này, để tiếp dẫn căn cơ của những đệ tử tu hành, Phật thường giảng nói nhiều về lý Duyên Khởi, về Lý tương sanh tương duyên, về Lý nhân duyên. Theo đúng nghĩa, thì phải dùng danh từ Lý Duyên Khởi, hay Lý tương sanh tương duyên (Universal Relativity) thì đúng hơn là lý nhân duyên.

Mức độ Nhị thừa là mức độ của những người đã vượt qua các chặng đường tu tập của ngoại phạm và nội phạm và bắt đầu bước vào trí-huệ siêu xuất.

Lối giảng dạy của nhà Phật cũng thường rất tế-vi uyên áo. Phật thường giảng lần lần từ chỗ thấp đến chỗ cao, từ bình diện duyên sanh đến mức độ Như-huyễn rồi đến mức độ như-như-tịch-tĩnh. Tỷ dụ như pháp môn Tứ đế chẳng hạn... Lúc đầu, khi giảng cho hàng Thanh văn, thì ngài chỉ nói Tứ đế 12 hành là: Đây là khổ đây là tập

đây là diệt đây là đạo, Khổ nên biết Tập nên dứt Diệt nên chứng Đạo nên tu, và Khổ biết rồi Tập dứt rồi Diệt chứng rồi Đạo tu rồi... Nhưng đến khi giảng kinh Đại Bát niết bàn, thì ngài lại dạy rằng: Nếu người tu Tứ đế mà biết phóng tầm nhìn của mình, hiểu rằng những pháp đó không phải là thực có, chỉ là như-huyễn, chỉ là sự biến-hiện của Pháp-thân thường trụ, và chúng vốn như-như tịch-tĩnh, thì người đó không phải là tu Tứ đế mà chính là tu Tứ Thánh Đế.

Do đó, thì hiểu rằng mọi pháp môn đều có sâu có cạn, quả đắc có cao có thấp... đều là tùy thuộc vào lối nhìn của hành giả, tùy thuộc vào Tâm của hành giả.

ngoài ra, trong việc chiếu soi quán tưởng, Phật cũng thường dạy chiếu soi quán tưởng theo nhiều khía cạnh: hoặc khía cạnh ngang hoặc khía cạnh dọc, hoặc khía cạnh sâu, hoặc từ ngoài vào trong hoặc từ trong ra ngoài, hoặc từ vô-hình ra hữu-hình hoặc ngược lại... v.v... Tỷ dụ như quán về thân-tâm con người chẳng hạn. Có thể quán ngũ-uẩn, từ Sắc vào đến Thức. Hoặc quán 7 đại, là địa-thủy-hỏa-phong-không-kiến-thức. Hoặc quán 12 xứ, 18 giới... Như vậy, chúng sanh có thể tùy theo căn cơ của mình mà lựa chọn phép quán chiếu thích ứng. Hoặc nếu 1 hành giả có thể quán theo nhiều khía cạnh được, thì sự quán chiếu của mình sẽ được sâu xa thuần thực hơn...

\*\*\*

Nay nói đến Lý duyên khởi hay thuyết NHÂN DUYÊN.

Thuyết nhân-duyên của nhà Phật rất là phiền mật. Ngay trong kinh Đại Bát niết bàn, cũng có nhiều đoạn nói

về nhân-duyên và có nhiều cách xếp hạng nhân-duyên. Ở đây, kẻ viết chỉ muốn nhắc tới những điểm chính yếu và có thể hiểu được mà thôi.

Lý Duyên khởi là một lối nhìn. Nhìn thấy rằng sự vật không phải là cố định ù lý, không phải là thường còn, không phải là Ngã, không phải là cái nọ sanh ra cái kia...mà thấy rằng pháp-giới chính là 1 giòng-mênh-mang-biến-chuyển của hiện-tượng, thiết-yếu-tương-quan, thiết-yếu-tương-duyên-tương-sinh. Nghĩa là không có vật gì nhất-định là vật gì cả, và tất cả các pháp, các hiện-tượng đều NUÔNG vào nhau mà phát khởi lên hoặc biến di mà thôi.

Về Lý duyên khởi này, cũng như đối với nhiều pháp-môn khác, kẻ hành giả có thể phóng tâm-nhìn của mình theo nhiều mức độ.

Tỷ dụ như ở mức độ đơn sơ, thì ta có thể nói theo như Phật đã giảng trong kinh A hàm:

Cái này có thì cái kia có  
Cái này sanh thì cái kia sanh,  
Cái này không thì cái kia không  
Cái này diệt thì cái kia diệt...

Còn ở mức độ tối thượng thì lại phải nói rằng: mọi sự vật đều có vô lượng nhân duyên, và pháp-giới là một màn huyễn-hiện của vô-vàn-ảnh-tượng-huyễn-khởi-trùng-trùng, thắm-thấu-trùng-trùng, và trùng-trùng-ảnh-tượng-lẫn-nhau...và tất cả đều viên-dung-vô-ngại. Trong một có thể thấy tất cả và trong tất cả có thể thấy một...Nhưng đó thì lại bước vào giáo-lý tối thượng của kinh Hoa nghiêm rồi.

Ở đây, trong tiết này, thiết tưởng chỉ cần nói tới 2 thuyết nhân-duyên ở mức độ trung bình, và thứ ờng được đặt vào mức-độ Nhị thừa: đó là thuyết 12 nhân duyên, và thuyết 4 nhân-duyên...

## GIÁO LÝ THẬP-NHỊ NHÂN-DUYÊN

Về giáo lý này, đã có nhiều sách vở giảng nói, nên cũng không cần nói dài ở đây.

Đây là một giáo lý khá thâm sâu mà Chư Phật đã nói ra. Cũng được gọi là Thập nhị Trùng thành, hay Thập nhị Liên hoàn... Nó mô tả cái-vòng-biến-chuyển của vô minh hay nghiệp lực, chuyển từ chỗ vô-hình ra bình diện hữu-hình, rồi lại từ hữu-hình huân tập trở lại chỗ vô hình để tiếp nối không dứt cái vòng biến chuyển... Nó cũng là cái lịch-trình chuyển-biến từ Tam tế ra đến Lục thô, rồi lại từ Lục thô huân tập trở lại Tam tế, mà ngài Mã minh đã diễn nói trong bộ luận Đại thừa khởi tín... Nó gồm 12 khoen tròn nhân-duyên vừa tương-sinh vừa tương-duyên, mỗi cái vừa là nhân vừa là quả của những cái kia, và mỗi cái đều hàm chứa những bản chất của những cái kia... Kinh Kim quang minh dạy rằng, xưa kia, trong 1 tiền thân của Phật Thích ca là ngài trưởng giả lưu thủy, và ngài Lưu thủy đã mang giáo lý thậm thâm 12 nhân duyên này giảng cho 10000 con cá hấp hối nghe để khiến cá được sanh lên cõi trời, vì bồ tát cũng thường thuyết pháp cho loài súc sanh nghe.

12 Khoen tròn nhân-duyên là:

- **Vô-minh duyên Hành:** Trên giòng đời lưu-chuyển của 12 khoen tròn nhân-duyên này, nhà Phật bao giờ cũng dùng chữ DUYÊN. Tỷ dụ như vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức... chứ không bao giờ dùng chữ Nhân cả. Là vì chỉ có cái này duyên cái nọ, chứ không hề có cái gì sanh ra cái gì cả.

Vô-minh ở đây là chỉ cho những phiền-não hoặc-lâu

của thời QUA KHỨ, tức là những niệm-mê-vô-thủy, những niệm-vô-minh-câu sanh. Mê sự mê lý, quên mình chính là Chân-tâm-diệu-minh trong sáng tốt bực, rồi quay trở lại chiếu soi vào chính mình, làm phát hiện mọi thứ trần lao cùng mọi kiến chấp. Chấp có mình có người, có trong có ngoài, có căn có cảnh, có thường có đoạn, có đến có đi, có tốt có xấu, có nam có nữ...

Do mê lầm như vậy, nên liên-miên tạo tác thi-vi, tạo thành những hạnh-nghiệp lành dữ. Gọi đó là Hành. Hành là đối-dời-trôi-lăn-lưu-chuyển, như 1 giòng-thác lũ, không có niệm nào ngưng nghỉ, luôn luôn bập bênh giao động.

- **Hành duyên Thức:** Những hạnh-nghiệp lành dữ ấy không bao giờ mất được, nó tạo thành những vết-hằn của thời QUA KHỨ và in sâu vào tâm-khảm. Nó tạo thành những cơn-lốc-ba-động-quang-minh, tương tự như những vết-xoáy-nước, gọi là những tập-khí-chủng-tử huân tập vào trong Tàng-thức của chúng sanh. Nên Thức đây tức là Tàng-thức, tức A lại đa thức, tức Thần-thức...chứ không phải là 7 thức kia.

Do sự suy-động u-uẩn-vi-tế của những chủng-tử hiện hành NỞ ra, nên thần-thức này bị dẫn dắt đi tìm đường thọ thai hay thọ sanh.

- **Thức duyên Danh-sắc:** Lọt vào thai rồi, thì thần-thức GÁ vào tinh-trùng và máu huyết của cha mẹ, lấy đó làm khởi-điểm và môi-trường duyên sanh. Môi-trường này cũng tương tự như cái mà ngày nay gọi là điện-từ-trường (electromagnetic field), nhưng vi-tế u-uẩn hơn nhiều.

Lọt vào thai này cũng không phải là sự ngẫu-nhiên. Mà là do những ba-động của chủng-tử nở ra, có những nhịp-điệu TƯƠNG UNG với những ba-động của tinh-

huyết cha mẹ. Tương ứng hoặc là theo chiều thuận, hoặc theo chiều nghịch, hoặc âm hoặc oán.

Thần-thức tiếp tục dùng sức rung-động nội-tại của mình để quyện các cực-vi thể chất chung quanh, sát nhập chúng vào môi trường của mình. Tạo thành một hình hài tương tự như một cục sữa đặc gọi là Ca-la-lã. Sức rung động nội tại ấy, danh từ nhà Phật gọi là những cơn phong luân của nghiệp lực.

Lúc đó, ca-la-lã này đã gồm đủ 5 uẩn: sắc thọ tưởng hành thức. Nhưng các căn thì chưa thành hình đủ: mới chỉ có ý-căn và thân-căn thôi. Còn thiếu 4 căn là: nhãn nhĩ ty thiệt.

Nên gọi là Danh-sắc, sắc là chỉ cho hình sắc, còn Danh chỉ cho 4 uẩn kia.

- **Danh-sắc duyên Lục-nhập:** Ca-la-lã ngày càng tăng trưởng hoàn bị. Sở dĩ tăng trưởng là do những trận phong luân vi-tế của chủng-tử nghiệp-lực. Cũng tương tự như ở kiếp Thành, những trận đại-phong-luân của cộng-nghiệp chúng sanh đã nổi lên ào ạt để phôi thai lần lần lên Hoa tạng thế-giới. Vì trong và ngoài cũng tương tự như nhau, chỉ khác ở kích-độ mà thôi.

Đủ cả 6 căn rồi, thì gọi là Lục nhập. Vì 6 căn luôn luôn đảm nhiệm 6 trần. Và cũng vì căn trần đều là do Nghiệp thức biến hiện tạo dựng lên.

- **Lục nhập duyên Xúc:** Cái thai HIỆN TẠI đã hoàn toàn thành tựu rồi, bèn chui ra khỏi bào thai và xúc tiếp với thế-giới bên ngoài. Gọi là Xúc.

Xúc này còn mơ hồ, chưa phân biệt rõ được Khổ Vui.

- **Xúc duyên Thọ:** Lần lần phân biệt được khổ vui, hoặc không khổ không vui...thì gọi là Thọ.

- **Thọ duyên Ái:** Thọ lãnh sự vui thích quen rồi, trở thành tập-nhiệm, ưa thích ngũ dục (tài, sắc, danh, thực,

thù) thì gọi là Ái... Thân tâm HIỆN TẠI như vậy đã lần lần hoàn bị.

- **Ái duyên Thủ:** Do Ái nên luôn luôn khởi tâm tham cầu. Tham cầu bên trong, tham cầu bên ngoài, lúc nào cũng muốn giữ lấy. Gọi là Thủ.

Do đó, Ái và Thủ tức là những mê-lậu của thân tâm hiện tại. Chúng tức là Vô minh của đời hiện tại... Ái và Thủ này đều lấy cái vọng-tướng Ngã làm tiêu chuẩn.

- **Thủ duyên Hữu:** Do chấp trước muốn giữ, nên lại tạo khởi đủ các nghiệp thân-khẩu-ý. Gọi đó là Hữu.

Hữu cũng tức là Hành của thời quá khứ và đã nói ở trên. Do Hữu hay Hành này, nên những chủng-tử nghiệp-lực mới lại được huân tập vào trong Tầng thức, để làm đầu mối cho sự Sanh trong một kiếp VỊ LAI.

- **Hữu duyên Sanh:** những chủng-tử nghiệp lực mới ấy sẽ làm đầu mối cho sự Sanh trong 1 kiếp VỊ LAI.

- **Sanh duyên Lão-Bịnh-Tử:** Đã có sanh thì dĩ nhiên sẽ có Lão Bệnh Tử.

Thập nhị nhân duyên này là nói về cái vòng biến-chuyển của phân-đoạn sanh tử trong 3 thời quá khứ-hiện-tại-vị lai... Còn về lẽ biến dịch sanh tử, thì dĩ nhiên là thân tâm của mỗi chúng sanh đều thay đổi biến chuyển trong từng sát-na, theo như những tia chớp-nháng đã nói ở trên.

\*\*\*

#### THUYẾT 4 NHÂN DUYÊN

Giáo lý 12 nhân duyên trên đây là đi vào chiều SÂU, đi từ chỗ vô hình nở ra thành hữu hình, rồi lại từ hữu hình huân tập vào chỗ vô hình, rồi lại nở ra, cứ như vậy liên miên lưu-chuyển không dứt... Chỉ trừ đối với những



bậc nào đã chuyển hóa được mọi mầm mống sanh tử...Giáo lý đó cũng đi ngang qua hệ thống Duy thức của nhà Phật, và lý giải về cái bí ẩn của luân-hồi nghiệp báo. Nên thường được coi là giáo lý thâm thâm. Xưa kia, đã từng có nhiều bậc ẩn thân ở nơi hang sâu núi thẳm, ngồi nhìn hoa rơi cỏ rụng và quán Lý nhân duyên này mà đắc quả Duyên giác hay Bích chi Phật.

Thuyết 4 nhân duyên thì không nhìn vào chiều sâu mấy, mà là một lối nhìn về bề MẶT của sự phát khởi các hiện tượng, nên nương vào hình tượng nhiều hơn...Thực ra, thì trong nhiều kinh Phật vẫn thường nói vô lượng nhân duyên, và kinh Đại Bát niết bàn có nhắc đến nhiều cách xếp hạng nhân duyên. Nhưng thiết tưởng không nên đi sâu vào nhiều vì dễ bị lạc.

Tuy nhiên, nếu suy ngẫm kỹ thì thấy ý thú của thuyết 4 nhân duyên này cũng rất là vi diệu và tầm mức cũng rất bao quát, có thể bao quát thấu gồm vô lượng nhân duyên...Thuyết này dĩ nhiên cũng xuất xứ từ kinh, và các luận sư A tỳ đàm đã luận giải khá kỹ càng trong các bộ luận. Đồng thời, cũng được hầu hết các tông phái thừa nhận.

Cũng cần ghi rằng lối nhìn duyên-khởi này của Nhị thừa có thể coi như tương xứng với lối nhìn Y-tha-khởi trong hệ thống Duy thức. Trong hệ thống này, thường chia ra có 3 tự tánh: tự tánh Biến kế sở chấp, tánh Y tha khởi và tánh Viên thành thực. Biến kế sở chấp là lối nhìn đầy vọng-thức phân biệt, nên tương xứng với mức độ nhãn lực của phàm phu. Y tha khởi là lối nhìn tương duyên tương sinh, coi mọi vật là hàm-số của những vật khác, nên tương xứng với lối nhìn duyên-khởi của Nhị thừa...Còn lối nhìn Viên thành thật là tương xứng với lối nhìn Biến-hiện-như-huyễn và Như-như-tịch-tĩnh. Trên đại để là như vậy.

Nhân duyên cũng có thể gọi nôm na là điều kiện. Nhưng chữ điều kiện thiếu ý nghĩa linh động và tương duyên tương sanh, nên thiết tưởng không nên dùng.

Theo thuyết 4 nhân duyên, thì sự vật ở bên ngoài hay tâm tưởng ở bên trong cũng thường khởi lên do 4 nhân duyên:

Nhân duyên

Tăng thượng duyên

Sở duyên duyên

Đẳng vô gián duyên.

4 nhân duyên này là đi từ lối nhìn thiển cận đến lối nhìn sâu sắc hơn, đồng thời đi từ chỗ hẹp đến chỗ rộng hơn.

- **Thế nào là Nhân Duyên?** Là tỷ dụ như người mẹ sanh ra người con, hạt giống cam sanh ra cây cam, sữa sanh ra chất lạc.v.v...Về điểm này, ở trên đã giải rằng thực ra, người mẹ và hạt giống và sữa cùng chẳng phải là nhân mà chỉ là duyên thôi. Nhưng được gọi là nhân là vì Duyên này có vẻ như chính yếu...Nếu nhìn sâu hơn nữa, thì sẽ thấy rằng Sanh-nhân thực sự của người con không phải là người mẹ, mà nó nằm ở trong chỗ vô hình, trong những chủng-từ nghiệp-lực tàng trữ nơi thần-thức lãng đãng. Và Sanh-nhân của cây cam cũng nằm trong những ba-động quang minh của chủng-tử thức giác thô sơ của cây cam, chủng tử gá vào hạt giống như 1 môi-trường duyên sinh mà thôi.

Nhưng vì cái Duyên này có vẻ chính yếu, nên tạm gọi nó là Nhân-duyên hay Sanh-nhân.

Ba tỷ dụ trên đây đều thuộc về ngoại-pháp, tức là những hiện-tượng tạm gọi là bên ngoài...Nếu nói đến nội-pháp tức là những tâm-niệm hay tâm-tưởng, thì dĩ nhiên Sanh-nhân của chúng lại càng u-uẩn và ở sâu hơn

nữa. Sanh-nhân của chúng chính là những chủng-tử phiền-não tích lũy từ kiếp vô thủy, đến kiếp này gặp ngoại duyên tương-ưng và thuận lợi nên nở xòe ra. Tỷ dụ như 1 người đã tích lũy nhiều chủng-tử sân thì dễ khởi những tâm-niệm sân. Hoặc một người đã niệm Phật hay thiền quán từ nhiều kiếp, thì đến nay dễ niệm Phật hay thiền quán hơn.v.v...

Đại khái Nhân-duyên hay Sanh-nhân là như vậy...

– Thế nào là Tăng thượng Duyên? Tăng-thượng là làm cho tăng trưởng, lớn mạnh... Tỷ dụ như đối với cây cam, thì đất nước phân bón ánh sáng mặt trời và công người vun sới là những tăng-thượng duyên. Đối với người con, thì sự giữ gìn ăn uống dưỡng thai của người mẹ là tăng-thượng-duyên. Đối với chất lạc, thì sự ủ ấp chất sữa chẳng hạn là tăng-thượng-duyên.

Còn đối với những tâm-tướng thì sao? Trong vụ này, tăng-thượng-duyên chính là sự xuất hiện những ngoại duyên tương ưng, hoặc là công phu suy tư hay quán chiếu của người trong cuộc... Tỷ dụ như đối với một người đã có sẵn trong Tàng thức nhiều chủng-tử đọc kinh Phật tích lũy từ kiếp trước. Nhưng đến kiếp này, cũng cần phải gặp kinh hay thiện trí thức thì tâm-niệm đọc kinh mới chóng tăng trưởng. Và khi được đọc kinh rồi, cũng cần phải nhiếp tâm suy tư hay quán chiếu theo lời kinh, thì những tâm-tướng đạo lý mới chóng lớn mạnh... Đối với người có nhiều chủng-tử tham hay sân cũng vậy. Nếu quen gần những người ác, thì những tâm-niệm tham sân nổi lên bời bời. Nếu gần được thiện trí thức chỉ bảo cho cách suy tư hay quán chiếu theo ánh sáng của đạo-lý, thì những tâm niệm ấy lại giảm bớt đi... Tâm tướng của con người hoặc chúng sanh thực là lạ lùng, và nếu biết dùng sức Quán chiếu để quán chiếu ngay

vào tâm-niệm ấy, thì tâm-niệm ấy sẽ biến hóa thay đổi đi hoặc được hóa giải. Tỷ dụ như 1 người đang khởi tâm tham cầu, hoặc sân hoặc buồn. Nhưng nếu biết dùng ngay tâm mình, quay lại quán chiếu ngay vào tâm trạng đang khởi lên đó, hoặc suy tư phân tích nguyên do cùng diễn biến của nó, hoặc quán chiếu nó là Như-huyễn, nổi lên như 1 áng-mây-sâu, một làn khói tỏa, nổi lên chẳng từ đâu, và biến đi cũng chẳng đến đâu...thì tâm trạng buồn hay sân sẽ biến hóa thay đổi, hoặc tan biến đi như đám sương mù bị ánh mặt trời dọi vào...

Hai duyên trên đây (nhân-duyên và tăng-thượng-duyên) là thuộc lối nhìn thiển cận và hẹp. Hai duyên sau đây sẽ mở tung cánh cửa để nhìn vào một chân trời rộng hơn, sâu hơn.

- Thế nào là **SỞ DUYÊN DUYÊN?**...Sở-duyên-duyên tức là **TẤT CẢ** những **ĐỐI TƯỢNG** bao quanh 1 pháp hay 1 hiện tượng. Những đối-tượng này đều là tương-duyên, hoặc **TƯƠNG SANH** hoặc **TƯƠNG KHẮC**. Hoặc rất gần ở ngay chung quanh, hoặc rất xa ở trong tất cả pháp-giới. Nghĩa là tất cả sự vật chung quanh (environnement), rồi trải rộng ra trên khắp **KHÔNG GIAN** trong toàn pháp giới. Vì sao vậy?...Là vì tất cả sự vật đều có thể ảnh hưởng tới 1 sự vật, đều là đối tượng tương duyên của 1 sự vật...Đại Trí độ luận dạy: “Sở-duyên-duyên, tức là tất cả các pháp...” Như thế, Sở duyên-duyên không giới hạn nhân-duyên ở 1 số sự vật nữa, mà mở tung cánh cửa cho vô-lượng nhân duyên.

Nếu lấy tỷ dụ là cây cam, thì con ong con kiến bò trên cây cam, hoặc 1 luồng gió thổi qua...một trận mưa đều là sở-duyên-duyên. Con ong có thể hút nhị hoa cam, làn gió có thể làm tươi mát hoặc thổi gãy cành cam. Trận mưa cũng vậy. Ngay những vị tinh tú ở xa lắc, cũng có thể ảnh

hưởng đến cây cam vì có thể ảnh hưởng đến ánh sáng mặt trời.v.v...

Nếu lấy tỷ dụ là đứa con, thì một con chó con mèo chạy qua, hoặc một chiếc ghế để bên...đều là sở duyên-duyên, vì có thể ảnh-hưởng tốt xấu. Khi còn ngồi trong thai, thì mấy bác còm do người mẹ ăn vào quá no, cũng khiến cái thai khó thở. Mặt trời hoặc các vì tinh tú xa lác cũng thường phóng ánh sáng hoặc 1 thứ quang minh nào đó, có ảnh hưởng nhiều hay ít tới cái thai...Xưa kia, Phật có một đệ tử lúc trước tu theo ngoại đạo, nên rất giỏi về khoa chiêm tinh. Một đêm, ông ta ngồi lặng coi các tinh tú, rồi bỗng hốt hoảng thưa với Phật: “Bạch Thế tôn, thật là nguy kịch. Miền này sẽ bị mưa nguồn giông giã triền miên trong suốt 12 năm. Chắc là sẽ lụt lội to, đói kém và nhiều người chết...”Phật ngồi yên giây lâu, rồi hỏi lại: “Bây giờ, ông thử coi kỹ lại các vì tinh tú xem sao, xem có chắc là 12 năm không?” Vị đệ tử coi lại một hồi lâu, rồi thưa:” Bạch Thế tôn, thực là lạ lùng! Con coi lại thì thấy nhiều vì sao đã thay đổi hướng đi. Chắc là chỉ mưa độ 6 tháng thôi...” Phật lại bảo: “Ông ráng coi kỹ lại một lần nữa xem sao...” Vị đệ tử lại coi, rồi thưa: “Bạch Thế tôn, con thực không hiểu ra sao nữa. Con coi lại thì thấy rằng chỉ còn mưa có 7 ngày đêm thôi...”...Thì ra Phật, vì lòng Đại bi, đã nhập Từ tam muội, dùng thần lực vô biên của mình để thay đổi cả đến sự vận hành của tinh tú...Câu chuyện này được kể trong Đại Trí độ luận.

Như thế, thì tất cả chúng sanh ở miền ấy đã được nương nhờ vào thần lực của Phật mà vẫn không hay không biết...Sở dĩ Phật còn để lại 7 ngày mưa, là vì chư Phật cũng phải tôn trọng luật tác nhân-quả nghiệp-báo, và để cho dân chúng phải trả nghiệp một cách tượng trưng. Còn về chỗ nghiệp báo dư thừa kia, thì chính Ngài

phải gánh chịu hộ cho dân chúng miền ấy. Nhưng vì phước báo của Ngài, trải qua a-tăng-kỳ kiếp tu lục độ vạn hạnh, đã tích tụ lại ngang bằng pháp giới, nên nghiệp báo dư thừa kia đã chìm vào biển phước ấy tương tự như 1 hạt muối tan vào biển cả... Một vị đạo-sư bản lãnh thấp hơn thì không thể nào gánh vác như vậy được. Và chắc là dân chúng miền ấy cũng đã gây nhiều túc duyên với Phật từ nhiều kiếp, nên Ngài mới làm vậy.

Cũng bởi thế nên trong pháp giới này, Chư Phật cùng Đại Bồ tát nhiều như a-tăng-kỳ số cát sông Hằng, cũng đều là Sở-duyên-duyên của chúng ta. Vì sao? Là vì chúng ta vẫn nằm trong quang minh của các Ngài, trong diệu-sắc-thân của các Ngài, vẫn nương vào thần lực cùng nguyện lực ấy mà tồn tại, mà chúng ta vẫn chẳng hay chẳng biết, chẳng nhìn thấy gì hết và nhiều khi cũng chẳng chịu tin... Thực ra, thì Phật-tánh chính là Sanh-nhân hay Chánh-nhân của chúng ta, còn Chư Như lai cùng Bồ tát đã hiển hiện thành sắc-tướng chính là sở duyên-duyên và tăng-thượng-duyên của chúng ta. Và cũng bởi thế, nên chúng ta, mặc dầu còn mê muội, vẫn cần cố gắng leo đèo đi theo.

Nói theo nghĩa này, thì tăng-thượng-duyên cũng nằm trong Sở duyên-duyên.

Trên đây là mới nói về Sở-duyên-duyên của ngoại-pháp. Còn về Sở duyên-duyên của nội-pháp thì sao? Nội pháp tức là những tâm-niệm, tâm-tưởng... Sở Duyên-Duyên của tâm niệm, tức là đối tượng của nó...

Tâm niệm khi khởi lên từ chỗ mịt-mùng, thường bao giờ cũng có đối-tượng của nó. Không có tâm-niệm nào là không có đối tượng cả, có lẽ chỉ trừ những tâm-niệm vô-niệm của Chư Phật cùng Đại Bồ tát thôi... Tỷ dụ như khi ta nhìn 1 bông hồng, thì tâm thức ta

khởi 1 tâm niệm về bông hồng, còn đối tượng nhận thức là bông hồng ở ngoại cảnh. Rồi đến khi ta ngồi buồn tưởng nhớ lại bông hồng, thì tâm thức ta khởi lên một tâm-niệm về bông hồng. Do đó giữa khoảng mông lung mịt mù của tâm thức nổi lên một ảnh-tượng bông hồng, ảnh-tượng này mờ mờ hay rõ rệt là tùy theo mức độ định lực của ta. Và ảnh-tượng ấy là đối-tượng của tâm-niệm... Khi ta nằm mộng cũng vậy, ý-thức vẫn hoạt động và khởi lên hàng loạt tâm-niệm, và những bóng dáng trong mộng là đối tượng.

Bởi vậy, tất cả hiện-tượng hay pháp ở trong pháp-giới này đều CÓ THỂ là đối-tượng nhận thức của tâm niệm. Và như thế, đều là Sở-duyên-duyên... Ngay cho đến trường hợp một tâm niệm buồn nổi lên, rồi tâm thức ta lại quay lại quán chiếu vào chính tâm-niệm buồn đó, thì lúc ấy, tâm-niệm buồn lại trở thành đối-tượng hay sở-duyên-duyên cho tâm-niệm quán chiếu kia... Và cứ như thế, trùng-trùng, cái này có thể là sở-duyên-duyên cho cái kia hoặc cho tất cả lần lượt, hoặc tất cả có thể lần lượt làm sở-duyên-duyên cho cái đó...

Sở-duyên-duyên đã nói rồi, nay đến Đẳng-vô-gián-duyên...

\*\*\*

### **Thế nào là ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN?**

Điểm này vi-tế và sâu. Và không có nền triết học thế gian nào, hay một nền giáo-lý nào khác lại có thể nói tới duyên này.

Thực ra, về điểm đẳng-vô-gián-duyên này, các vị luận sư từ trước tới nay, có thể đưa ra 1 số lý-giải khác nhau... Sau đây là chỉ nói tới lối lý-giải được thừa nhận nhiều hơn hết, và nhất là đã được ngài Long thọ xác nhận trong bộ Đại trí độ luận.

Muốn hiểu Đẳng-vô-gián-duyên, cần phải nhắc lại chữ ĐIỂN ở trong 6 chữ Mộng-Aỏ-Bào-Ảnh-Lộ-ĐIỂN đã được nói đến trong kinh Kim cang, và đã được giải thích kỹ càng ở những trang trên.

ĐIỂN có nghĩa là tia-chớp-nháng (Flash hay etincelle). Những tia-chớp-nháng này là những hiện-tượng biến ảo, nửa như tâm nửa như vật, nửa như vô hình nửa như có hình sắc, nửa như Hạt-phần-tử nửa như Làn-sóng-ba-động, vì chúng ở nơi bờ-mé của sắc và hư-không. Có thể nói chúng chính là những tâm-niệm vi-tế (sát-na) trong diễn-trình biến-hiện của Tâm, và cũng chính là những viên gạch cổ bản đã tạo nên thân và tâm các loài chúng sanh cũng như tạo nên vũ trụ hay pháp-giới này.

Mỗi tâm tưởng của chúng ta là một GIÔNG-biến-hiện-liên-miên của vô lượng những tia-chớp-nháng đó, vừa sanh ra đã diệt đi, những cái sau tiếp nối cái trước gần như không có kẽ hở, cái sau không phải là một với cái trước nhưng cũng không phải là khác. Như thế, sự xuất-hiện liên-miên ấy có vẻ như TƯƠNG TỌ TƯƠNG TỤC, và tạo nên những tâm tưởng triền miên.

Không những tâm tưởng (nội-pháp) là như vậy, mà những sự vật bên ngoài cũng được dệt nên như vậy, bằng những tia-chớp-nháng đột khởi lên từ nơi Chân-không hay Diệu-tâm. Như ở những trang trên đã nói về ngọn nến cháy hay cây cam... Trong một sát-na ấy, có vô lượng những tia-chớp-nháng tinh-lực hay điện-tử xẹt lên, và tất cả kết lại thành 1 tổ 1g-tướng-ảnh-tượng có hình sắc mùi vị và có vẻ rắn chắc, mà nghiệp-lực cùng những giác quan thô-khếch của chúng ta nhận định cho là cây cam. Rồi đến sát-na kế tiếp cũng vậy, cũng có vô lượng tia-chớp-nháng xẹt lên tương-tục, và kết thành 1 tổng-tướng-ảnh-



tượng-tượng-tợ mà ta vẫn cho là cây cam... Kỳ thực thì vật ấy (cây cam) chỉ là một GIÒNG-biến-hiện-liên-miên của những tia-chớp-nháng vi tế chiếu cảm bởi nghiệp-lực tích lũy từ vô thủy của chúng ta. Và những tia ấy vi-tế quá, xuất hiện mau lẹ quá, nên nhãn quan của chúng ta không thấy nổi, mà chỉ thấy là cây cam... Khi chúng ta tu hành đắc thiên-nhãn hay pháp-nhãn thì sẽ nhìn thấy, và lúc đó, mới thấy rõ rằng thế gian này là biến-hóa như-huyễn.

Vì tâm tưởng cùng sự vật đều niệm-niệm biến-hiện-lưu-chuyển-trôi lăn như vậy, không biết đến ngày nào mới trở lại HOÀN DIỆT, nên nhà Phật thường gọi là HÀNH, và kinh nói: Chư hành vô thường, Chữ Hành ấy là chỉ cho cái khía cạnh lưu-chuyển-trôi-lăn-đổi-đời, và đồng thời cũng chỉ cho cái Đà nội tại (élan intrinsèque ou immanent) hay Tinh-lực nó khiến cho mọi vật biến-hiện-lưu-chuyển... Trong ngũ uẩn, thì có Hành uẩn. Hành uẩn tức là cái Ý chí (will) cái nghiệp lực của tâm-thức, nó khiến cho giòng tâm thức biến-hiện-lưu-chuyển liên miên như thác đổ. Nhưng không những tâm tưởng biến hiện lưu chuyển, mà những sự vật bên ngoài cũng biến-hiện-lưu-chuyển như vậy... Nhưng sở dĩ chúng ta dễ nhận thấy sự biến-hiện của tâm tưởng hơn, là vì tâm thức con người dễ nhận thấy sự trôi-lăn của những hư-minh vọng-tưởng của chính nó, trong khi 5 giác quan thô kệch không thể tế nhận nổi giòng lưu-chuyển của ngoại vật.

Vậy thì Đẳng-vô-gián-duyên là cái gì?... Đối với một tâm niệm B hoặc tia-chớp-nháng B, thì Đẳng-vô-gián-duyên của nó chính là tâm-niệm hay tia-chớp-nháng A xuất hiện NGAY TRƯỚC NÓ. Tia-chớp-nháng A này xẹt lên rồi biến đi, và DUYÊN cho tia-chớp-nháng B xẹt lên. Vì 2 tia đó kế-tiếp nhau gần khít, như không có kẽ

hở, nên gọi là Vô-gián. Và như thế, tức là Đẳng-vô-gián-duyên, vì có cái tia-chớp trước mới có tia-chớp-sau... Suy ngẫm rộng hơn nữa, thì tất cả những tia-chớp xuất-hiện trước A đều là duyên cho tia-chớp B, nhưng đó đều là những viễn-duyên và hữu-gián, chứ không phải là vô-gián.

Cũng có thể nói rằng Đẳng-vô-gián-duyên là Duyên trải theo THỜI GIAN.

Đối với sự vật cũng vậy... Tỷ dụ như đối với cây cam ở sát-na B, thì sự hiện hữu của nó ở sát-na ấy là 1 tổng-tướng-ảnh-tượng của cây cam ở sát-na ấy, và được kết tập bằng vô lượng tia-chớp ở sát-na ấy. Và Đẳng vô gián duyên của B tức là tổng-tướng-ảnh-tượng A xuất-hiện ở sát-na ngay trước nó.

Đẳng-vô-gián-duyên là như vậy.

Bởi vậy, nên Đại trí độ luận nói: “Khi một hành giả nhập Vô-tướng định, hay 1 bậc A la hán nhập Diệt-thọ-tướng định, thì cái giòng biến-hiện của tâm thức vị đó cũng tạm thời chấm dứt, và cái chuỗi đẳng-vô-gián-duyên cũng tạm thời ngừng lại...”

Và trong các kinh, Phật cũng thường dạy: cái tâm-niệm đầu tiên của 1 hành giả sơ-phát-tâm vào Đạo, và cái tâm-niệm sau cùng lúc thành Chánh giác, 2 tâm-niệm đó không phải là một mà cũng chẳng phải là khác.

Nói cho đúng ra, khi 1 hành giả quán-chiếu về nhân-duyên mà đã biết quán chiếu Đẳng-vô-gián-duyên theo thể thức chữ ĐIỂN trên đây, thì hành giả đó đã gần như bước vào bình diện quán chiếu cùng lối nhìn như-huyền của các bậc Bồ tát rồi...

### **C - Mức độ Bồ tát và lối nhìn NHƯ HUYỀN:**

Khi bước tới mức-độ Bồ tát, thì tâm-thức lại chuyển lên một bình diện vi-diệu hơn nữa, và lối nhìn cảnh giới

lại thâm sâu bao quát hơn nữa.

Diễn trình biện-chứng giải thoát của nhà Phật cũng tương tự như diễn trình THOÁT XÁC của một loài bướm quý, càng ngày càng rũ bỏ những xác thân thô kệch, để khoác những thân-sắc ngày càng vi-diệu, để cuối cùng đạt được Thân Kim cang Chân thường Bất hoại, mà Phật đã nhắc tới trong kinh Kim cang.

Thân này là thân Chư Phật, là thân Kim cang bất hoại. Vì sao?

Là vì thân này không phải dẹt nên bởi những quang-minh thô kệch, mà bởi những hào-quang tột bậc, chuyển động cực kỳ mau lẹ, có thể tùy theo tâm niệm chúng sanh mà ỨNG HIỆN tức khắc. Nên cũng được gọi là thân Vô-khứ-vô-lai, là thân vô-sở-y, là thân chẳng phải-sắc-cũng chẳng-phải-chẳng-sắc... Là thân vừa Tột-không lại vừa chứa đựng mọi sắc-tướng diệu-hữu. Là thân có diệu dụng vô cùng, có quăng đại vô ngại đại-tự-tại-lực biến hóa vô cùng. Là thân vừa đồng như hư-không, lại vừa bao trùm các cõi, đồng thời lại có thể chui vào từng vi-trần được... Cũng là thân bất-hoại, vì không gì có thể hư hoại được... Mức độ tối thượng của giáo lý nhà Phật và của kinh Đại thừa là đạt tới chỗ BÙNG NỔ viên mãn tròn đầy ấy, tương tự như vàng trắng ngày rằm. Nên các nền giáo lý khác đều không sánh kịp.

Nay trở lại lối nhìn như-huyễn của Bồ-tát.

Trên kia đã nói tới lối nhìn theo Nhân-duyên của các bậc nhị thừa. Các vị này, quán chiếu sự vật, thâm tâm và cảnh-giới dưới ánh sáng trí tuệ của nhân-duyên khởi lên, có thể diệt được nhiều phiền não (diệt được tham-sân-si-mạn), diệt được nhiều tà-kiến cùng lưới nghi (tỷ dụ như diệt được tà-kiến có cái này sanh ra cái kia), chứng được quả Duyên giác hay 4 quả Thanh văn, biết cái Ngã là

không thực có và chúng được tâm không-tịch, như ngài Tu bồ đề chẳng hạn... Nhưng cái tâm không-tịch này mới chỉ có Ngã-không thôi, chưa gồm được Pháp-không.

Là vì sao?

Chỉ là vì trong khi tu quán chiếu nhân-duyên, các bậc nhị thừa vẫn còn giữ cái tâm kiến-chấp, vẫn còn khởi những tâm-niệm có Trụ, chưa phải là vô-trụ... Vẫn còn nghĩ rằng nhân duyên là thực có, đường tu của mình là THẬT CÓ, và chấp rằng có Chúng có Đắc, và có Quả chứng đắc. Và tuy đã hiểu rằng thân-tâm là không-tịch, nhưng đôi khi vẫn âm thầm nghĩ rằng tâm thức có chỗ chứng đắc và có quả chứng đắc.

Như thế, là Tâm còn GỌN SỐNG, còn gọn niệm-vi-tế, còn gọn vọng-niệm-lăn-tăn, còn chưa thể chúng nhập trọn vẹn vào Biển Pháp-thân-thường-trụ, vào Biển Quang-minh-tinh-lực-uyên-nguyên được.

Cho nên, bậc Bồ tát lại phải VƯỢT lên 1 giai-tầng nữa, vượt qua kiến-chấp về nhân-duyên. Nhìn thấy mọi nhân-duyên có vẻ như là có, nhưng không phải THỰC CÓ, thấy như là Huyền, như là Mộng, như trăng-đáy-nước, như làn khói tỏa, như hoa-trong-gương, như ảnh-nước giữa sa mạc, như tiếng vang, như 1 tuồng ảo-hóa bày ra bởi một đại phù thủy ngồi xồm ở ngã tư đường... Vì sao?

Vì đều là BIẾN HIỆN, đều là do Tự-tâm biến hiện, đều là những ánh-biến-hiện của tự-tâm, do những chủng-tử nghiệp lực hiện hành chiêu cảm.

Bồ tát vượt qua kiến chấp về nhân-duyên không có nghĩa là Bồ tát không tu quán chiếu nhân duyên... Trái lại, Bồ tát vẫn hằng quán chiếu thân bất tịnh để diệt lòng tham dục, vẫn thường quán nhân-duyên để diệt si-mê tà-kiến, vẫn quán từ-bi để diệt sân, vẫn quán số-tức để đối

trị tâm tán loạn. Nhưng đồng thời, Bồ tát lại cũng hiểu rằng cái thân đó, cái tham dục đó, những nhân-duyên ấy, những tà-kiến ấy... và cả sự quán chiếu đó, con đường tu đó, và cả người tu đó... cũng đều như huyễn, như mộng, vì đều là do Tự-tâm biến hiện tương ứng mà thôi. Con đường tu là con đường vạch ra trong mộng, pháp là pháp trong mộng, tương tự như vết chim bay giữa hư-không, cả người tu cũng tu trong mộng, và chúng-đắc cũng trong mộng... Rồi thì độ sanh cũng là trong mộng, vì chúng sanh, người độ và việc độ cũng đều như huyễn mộng mà thôi.

Đó là pháp quán-chiếu Như-huyễn. Nếu Bồ tát luôn luôn quán chiếu được như vậy, thì tất cả mọi vọng-niệm vi-tế lặn tẩn chấp ngã, chấp pháp, chấp mình, chấp người, chấp chúng sanh, chấp thọ mạng... đều lần lần tiêu trừ, và Bồ tát có thể chứng nhập Thật tướng. Và tuy tất cả những pháp tu đều là hư-huyễn, nhưng sự chứng nhập này lại có thể coi là thực, vì là chứng nhập Thật-tướng tức Thực tại cuối cùng. Vì thế, kinh Đại Bát niết bàn dạy: “Các pháp đều là hư, nhưng có thể được thực...”

Lối nhìn Như-huyễn của Bồ tát này được giảng dạy trong tất cả các kinh Đại thừa, nhất là Đại Bát nhã, Kim cang, Thủ Lăng nghiêm, Duy ma cật và Viên giác.

Bộ kinh Lăng nghiêm là chỉ cốt dạy về phép Quán Như-huyễn tam muội. Nên suốt bộ kinh, Phật đã bác mọi thuyết nhân-duyên và tự nhiên, và ngài nhắc đi nhắc lại về cái Lẽ Huyền-hiện-trùng-trùng-tương-ưng của mọi sự vật cùng cảnh giới.

Ở tiết mục này, chỉ cần nói sơ lược về lối nhìn Như-huyễn vậy thôi. Sau đây ở chương ba, sẽ nói về kinh Kim cang và lý như-huyễn kỹ càng hơn.

Trong kinh Hoa nghiêm, Phật cũng thường nhắc

rằng: “Đại Bồ tát có Trí-vi-tế, Trí-như-biển, thấy rõ Chu Phật thấy đều như huyền-mộng, mà vẫn đến tất cả chỗ Chu Phật để lễ lạy cúng dường...”

Tướng cũng cần nhắc rằng, trong bộ Nam hoa kinh, thiên Thu thủy, Trang tử có viết: “Mọi vật sanh ra, như mau như chậm. Không có khoảnh khắc nào là không biến đổi...Làm sao như thế, làm sao không như thế...?”

Ấy vốn là tự hóa...” Lối nhìn này của Trang tử quả là khá sâu sắc, hơi tương tự như lối nhìn vô thường-niệm-niệm-sanh-diệt của nhà Phật, và lối nhìn biến-hiện từ cái đa-nội-tại. Nhưng có điều là Trang tử chưa triển khai được điểm đó đến chỗ rốt ráo hoàn bị, tới chỗ như-huyền và do Tâm biến-hiện...

\*\*\*

Pháp-giới là như-huyền, do Tâm biến-hiện... Các thứ nhân-duyên cũng vậy thôi, cũng đều biến hiện như-huyền.

Do đó, nên trong bộ Đại trí độ luận, ngài Long thọ sau khi đã trình bày về thuyết 4 nhân-duyên của luận A-tỳ-đàm, lại dùng luận-lý và thuyết Tánh-Không để xóa bỏ và hóa giải ngay 4 nhân duyên đó. Ngài lập luận đại khái như sau:

“Thực ra, thì 4 nhân-duyên ấy đều là Không cả. Vì sao?”

Tỷ dụ như về nhân-duyên chẳng hạn, chúng ta thường nói rằng SỮA đã sanh ra LẠC. Nhưng thật ra, thì sữa cũng chẳng phải thực là NHƠN và lạc cũng chẳng phải thực là QỦA. Vì sao? Vì nếu Lạc quả thực đã được sanh ra từ nơi Sữa, thì Sữa đến lượt nó cũng phải được sanh ra từ 1 cái nào khác. Và cái nào khác lại phải được sanh ra từ 1 cái nào khác nữa. Và cứ như thế, trở ngược lại hoài hoài trong một vòng-triển-chuyển vô thủy và vô

tận. Vì vô thủy và vô tận, nên cũng không có nguyên-nhân đầu tiên. Và vì không nguyên-nhân đầu tiên, nên là không có Nhân sanh ra.

Về Đẳng-vô-gián-duyên cũng vậy, một tâm-niệm hay một tia-chớp-nháng vừa sanh-ra-đã-diệt-rồi, thì làm sao có thể tạo dựng cho cái tâm-niệm hay tia-chớp kế tiếp được?!... Bởi thế, cả 4 nhân-duyên, tuy có vẻ như có mà vẫn là không, vì đều là như-huyễn, là biến-hiện. Như trăng-đáy-nước, như dương-diệm, như điện-đài lâu các của Càn thất bà... Người hiền-nhân vẫn trông thấy đấy, nhưng không hề móng tâm chấp trước...”

Và trong bộ Trung luận, trình bày về Lý tương-duyên-tương sanh, ngài cũng luôn luôn nhắc câu: Như trăng-đáy-nước, như dương-diệm, như thành Càn thất bà.v.v...

**D - Mức độ Chư Phật: Các pháp đều NHƯ NHƯ TỊCH TĨNH.**

Nơi bình diện tâm thức này, nhìn các pháp cùng cảnh-giới thấy đều rỗng lặng, bình đẳng, như như tịch tĩnh, phi sanh phi diệt, phi thường phi đoạn, phi nhất phi dị, phi khứ phi lai... không thể lấy ý-niệm mà hiểu được, cũng không thể hoại diệt được. Không có gì làm ra được cả, và cũng chẳng có gì hoại diệt được cả. Một vi trần cũng không hề hoại diệt, vì nó chỉ biến đi.

và chuyển sang 1 hình thái quang minh khác mà thôi.

Ở nơi bình diện này, thì một-niệm-vi-mật-hiện-tiền-an-trụ-như-như-tịch-tĩnh. Bất tư nghi, bất-khả-ngôn-thuyết, lia ngôn từ cùng ý niệm. Ra khỏi bờ-mé của vọng thức phân biệt.

Phàm trí không thể hiểu nổi, chỉ có Thánh trí mới chứng-nhập được, như người uống nước, nóng lạnh tự biết.

Bởi thế, nên xưa kia, khi các người Bà la môn lần lượt tới hỏi Phật về 14 câu hỏi siêu hình như: Pháp-giới này là có cùng tận hay vô cùng tận? Pháp-giới này là vĩnh cửu hay không vĩnh cửu?.v.v..., thì Phật thường mỉm cười, yên lặng mà không trả lời. Ngài im lặng, không phải là ngài không có giải đáp. Mà chỉ là vì ngài muốn bảo rằng: những câu hỏi đó đều lẩn sang bờ-mé của Thật tướng, bất tử nghi và bất-khả-ngôn-thuyết, và người nào cứ dùng vọng-thức lăng xăng phân biệt mãi, thì càng ngày càng đi sâu vào mê-đồ-vọng-tướng mà thôi.

Và cũng bởi thế, nên trong pháp-hội Lăng già, Phật đã đưa ra 4 chữ: VÔ, BẤT, PHI, LY để phá bỏ mọi kiến chấp vọng tưởng. Nên ngài dạy: sát-na là phi-sát-na, thời-gian là phi-thời-gian, vi-trần là phi-vi-trần, thế-giới là phi-thế-giới.v.v...để trả lời 108 câu hỏi của ngài Đại Huệ.

Và sau này, hơn 600 năm sau khi Phật thị hiện nhập Niết bàn, ngài Long thọ đã suy ngẫm triền miên về sự im lặng của Phật cùng chữ Phi của Phật đưa ra, rồi tạo dựng nên Biện chứng Phủ-định của Trung luận, để hóa giải và vô-lý-hóa mọi ý-niệm, mọi phạm-trù ý niệm (categories antinomiques)...và có lẽ cũng vì vậy, nên ngay ở pháp hội Lăng già, Phật đã huyền ký rằng: Sau này, sẽ có một Đại tỳ kheo ra đời, tên là Long thọ, để xiển dương giáo lý này...

\*\*\*

**ĐIỂM 4:** Đọc kinh Đại thừa, cũng cần nhớ rằng: Phật không những là 1 Bậc có Nhứt-thiết-chủng-trí biết-rõ-các-pháp, nhưng đồng thời cũng là 1 ĐẠI Y VƯƠNG biết rõ các căn cơ cùng tâm-bệnh chúng sanh, nên TÙY BỆNH BỐC THUỐC.



Phật nói pháp thường là để tiêu trừ những căn bệnh kiến-chấp của chúng sanh nghe pháp. Những căn bệnh đó thường là những tà-kiến (tỷ dụ như chấp có cái này sanh ra cái kia, hoặc chấp là có Phạm-thiên hay Vi-trần sanh ra thế giới...), hoặc là những kiến-chấp đối-đãi nhị biên, như là chấp có chấp không, chấp thường chấp đoạn, chấp nhất chấp dị... Cần phải tiêu trừ những kiến-chấp tích lũy từ nhiều kiếp ấy, và chuyển tâm thức của người nghe pháp, thì mới có thể bước vào Trung đạo, và chứng nhập Thật tướng được.

Cho nên, Phật cũng như 1 vị Đại Y Vương, tùy theo căn bệnh cùng mức-độ tâm thức của người nghe mà nói pháp, để lấy pháp đó làm diệu-được... Do đó, nên những lời ngài nói ra đôi khi thuộc Chân-lý rất ráo liễu nghĩa, đôi khi thuộc chân-lý bất liễu nghĩa, đôi khi thực, đôi khi quyền, có khi thuận, có khi nghịch và có vẻ như trái ngược. Nhưng vẫn không hề mảy may hư vọng, vì để đối trị cho căn cơ người nghe. Và sự quyền-biến trong việc chuyển pháp luân đó, chính là upaya tức phương-tiện thiện xảo của Phật. Và cũng phải là Bạc có đủ Nhứt-thiết-chủng-trí cùng Đại bi bình đẳng mới có thể nói pháp đúng mức với căn cơ và thời tiết được. Bởi vậy, nên không những Đức Mâu ni phương-tiện nói pháp, mà tất cả Chư Như Lai cũng đều phương tiện nói pháp.

Về điểm này, có thể đơn cử mấy tỷ dụ như sau:

a/ - Nói có Ngã và nói Vô-ngã:

Trong các kinh, ở đại-đa-số các trường hợp, thì Phật thường giảng nói về Vô-ngã. Nhưng cũng có 1 vài trường hợp, ngài lại nói là có Ngã. Tỷ dụ như 1 lần, khi đi đường, ngài gặp 1 thanh niên đang hớt hơ hớt hải chạy đi tìm kiếm một người tình nhân vừa bỏ trốn đi. Ngài liền bảo người thanh niên: “Anh đi tìm kiếm người

con gái ấy làm gì nữa? Sao không để thì giờ tìm kiếm cái Tự-ngã của chính anh có phải hơn không? ". Nghe lời ấy, người thanh niên chợt tỉnh ngộ về con đường vào Đạo.

Cũng bởi vậy, nên xưa kia, có 1 số bà-la-môn ngoại đạo, vì không hiểu, nên phàn nàn rằng: "Sa môn Cù Đàm ăn nói rối loạn, lúc thì nói có Ngã, lúc thì bảo không có Ngã..."

Thực ra, thì trong tối đại đa số trường hợp, Phật thường luôn luôn giảng nói Vô-ngã. Vì sao vậy? Chỉ là vì tối đại đa số chúng sanh đều mắc căn bệnh kiến chấp, cho rằng có Ngã và Ngã là thường còn. Và hết thấy các hàng ngoại đạo cũng đều tin rằng có thần-ngã (Atman hay Pudgala hay Jiva), và cho thần-ngã là thường tồn bất biến...Bởi vậy, nên Phật phải nhọc công thuyết giảng nhiều về Vô-ngã để hóa giải cái kiến chấp sâu nặng tích lũy từ vô lượng kiếp ấy.

Nhưng trong 1 vài trường hợp, khi ngài gặp 1 người không tin nhân-quả-nghiệp-báo gì hết, và cho rằng con người sau khi chết là HẾT HẸN, là hoàn toàn ĐOẠN DIỆT, THÌ ngài lại dạy là Có Ngã để cảnh tỉnh người ấy.

Sở dĩ Phật có phương-tiện giảng nói như vậy, mà lời nói vẫn không mấy may hư vọng là vì: có-ngã hay không-có-ngã, thường còn hay đoạn-diệt cũng đều là những kiến-chấp nhị-biên lệch lạc, chưa đúng với Chân-lý rốt ráo Trung-đạo.

Và theo Chân-lý Trung đạo, thì CHÂN-NGÃ của Pháp-thân-thường-trụ là chẳng-phải-ngã-cũng-chẳng-phải-không-ngã. vì là Như-như-tịch-tịnh.

Cho nên, nếu giả thiết như tối đại đa số chúng sanh đều mắc phải bệnh kiến-chấp về Đoạn-diệt và không-ngã, thì chắc rằng Phật sẽ giảng thuyết nhiều về Có-ngã.

Theo lời ghi trong Đại trí độ luận, thì Phật cũng từng dạy rằng: “Mắc phải bịnh kiến-chấp là có ngã thường còn, thì còn để đối trị. Nếu mắc phải kiến-chấp Đoạn-diệt, thì thực là khó chữa. Vì đoạn-diệt và không nhân-quả-nghiệp-báo, thì thực là khó thể tu hành...”

**b/ - Nói về Có và nói về không:**

Nói Có hay nói Không cũng vẫn là phương-tiện thiện xảo của Chư Phật.

Vì tối đại đa số chúng sanh đều chấp rằng thân-tâm của mình là CÓ thật, nên Đức Bổn sư phải thuyết giảng nhiều về KHÔNG.

Nhưng khi 1 bậc hành giả đã bước vào những Không-định của Vô-sắc giới, hoặc đắc quả A la hán, hoặc bước lên Đệ-bát-địa, thì bậc đó dễ nảy tâm muốn an-trụ trong niềm an lạc trầm-không-thú-tịch, nên Chư Phật lại phải luôn luôn nhắc nhở về DIỆU HỮU, về Bi-nguyện từ nhiều kiếp...để hành giả đó bước vào bình diện Trung-dạo Song-chiếu để độ sanh, và ôm trọn pháp-giới vào thân tâm mình.

Bởi thế, nên khi ngài Huệ-khả trình với Tổ Đạt ma rằng tâm mình đã không-tịch, không còn móng niệm nữa, thì Tổ bèn nhắc rằng: “Hãy cẩn thận, chớ rơi vào Đoạn-diệt, hãy đi vào Diệu-hữu...” Và trong kinh Kim cang, ở đoạn gần cuối, Phật cũng nhắc ngài Tu bồ đề vốn đã được tâm không-tịch rằng: “Cẩn thận, chớ rơi vào đoạn-diệt. Vì 32 tướng tốt ấy của Như lai, tuy không phải thực là tướng, nhưng vẫn cần phải tu tập 32 tướng ấy. Vì 32 tướng ấy là Diệu-hữu, nghĩa là chẳng phải có chẳng phải không, chẳng thật chẳng hư, là vô ngại, là Như-như-tịch-tịch”.

**c/ - Nói về ý niệm VÔ THỦY, rồi lại vượt Vô-thủy:**  
 Đây cũng là 1 điểm độc đáo của nhà Phật.

ng các kinh, nhất là kinh Đại thừa, thường luôn nói: Chúng sanh vô-thủy, pháp-giới Vô-thủy, các kiếp Vô-thủy.v.v...

Tại sao vậy?

Chỉ là vì Phật muốn phá 1 kiến-chấp tích lũy từ quá nhiều kiếp của chúng sanh. Đó là kiến chấp HỮU THỦY. Vì, tối đại đa số chúng sanh thường chấp rằng: Có vật này sanh ra vật kia, có nhân này sanh ra quả kia, và cứ lần lượt như thế thì các sự vật phải có 1 nguyên nhân đầu tiên, tức là Hữu-thủy... Kiến chấp này thường làm khởi lên nhiều Tham-sân-si cùng tà kiến.

Bởi vậy, Phật luôn luôn nói Vô-thủy để phá chấp Hữu-thủy. Đồng thời, Phật cũng muốn khiến chúng sanh ý thức được rằng mình đã trôi lăn trong 6 nẻo, lên lên xuống xuống, loanh quanh luẩn quẩn từ quá nhiều kiếp, từ những kiếp-số khó thể tính đếm.

Do đó, ngài luôn luôn nhắc tới Vô-thủy.

Vả lại, ý niệm vô-thủy thường làm khởi lên trong tâm thức chúng sanh những tâm niệm Từ-bi-hỷ-xã, cùng những lối nhìn chính xác hơn. Nên cần nói Vô-thủy.

Nhưng trong Đại trí độ luận, thì ngài Long thọ đã triển khai mật ý của Phật và dạy rằng: “Đứng về phương diện Chân lý rốt ráo, thì ý niệm Vô-thủy cũng vẫn là nhị-biên, chưa phù hợp với Trung-đạo. Vẫn còn là vọng thức... Cần phải vượt Vô-thủy mà không rơi vào Hữu-thủy, để bước vào Trung đạo. Vì Chư Phật cũng chỉ dùng Vô-thủy như 1 phương tiện thiện xảo có lợi ích trong 1 giai đoạn nào cho các chúng sanh mà thôi...”

\*\*\*

Trên đây đã nói về Lý nhân-duyên hay Lý-tương-sanh-tương-duyên, cùng sự liên hệ của nó với thuyết Tánh Không.

Nay bước vào thuyết Tánh Không cùng nền Biện-  
chứng Phủ-định mà ngài Long thọ đã triển khai để làm  
hiển lộ Trung-đạo Thật-tướng...

ng các kinh, nhất là kinh Đại thừa, thường luôn nói: Chúng sanh vô-thủy, pháp-giới Vô-thủy, các kiếp Vô-thủy.v.v...

Tại sao vậy?

Chỉ là vì Phật muốn phá 1 kiến-chấp tích lũy từ quá nhiều kiếp của chúng sanh. Đó là kiến chấp HỮU THỦY. Vì tối đại đa số chúng sanh thường chấp rằng: Có vật này sanh ra vật kia, có nhân này sanh ra quả kia, và cứ lần lượt như thế thì các sự vật phải có 1 nguyên nhân đầu tiên, tức là Hữu-thủy... Kiến chấp này thường làm khởi lên nhiều Tham-sân-si cùng tà kiến.

Bởi vậy, Phật luôn luôn nói Vô-thủy để phá chấp Hữu-thủy. Đồng thời, Phật cũng muốn khiến chúng sanh ý thức được rằng mình đã trôi lăn trong 6 nẻo, lên lên xuống xuống, loanh quanh luẩn quẩn từ quá nhiều kiếp, từ những kiếp-số khó thể tính đếm.

Do đó, ngài luôn luôn nhắc tới Vô-thủy.

Vả lại, ý niệm vô-thủy thường làm khởi lên trong tâm thức chúng sanh những tâm niệm Từ-bi-hỷ-xã, cùng những lối nhìn chính xác hơn. Nên cần nói Vô-thủy.

Nhưng trong Đại trí độ luận, thì ngài Long thọ đã triển khai mật ý của Phật và dạy rằng: “Đứng về phương diện Chân lý rốt ráo, thì ý niệm Vô-thủy cũng vẫn là nhị-biên, chưa phù hợp với Trung-đạo. Vẫn còn là vọng thức... Cần phải vượt Vô-thủy mà không rơi vào Hữu-thủy, để bước vào Trung đạo. Vì Chư Phật cũng chỉ dùng Vô-thủy như 1 phương tiện thiện xảo có lợi ích trong 1 giai đoạn nào cho các chúng sanh mà thôi...”

\*\*\*

Trên đây đã nói về Lý nhân-duyên hay Lý-tương-sanh-tương-duyên, cùng sự liên hệ của nó với thuyết Tánh Không.

Nay bước vào thuyết Tánh Không cùng nền Biện-  
chứng Phủ-định mà ngài Long thọ đã triển khai để làm  
hiển lộ Trung-đạo Thật-tướng...

## CHƯƠNG II

### TÁNH KHÔNG VÀ BIỆN CHỨNG PHỦ ĐỊNH

Nay chúng ta hãy cố gắng tìm hiểu ít nhiều về thuyết TÁNH KHÔNG của tư tưởng Bát nhã, cùng nền Biện chứng Phủ-định của ngài Long thọ, để lần bước vào con đường quán chiếu Trung đạo Thật tướng...

Thật tướng là gì?

Thật tướng tức là cái Thực-tại cuối cùng, cái Biển Tinh-lực-uyên-nguyên, Biển Quang-minh-uyên-nguyên, cội nguồn của mọi sự vật, mọi thân căn, của pháp-giới này... Thật tướng chính là Pháp-thân-thường-trụ, là Đại bát Niết bàn, là Chân-tâm-diệu-minh của kinh Lăng nghiêm, là Phật-tri-kiến của kinh Pháp hoa, là trí-huệ Đại Bát nhã của những pho Bát nhã...

Đó đều là những pho kinh Đại thừa. Nhưng đặc điểm độc đáo của kinh Đại thừa là gì?

Đặc điểm của kinh Đại thừa là tuyệt nhiên không giảng nói điều gì khác, mà chỉ giảng nói có 1 điều: tức là giảng nói, nhắc đi nhắc lại về DIỆU TÂM, giảng ngang giảng dọc về LỄ BIẾN HIỆN TRÙNG TRÙNG TỪ VÔ THỦY của cái Diệu-tâm ấy để dặt nên cái Pháp-giới có vẻ như không-ngăn-mé và vô-chung này... Giảng nói về



Thần-lực-hải của Chư Phật cùng Nguyên-lực-hải của chủ Đại Bồ tát, và thần-lực của Chư Phật cũng chính là thần-lực của Diệu-tâm ấy. Giảng nói về cái Mãn-sương-mờ hăng khởi lên từ Diệu tâm, và mãn-sương-mờ ấy chính là mãn Vô-minh của chúng sanh, và cũng là Nghiệp-lực-hải của chúng sanh... Giảng nói về những Quang-minh tuyệt vời trạm nhiên bất động, vô-khứ-vô-lai của Diệu-tâm, cùng sự Động-niệm làm chuyển-hóa những quang minh tuyệt vời ấy thành Vọng-thức, tức là những quang minh hữu-khứ-hữu-lai vì đầy vọng tưởng cùng tình-nhiễm, và chính những quang minh này đã DẸT nên tất cả sắc-thanh-hương-vị-xúc-pháp của pháp giới này.

Lần giở bất cứ pho kinh Đại thừa nào, từ kinh A di đà đến Quán Vô lượng thọ, đến Địa tạng, đến Lăng nghiêm, Pháp hoa, Lăng già, Hoa nghiêm...ta cũng đều nhận thấy rằng Đức Bổn sư, cũng như Chư Như lai 10 phương, 3 đời, khởi tâm từ ái chỉ giảng nói có 1 điều ấy thôi, tức là Lễ Biến-hiện trùng trùng của Diệu tâm..Cuốn kinh có thể là trăm lá, nghìn lá, vạn lá...nhưng cũng đều chỉ làm NỞ một Bông hoa, tức là bông Đại-bửu-liên-hoa của Diệu-tâm...Như trong kinh A di Đà, thì Phật dạy: “Này Xá Lợi Phất! Ông chớ tưởng rằng những loài chim ấy là do tội-báo sanh ra. Các loài ấy đều chỉ là do Đức Phật A di Đà hóa hiện làm ra, để cho tiếng pháp được tuyên lưu đầy thôi...” Chim đã được hóa hiện, thì dĩ nhiên là Cõi cũng được hóa hiện từ nơi Nguyên lực và Diệu tâm, để bắc 1 chiếc cầu thẳng tắp, đỡ chân cho những kẻ căn cơ hạ liệt như chúng ta.

Kinh Quán Vô Lượng thọ cũng vậy, các cõi, các bảo-thọ hay bảo-lâu đều xuất hiện trùng-trùng trong quang minh của Diệu tâm...Kinh Địa tạng cũng có những đoạn tương tự.

Kinh Lăng nghiêm thì Phật dạy: “Này các ông! Tất cả những cảnh giới của pháp-giới không ngần mé này, đều được dệt nên bằng những vọng-tướng cả. Hoặc vọng tướng kiên-cố, hoặc vọng tướng hư-minh, hoặc vọng tướng dung thông, hoặc uẩn, hoặc hư vô vi tế. Đều do Vọng-thức, do cái Vọng-tâm-mặt-trăng-thứ-hai cả. Vậy các ông chớ có mê-lắm... Và cả pháp-giới này chỉ nổi lên trong Chân-tâm-diệu-minh, tương tự như một áng mây trắng nổi lên giữa nền trời xanh mà thôi...”

Còn những pho kinh như Pháp hoa, Hoa nghiêm thì khỏi phải nói. Từ đầu đến cuối, toàn là thân-biến của Diệu-tâm, của Quang-minh, các cõi các cảnh giới lồng vào nhau và thông suốt, viên-dung-vô-ngại... Riêng trong phẩm thứ 11 tức Hiện Bửu tháp của Pháp hoa, Phật đã dùng thần lực của Diệu tâm để trang nghiêm lộng lẫy cõi Ta bà, cùng hóa hiện 400 muôn ức na do tha cõi để lấy chỗ ngồi cho Chư Phật phân thân.

Và sở dĩ kinh Đại thừa chỉ giảng nói có 1 điều đó, là vì Lý Duy tâm Sở hiện là Chân lý tối thượng, và chúng sanh chúng ta luôn luôn quên lãng và hay nghi ngờ điều đó...

\*\*\*

Diệu-Tâm vốn là kỳ ảo, biến hiện khôn lường, nên dĩ nhiên là những pho kinh điển nói về Diệu-tâm cũng đượm sắc thái kỳ ảo đó... Cho nên, kinh Đại thừa có thể điển nói trong 1 câu, hoặc một trang, hoặc 100 trang, hoặc 1000 trang, hoặc một triệu trang... Có thể điển nói trong 1 giờ, trong vài ngày hoặc hàng kiếp số... Ngay giờ khắc này đây, tại nhiều cõi hay tại ngay cõi Ta bà này, Chư Như lai vẫn đang ngồi điển nói kinh Pháp hoa hoặc Hoa nghiêm, nhưng chúng ta vì chưa được 6 căn thanh tịnh nên không hề hay biết...

Tại sao lại có sắc thái kỳ ảo ấy?

Chỉ là vì kinh Đại thừa hàm chứa NGHĨA vô lượng. Nói về sự Biến-hiện trùng-trùng của Diệu tâm, thì dĩ nhiên phải có nghĩa vô lượng... Và Chư Phật đã đạt tới chỗ Nghĩa vô ngại và Ngôn-từ vô ngại, nên các ngài có thể dùng vô lượng ngôn từ, để diễn nói những nghĩa vô lượng trong nhiều kiếp số được...

Hơn nữa, kinh Đại thừa XUẤT HIỆN nơi đời, nhiều hay ít, dài hay ngắn... là tùy theo nghiệp-lực cùng phước-báo của chúng sanh chiêu cảm.

Tỷ dụ như ở cõi Ta bà hiện nay, kinh Pháp hoa chỉ xuất hiện dài chừng độ 300 trang, có thể đọc tụng trong 1 ngày hay vài ngày là hết. Nhưng ở phẩm thứ 20 của kinh, Phật lại dạy rằng về quá khứ, có ngài Thường-Bất-khinh Bồ tát, trì kinh Pháp hoa rất lâu năm, nên lúc gần mạng chung, nhập được Pháp hoa tam muội, được 6 căn thanh tịnh, nên nghe được 20 nghìn muôn ức bài kệ của kinh Pháp hoa do Đức Phật Oai-Âm-vương nói. Trong khi kinh Pháp hoa của chúng ta chỉ gồm chừng vài chục bài kệ mà thôi... Và sau khi nhập Pháp hoa tam muội, Bồ tát Thường-Bất-khinh được sức Đại-thần-thông và đại-thiện-tịch (tức chánh-định lớn, vô lậu), khiến tuổi thọ tăng thêm rất nhiều kiếp, và thường diễn nói kinh Pháp hoa.

Rồi cũng trong kinh Pháp hoa này, ở phẩm tự Hóa phẩm 7 , thì Đức Phật Nhật-nguyệt-đăng-minh và Đức Đại-thông-trí-thắng, đã dùng ngôn từ vô lượng, diễn nói những nghĩa vô lượng của Pháp hoa trong rất nhiều kiếp số...

\*\*\*

Vậy thì kinh Đại thừa chỉ giảng nói về những cảnh-giới vô lượng, trùng-trùng, không ngần-mé...do sự biến hiện của Diệu tâm.

Nhưng sau khi diễn nói về các cảnh-giới ấy rồi, như ở pháp hội Lăng già Đức Phật lại đưa ra 1 chữ PHI (hay chữ BÁT, chữ VÔ, chữ LY), để số toẹt tất cả các cảnh-giới ấy... Ngài dạy rằng: “Các cảnh-giới ấy, hoặc có vẻ thô kệch hoặc rất kỳ ảo nhiệm màu, nhưng các ông luôn luôn phải giữ tâm, đừng có tham trước. Đừng sợ hãi cũng như đừng tham luyến. Vì sao? Là vì chúng có vẻ như CỐ, nhưng không phải THỰC CỐ. Chúng chỉ CỐ như hoa-trong-gương, như trăng-đáy-nước, như một giấc chiêm-bao mà thôi. Là vì chúng đều chỉ là những VỌNG TUỞNG, hoặc kiên-cố hoặc hư-minh trong cái vòng biến-hiện của Diệu-tâm mà thôi... Cần luôn luôn nhớ và hiểu rằng mọi cảnh-giới là do Tâm biến-hiện. Như thế là giữ Chánh-niệm tốt bực...”

Để triển khai việc số toẹt của chữ PHI này, Đức Phật đã diễn giải kỹ càng thành nhiều mức độ quán-chiếu: quán-chiếu sự vật hay cảnh-giới là Giả-hợp (Nhứt-hiệp-tướng), quán-chiếu sự vật là Vô-thường-niệm-niệm-sanh-diệt, quán-chiếu sự vật là Duyên-khởi hay Tương-sanhtương-duyên, rồi đến quán-chiếu là Như-huyễn...

Ngần ấy lối-nhìn hay quán-chiếu, đều là những cửa ngõ để bước lần lần vào thuyết Tánh Không của hệ thống Bát Nhã...

\*\*\*

Dung lượng dài hay ngắn của kinh Đại thừa vô lượng nghĩa đã kỳ ảo như vậy, nên sự LƯU BỒ của kinh cũng dĩ nhiên phải là kỳ ảo... Kinh Đại thừa không phải lúc nào cũng xuất hiện sờ sờ trước mắt chúng sanh đâu, mà khi ẨN khi HIỆN, tùy theo thời tiết, căn cơ và phước lực của chúng sanh. Khi phước lực cạn mỏng như giòng sông cạn, thì các kinh Đại thừa biến dần đi mất hết, hoặc do loài thiên-ma phá hủy, hoặc do chư vị quỷ-thần hộ

pháp cất giấu đi vào những nơi đồng sâu núi thẳm hoặc dưới đáy biển sâu.

Nhưng nếu phước lực trở lại rồi rào như giòng sông đầy nước mưa xuân, hoặc khi thời-tiết chín mùi...thì các bậc Đại Bồ tát lại xuất hiện nơi đời, tìm kiếm ở những nơi đạo-trường sâu thẳm hoặc ở long-cung, lấy những bộ kinh đó lên rồi lưu bố ở nhân gian. Tỷ dụ như ngài Mã minh, ngài Long thọ hay The thân. Vô trước...Bởi thế nên tại pháp-hội Lăng già, Phật mới huyền ký rằng sẽ có một vị Đại-tỳ-kheo ra đời là Long thọ, để lưu bố kinh Đại thừa, nhất là Hoa nghiêm và Đại Bát nhã...

Cũng vì không hiểu Lý Duy tâm sở hiện, và không hiểu lẽ Ấn-Hiện của kinh Đại thừa, nên cho đến ngày nay, nhiều nhà học Phật vẫn còn bàn cãi hoài về cội nguồn của kinh Đại thừa. Thậm chí ngay cho đến hàng Phật tử, vẫn còn 1 số người nghi ngờ tính cách xác-thực của kinh Đại thừa, cho rằng không biết có phải là Phật nói ra không?!...Bởi thế nên trong pháp-hội Pháp hoa, phẩm Trì, nhiều vị Đại Bồ tát đã tiên liệu trước sự nghi ngờ đó, và tuyên xưng rằng: “Trong thời mạt thế, chúng con vẫn sẽ lưu bố kinh Pháp hoa này tại các cõi. và nếu có gặp kẻ ác-tâm mắng nhiếc hủy nhục, cho rằng kinh này là giả-tạo, thì chúng con vẫn nhẫn chịu mọi sự mắng nhiếc hủy nhục...”

Vậy thì các kinh Đại thừa đã diễn nói bởi Đức Phật ở đâu, và như thế nào?

Theo Đại trí độ luận, thì Đức Phật thường luôn diễn nói về Chân-lý Đại thừa tức Duy tâm sở hiện. Ngay trong những bộ kinh nguyên thủy của Đại chúng Bộ, cũng đã có những lời dạy rải rác và sơ lược rồi. Nhưng chỉ rải rác và sơ lược thôi. Vì sao? Là vì đó là những lời giảng nói trước tất cả đại chúng, và căn cơ của đa số đại

chúng đều là căn cơ Thanh văn, thường chỉ cầu mong đạt tới niềm trầm-không-thú-tịch an lạc cho riêng mình mà thôi.

Nhưng trong những pháp-hội thu hẹp hơn, gồm những đệ-tử người có căn cơ chọn lọc hơn, thì Phật thường diễn nói về Chân-lý Đại thừa... Đó là trường hợp của những kinh như Kim cang, Lăng nghiêm, A di Đà..v..v...

Rồi trong những pháp-hội thật là siêu-xuất, gồm toàn những bậc Đại Bồ tát cùng Thế-gian-chủ, và không có người hoặc rất ít người tham dự, như pháp-hội Hoa nghiêm hay Lăng già, thì Phật thi triển thần-lực của Diệu-tâm đến tột bậc và liên-miên, rồi giảng nói toàn về Lý Duy tâm sở hiện cùng thứ bậc chứng đắc.

Nhưng về cuối cuộc đời nhân thế, tới khi sắp thị-hiện nhập niết-bàn, thì Phật lại khởi Đại-bi-tâm một lần nữa, không muốn dấu diếm một điểm gì, và muốn hiển-lộ toàn thể Bí-tạng Đại thần thông của Chư Phật cho TOÀN THỂ ĐẠI CHÚNG, không muốn dấu diếm một ai... Do đó, trong pháp-hội Pháp hoa, Ngài đã chỉ thẳng cái Diệu-tâm tức Phật-tri-kiến, và thi triển tất cả thần-lực của Diệu tâm. Thế mà ngay ở pháp-hội này, cũng còn có 5000 vị thính chúng, vì căn cơ cạn mỏng và lòng tăng-thượng-mạn, đã bỏ ra về.. Vì chưa tin và chưa muốn nghe về Diệu-tâm.

Rồi 1 ngày trước khi thị hiện niết bàn, Ngài lại triệu nhóm pháp-hội Đại Bát niết bàn, khởi Đại Bi tâm một lần nữa, để giảng nói về Phật tánh, về Trung đạo, về Pháp-thân-thường-trụ, về điểm Chư Phật không hề nhập niết-bàn rốt-ráo-tịch-diệt... tức là về Diệu-tâm và thần-lực của Diệu-tâm... Lần này, Ngài thi triển thần lực thì ít, nhưng Ngài dùng cái biển ngôn-từ vô lượng, diễn nói

như nước-chảy-mây-trôi, để tiêu trừ mọi GỖN kiến-chấp hay nghi ngờ trong tâm thức các đệ tử cùng ngoại đạo...

Xem thế thì đủ rõ rằng niềm ưu-hoài của Phật đối với kinh Đại thừa, và đối với chúng ta thực là sâu nặng không thể nói xiết...

Nay nói đến phía người nghe. Về người nghe, thì trong nhiều pháp-hội, ngài A-nan là người được nghe. Ngài vốn là đa-văn, nên đã ghi nhớ, đọc tụng lại và kết tập.

Còn về một số pháp-hội siêu xuất như Hoa nghiêm, Viên giác hay Lăng già...thì có thể rằng ngài A nan đã không được nghe. Nhưng lại có vô lượng bậc Đại Bồ tát nghe. Từ Đệ-bát-địa trở lên, thì các đại Bồ tát đặc đà-la-ni vô số, nhất là văn-trì-đà-la-ni. Đặc văn-trì đà la ni là ghi nhớ mọi lời pháp không thiếu sót một chữ...Nên các ngài đã đọc tụng hay ghi chép lại. Hoặc triệu tập ngài A nan ghi chép, để lại kinh cho đời sau...

Sau khi Phật thị hiện nhập diệt, trong 1 khoảng thời gian chừng 5, 6 trăm năm, các kinh Đại thừa cứ lãng đãng ẩn-hiện như vậy, và ẩn nhiều hơn là hiện.

Tới khoảng thế-kỷ thứ nhất sau Tây lịch, lúc đó Phật pháp bắt đầu kém sút và có thể suy tàn tại Ấn độ, thì những kinh Đại thừa mới xuất hiện rầm rộ, lưu bố cùng khắp và mở đường hoằng dương mạnh mẽ sang Tây tạng, Trung hoa, Cao Ly, Nhật bản và Việt Nam.

Lúc đó, ngài Mã minh xuất hiện, cực lực cổ xúy Đại thừa. Rồi ngài Long thọ đi tìm kiếm cùng lưu bố rộng rãi những bộ kinh Hoa nghiêm và Đại Bát nhã. Đồng thời, Ngài trước tác những bộ Luận, triển khai viên mãn thuyết Tánh Không trong giáo lý Bát Nhã...

Đến thế kỷ thứ 5, ngài Vô trước và Thế thân xuất

hiện, triển khai hệ thống Duy thức.

Tới thế kỷ thứ 6 hay 7, thì hệ thống Mật tông xuất hiện, chủ trương mở một con đường đi thẳng vào Diệu-tâm...

Cho nên, người Phật tử chúng ta không bao giờ nên nghi ngờ kinh Đại thừa cùng thần lực của kinh Đại thừa. Vì nghi ngờ kinh, là nghi ngờ ngay cái Diệu-tâm của mình và của Chư Phật. Và lòng nghi sẽ tạo dựng những ám chướng cùng túc nghiệp sâu nặng, trải qua nhiều kiếp cũng khó giải nổi...

\*\*\*

### BIỆN CHỨNG PHỦ ĐỊNH CỦA TRUNG QUÁN LUẬN

Tên của Ngài Đại Bồ tát LONG THỌ thường được gắn liền với nền Biện-chứng Phủ-định này.

Nhưng thực ra, nếu ta tìm kiếm kỹ trong các kinh Đại thừa, nhất là trong kinh Lăng già và Đại Bát nhã, ta sẽ thấy rằng tất cả những mầm mống của nền biện-chứng phủ định đều đã được rải rác trong lời kinh xưa. Và ngay Đức Phật, ngài cũng thường hay dùng thái độ IM LẶNG để phủ-định mọi ý-niệm kiến-chấp của những vị bà la môn ngoại-đạo tới thăm Ngài, và nêu lên những thắc mắc về những câu hỏi siêu hình lớn lao.

Vậy thì Ngài Long thọ chỉ có cái công triển khai và hệ-thống hóa đến cùng cực nền biện-chứng phủ định trong tư tưởng Bát nhã. Nhưng đó là một công lao độc nhất vô nhị rồi. Và quả thật, ngài là một bộ óc lạ lùng nhất đã xuất-hiện ở giữa cái thế gian u tối này... Một số học giả Tây phương ngày nay, say mê ngài Long thọ, bỏ ra gần cả cuộc đời để phiên dịch sách của Ngài, nhưng lại có xu hướng muốn đem Ngài ra so sánh với ZENON của



trường-phái Eleates tại Cổ Hy Lạp. Nhưng thiên nghi đó là một sự so sánh có thể rất lệch lạc...

Hãy đơn cử vài đoạn của kinh Lăng già, trong đó chính Đức Phật đã xử dụng nền biện chứng phủ định, để bác bỏ mọi lập-luận cùng ý-niệm nhị-biên của các trường phái ngoại đạo cùng học thuyết thế gian:

- “Phật bảo ngài Bồ tát Đại huệ rằng: Này Đại huệ! Ta nhớ có một hôm ta dùng nghi chân ở một khu rừng. Lúc đó, có 1 bà la môn say mê những lối lập-luận nhị-biên của các trường phái thế-luận, đi đến chỗ ta ngồi. Vừa đến nơi, chưa kịp hỏi han vấn an gì cả, ông ta liền hỏi ngay rằng: Thưa Cù Đàm! Tất cả thế gian này là do tạo ra chăng? Là do một nguyên nhân đầu tiên TẠO ra chăng?

Ta đáp rằng: Này Bà la môn! Nói rằng tất cả được TẠO ra là thế-luận thứ nhất.

Người kia lại hỏi rằng: Nếu thế, thì tất cả chẳng phải là TẠO ra chăng?

Ta lại đáp: Tất cả chẳng được tạo ra là thế-luận thứ hai.

Người kia lại hỏi: Tất cả là THƯỜNG chăng? Là VÔ THƯỜNG chăng? Tất cả là SANH chăng? Là CHẲNG SANH chăng?

Ta lại đáp: Ấy là những thế-luận từ số 3 đến số 6.

Này Đại huệ! Người kia lại hỏi: Tất cả là MỘT chăng? Tất cả là KHÁC chăng? Là ĐỒNG chăng? Là CHẲNG ĐỒNG chăng?

Ta lại đáp: Ấy là những thế-luận từ số 7 đến số 10.

Này Đại huệ! Người kia lại hỏi: Tất cả VÔ KỶ chăng? Hay HỮU KỶ chăng? Có NGÃ chăng? Không NGÃ chăng? Có đời này chăng? Không đời này chăng?...Tất cả là SÁT NA chăng? Tất cả chẳng phải SÁT NA chăng?...Tất cả như hư-không TRỌN DIỆT

chẳng?...Thưa Cù Đàm! TẠO ư? Chẳng TẠO ư? Có thân trung-ấm ư? Không thân trung-ấm ư?...

Này Đại-Huệ! Ta đáp rằng: Những điều như thế, thấy đều là thế luận, là thế-luận của ông, chẳng phải chỗ ta nói. Này Bà la môn, Ta chẳng nói có NHƠN, chẳng nói không NHƠN. Chẳng nói THƯỜNG CÒN, chẳng nói TRỌN DIỆT...Ta chỉ nói DO TẬP KHÍ VỌNG TƯỚNG HƯ NGUY tích lũy từ Vô thủy mà 3 cõi này được dựng nên. Và chỉ vì không hiểu được LỄ TỰ TÂM BIẾN HIỆN mà sanh ra vọng-tướng đấy thôi..."

(Kinh Lăng già, trang 295, bản dịch T.T Thanh từ: đoạn kinh trên đây chỉ là lược trích dịch lại, để cho dễ hiểu...).

- Ý nghĩa của đoạn kinh trên đây, thường được Phật nhắc đi nhắc lại trong nhiều bài kệ của pháp-hội Lăng già. Như:

Có-Không là 2 bên...  
TÂM bình đẳng tịch diệt...  
Tà kiến sanh thế-luận  
Vọng tưởng chấp có-không  
Nếu biết không chỗ sanh  
Cũng lại không chỗ diệt  
Quán Tâm thấy không tịch  
Có-không hai đều lìa...(trang 247)

- Và khi khởi đầu pháp-hội Lăng già, ngài Đại huệ mang 108 câu hỏi ra hỏi Phật. 108 câu hỏi này bao gồm tất cả pháp-giới hữu hình cùng vô hình, tỷ dụ như: "Có bao nhiêu vi-trần trong 1 thân căn chúng sanh? Vi-trần là gì? Thế-giới là gì? Sát-na là gì? Thời gian là gì?...v..v..."

Để trả lời những câu hỏi này, Phật chỉ đưa ra có một chữ PHI. Hoặc là chữ Vô, hay Bất, hay chữ Ly cũng vậy...

Chữ PHI này có nghĩa là: “Sanh tức là phi-sanh, bất-sanh là phi-bất-sanh, thường là phi-thường, đoạn là phi-đoạn, khứ là phi-khứ, lai là phi-lai, đồng là phi-đồng, đi là phi-đi, nhân-duyên là phi-nhân-duyên, thần-ngã là phi-thần-ngã, vi-trần là phi-vi-trần, thế-giới là phi-thế-giới, sát-na là phi-sát-na, Vật là phi-Vật, tướng là phi-tướng, Ý-niệm là phi-ý-niệm...”

Đọc thì thấy bí hiểm, khó hiểu... Nhưng thực ra, thì tự trung Phật muốn dẫn dò chúng ta 1 điều tối quan trọng rằng: “Mục tiêu tối thượng của mọi kiếp sống cùng mọi sự tu hành chỉ là Chứng-Nhập được cái Thực tại cuối cùng, cái Thật tướng, cái Biển Quang-minh-uyên-nguyên.. tức là DIỆU TÂM... Nhưng cái DIỆU TÂM này vốn là bất-khả-tư-nghì, bất-khả-ngôn-thuyết, vì nằm ở bình diện PHI NHỊ, là mọi ngôn từ cùng ý-niệm. Nên tất cả những ngôn từ cùng ý-niệm nhị-biên xuất sanh từ Vọng-thức, tức là mọi luận-cứ của các thế-luận đều là lệch lạc, không thể mô tả nổi cái Thực tại NHU NHU ấy... Muốn thâm khế nhập Thực-tại ấy, phải LẶNG LẼ lọt vào cái Tâm nhỏ-nhiệm vi-tế, tiêu trừ hết mọi GỌN SÓNG lăn tăn của ý-niệm tức vọng-tướng, thì tự nhiên chúng nhập được... Cho nên, Ta đưa ra 1 chữ Phi này để khuyên các ông phải lần lần lìa bỏ mọi ý-niệm vọng tướng đối đãi, có hay không, đoạn hay thường, vượt lên trên thì mới chúng nhập được Giác-thể hay Tâm VÔ NHỊ được...”

Như thế, là Phật đã xử dụng đến cùng cực nền biện-chứng phủ-định để tiêu trừ mọi vọng-thức phân biệt... Nhưng đồng thời trong kinh Lăng già, ngài cũng giảng giải rất kỹ càng về các nẻo đường tu chứng, khiến chúng ta bước vào Trung đạo và làm hiển-lộ Diệu-tâm...

- Ngoài ra, trong 1 số trường hợp khác, khi có người

bà-la-môn ngoại đạo tới hỏi Phật về 14 câu hỏi siêu hình lớn lao (tỷ dụ như: Pháp-giới này là vô-cùng-tận hay cùng tận? Là vĩnh cửu hay không vĩnh cửu?), thì Phật thường hay giữ thái độ IM LẶNG. Ngài im lặng không phải là ngài không có đáp số. Trái lại, giáo-lý Phật có đủ mọi đáp-số. Nhưng ngài lại thường im lặng, là vì ngài muốn bảo rằng: “Tất cả những luận-cứ, luận-thuyết cùng thắc mắc của các ông đều chỉ khởi lên do vọng-thức phân biệt. Đều chỉ là vọng-tướng, không ôm sát được Thực tại... Chính cái đó nó làm cho các ông trôi-lăn-chìm-nổi. Khi nào các ông hiểu được Lẽ Tự tâm Biến hiện, và bước lên Tột-bờ-mé của Tâm, thì mọi băn khoăn thắc mắc ấy sẽ tự giải, và cũng sẽ tự rơi rớt lả tả rồi biến đi như người chột TỈNH giấc chim bao...”

\*\*\*

Như thế là ngài Long thọ đã phải trầm tư rất nhiều về thái độ IM LẶNG của Phật cùng chữ PHI trong kinh Lăng già, để tạo dựng nên nền Biện chứng Phủ định, và triển khai đến cùng cực.

Thân thế cùng sự xuất hiện nơi đời của ngài Long thọ cũng thực là lạ lùng. Nửa như thuộc về lịch sử, nửa thuộc về huyền thoại... Tương truyền rằng có 1 thời gian, ngài lưu trú tại Phật-học-viện Na lan Đà, và ngài có thu 1 vị đệ-tử là ngài Đề Bà (Aryadeva). Nhưng phần lớn thời gian thì ngài đi lang thang khắp chốn, giảng giải, tranh luận và hoằng dương Đại thừa. Rồi sau thì ẩn tu tại Tuyết sơn. Cũng tương truyền rằng ngài đã xuống long cung, chữa bệnh cho Long vương Bạt nan đà, nhân dịp này đọc thuộc được 2 bộ kinh Hoa nghiêm và Đại Bát nhã. Rồi khi trở về, chép lại 2 bộ đó, và lưu bố rộng rãi tại miền nhân thế.

Câu chuyện này thường bị người đời coi là huyền

thoại. Nhưng thực ra, huyền thoại hay sự-khien lịch sử cũng chỉ là tùy thuộc mức độ nhãn-lực cùng đạo-lực của người-trong-cuộc mà thôi... Nếu chúng ta hiểu rằng pháp-giới chỉ là do Tự-tâm biến hiện, hiểu được sức khởi diệu-dụng vô cùng của các bậc Đại Bồ tát, hiểu được thần-lực khó lường của tam muội, thì sẽ thấy rằng đối với 1 bậc Đại Bồ tát, việc xuất thần-thức hay là mang cả hóa-thân lên chơi những tầng trời, hoặc xuống long cung, chỉ là một việc du-hý dễ dàng. Vì thực ra, các ngài chỉ là đi tản bộ rong chơi trong vườn Tâm mà thôi...

Đồng thời với sự lưu bố kinh Đại Bát nhã và Hoa nghiêm, ngài có trước tác nhiều bộ luận thần kỳ, trong đó có bộ Đại trí độ luận và bộ Trung quán luận. Bộ Đại trí độ là để giải thích kinh Đại Bát nhã, và làm hiển lộ mọi khía cạnh tích cực và thật-tướng của thuyết Tánh Không trong Bát nhã. Còn bộ Trung quán là để hệ thống hóa nền Biện-chứng Phủ định, khai phá đã phá hết mọi lập luận kiến chấp.

Vậy biện chứng Phủ định là gì?

Có thể tạm nói rằng: Biện-chứng phủ định là cái lộ-trình của tâm thức niệm-niệm-Ly, lia bỏ lần lần những cặp ý-niệm đối đãi (như có-không, thường-đoạn, đồng-dị, lai-khứ...) tạo dựng nên từ vô thủy bởi Vọng-thức phân biệt của chúng sanh, để vượt lên một bình diện cao hơn, và lần lần chứng nhập vào Thật-tướng, vào Giác-thể hay Diệu-tâm.

Nền biện chứng này THẮNG VƯỢT lên trên nền luận-lý hình thức (logique formelle) hay nhị-biên. Vì luận-lý nhị-biên thường được căn cứ trên sự phân chia thành chủ-thể nhận thức, khách-thể bị nhận thức, và cái sự việc nhận-thức hay động-tác. Trong khi nền biện-chứng của nhà Phật là một luận-lý NHẤT NHU. Nghĩa

là cả 3 (chủ-thể, khách-thể và sự việc nhận thức hay động tác) đều lần lần tiến tới chỗ thể nhập hoàn toàn, trở thành MỘT... Luận lý NHẤT NHƯ có thể dịch là Logique de l'Identité foncière. Tỷ dụ như khi một bậc Đẳng giác chứng nhập Vôthượngchánh giác tức Đại bát niết bàn tức Diệu tâm thì người chứng nhập, Quả bị chứng nhập, và Động tác chứng nhập...đều thể-nhập trọn vẹn và trở nên Một... Vì thế, nên nhà Phật thường bảo là Vô-sở-đắc... Vả lại, nếu xét kỹ, thì thấy mọi thi-vi động tác, dù là của tâm thức, hay của miệng lưỡi, hay là của thân căn, hay là sự lay động của ngoại vật, thực ra chẳng có tự-tánh gì hết, chỉ tương tự như vết-chim-bay giữa hư-không, vì đều là do Tâm biến hiện...

Tính cách NHẤT NHƯ này của Thật-tướng, chính là điểm bí-yếu tối thắng của tư tưởng Bát nhã... Do đó, Ba mà trở thành Một (mystery of the Trinity)... Lên đến chỗ Tột-bờ-mé, thì Phật-Pháp-Tăng cũng trở thành một. Lên đến tột-bờ-mé, thì Phật-Pháp-Chúng sanh cũng trở thành một. Lên tột-bờ-mé, thì Căn-Trần-Thức cũng là một. Không thể có Căn ngoài cảnh tức Trần, cũng không thể có Trần ngoài Căn... Thức cũng như vậy. Quán chiếu được như thế, tức là quán Bát nhã, quán Như-huyễn, quán Do-tâm-biến-hiện... Và sau cùng, thì ngay đến cái MỘT này, cũng là phi-nhất-phi-dị, vì nếu còn GỌN niệm chấp là Một, thì vẫn còn ở trong vòng ý-niệm vọng-tướng.

\*\*\*

Ngài Long thọ đã phổ nền biện-chứng niệm-niệm-Ly này vào bộ Trung quán luận.

Bộ luận này gồm 27 thiên, viết theo hình thức tụng-ngôn (Karikas), tương tự như lời kệ. Nên rất là cô đọng khó hiểu.

Nhưng trong suốt 27 thiên của bộ luận, ngài thỉnh thoảng nhắc đi nhắc lại Lý Như-huyền của kinh Kim cang và Đại Bát nhã: “Mọi sự mọi vật đều như Mộng, như Huyền, như Dương-diệm, như thành Càn thất bà, như trò Ảo-hóa...”

Mở đầu bộ Trung luận là 1 bài kệ nổi tiếng lấy lòng, gọi là bài Tụng-ngôn Bát Bất (8 cái Bất), vừa tán thán Phật vừa triển khai ý nghĩa mệnh mang của chữ PHI trong kinh Lăng già:

Không Sanh cũng không Diệt (Bất sanh diệt bất diệt)

Không Thường cũng không Đoạn (Bất thường diệt bất đoạn)

Không Một cũng không Khác (Bất nhất diệt bất dị)

Không Đến cũng không Đi (Bất lai diệt bất xuất)

Nói được Lý Lẽ này,

Khéo diệt mọi hý-luận,

Con đánh lễ Đức Phật

Bậc Đạo Sư Tối Thắng...

Bài tụng-ngôn này chỉ đưa ra 8 bất, tức là 4 phạm-trù (categories antinomiques), 4 cặp ý-niệm đối đãi của vọng-thức của chúng sanh... Nhưng các pháp vốn vô lượng, nên các phạm-trù của vọng-thức, tùy theo các cõi, cũng có thể là vô lượng. Nhưng tựu trung, 4 phạm-trù đối đãi này là căn bản của vọng-thức nhị biên, nên bao quát hết thấy những phạm trù khác của thế luận...

Tiếp theo là 27 thiên. Những thiên này là sự khai phá, dùng ngày luận-lý để phá hủy mọi luận-cứ kiến chấp, và chỉ nhằm chứng minh rằng mọi lập-luận kiến-chấp của Ngoại đạo và Nhị thừa đều không đứng vững cả... Vì sao? Là vì mọi kiến chấp đều dựa vào kiến-chấp căn bản là: Vật hay cảnh-giới là CỐ TỰ THỂ (Being) hay

KHÔNG CÓ TỰ THỂ (Not being) mà thôi. Là vì ngoại đạo cùng nhị thừa đều chưa thấu hiểu được Lẽ: Vật hay cảnh giới đều là Tánh Không, đều không hề có tự-tánh của sự vật, đều là Vô-tự-tánh, đều là Như-huyễn, đều không-thật-không-hư, đều chẳng-có-chẳng-không, vì chỉ là Do-tâm-biến-hiện...

27 thiên này gồm những thiên như là: Phê phán phân tích về Nhân-Quả (Causality), - Phê phán phân tích về Động hay Bất động (Motion and Rest), - Phân tích về Nhân-thức và 5 thức kia, - Phân tích về 5 uẩn, - Phân tích về Không-đại và 5 đại kia là địa thủy hỏa phong thức, - Phân tích về lòng Tham ái và người khởi tâm tham ái, - Phân tích về Hiệp-tướng và Bất-hiệp-tướng,.....- Phân tích về Thời gian, về quá-khứ, hiện-tại, vị-lai...- Phân tích về Tự-thể, về Thần-ngã, - Nói về Thật tướng, - Nói về Như Lai, - Nói về Đại Bát niết bàn..v..v...

Và sau cùng, ngài kết thúc bằng mấy lời sau:

“Con cung kính đánh lễ Đức Thế tôn,

Ngài đã khởi Đại bi tâm giảng nói về Thật-pháp,  
Thật-tướng...

Đối với những ai đã biết hòa-điệu với Không Tánh, thì tất cả pháp-giới này chỉ là Hòa-điệu, viên dung vô ngại. Còn đối với những ai chưa biết hòa-điệu với Không Tánh, thì cả vũ trụ này còn là tiền-trần-lưu-ngại và chưa hòa điệu”.

\*\*\*

Đại cương những đề tài trong các thiên của bộ Luận là như vậy... Mỗi thiên chỉ gồm chừng hơn 10 bài tụng, hoặc hơn 20 bài tụng, và mỗi bài tụng gồm chừng 4 câu.

Đọc suốt cả 27 thiên này, thì phần đông chúng ta đều chơi với, khó thể theo dõi đến ngọn ngành... Phần lớn là do ngôn từ quá cô đọng súc tích, và ý nghĩa quá huyền vi



uyên áo. Nhưng một phần nhỏ cũng là vì những bản dịch sang ngôn ngữ Tây phương có khi không được sắc nghĩa cho lắm.

Muốn thấu hiểu được tới mức tạm gọi là thông suốt về bộ Luận này, thiết tưởng cần phải biết rõ về các chủ trương của những trường-phái ngoại đạo thời đó, về những tập tục suy tư cùng tranh luận của họ, đồng thời lại phải suy tư cùng quán chiếu lâu dài về những lời dạy của ngài Long thọ, thì mới tới được. Vì những lời dạy của ngài là chỉ nhằm phá vỡ và đảo ngược tất cả những tập quán suy tư và nhận thức của phàm phu chúng ta.

Đối với đa số chúng ta, thiết tưởng cũng chưa cần đi sâu vào những chi tiết cho lắm. Vì đi sâu cũng dễ bị hoang mang chơi với... Nên thiết tưởng chỉ cần hiểu, và nhớ rằng lối nhìn của ngài Long thọ là lối nhìn của 1 Đại Bồ tát khi nhìn mình, nhìn người, nhìn sự vật cảnh giới. Đó là lối nhìn Tương-sanh-tương-duyên, Như-huyễn-biến-hiện hay Huyền-khởi-tương-ưng... Vì tất cả sự vật đều chỉ là những ánh-biến-hiện của Diệu-tâm do nghiệp lực của chúng sanh chiêu cảm nên. Vì thế, nên trong các bài tụng ngôn, ngài Long thọ hay nhắc đi nhắc lại về Lý Như huyễn.

Lý Tự-tâm biến hiện do nghiệp lực chiêu cảm này, là Chân lý tối thượng do Chư Phật 3 đời đã phát minh ra và xiển dương... Cái Diệu tâm ấy, trong 1 niệm mê mờ vô thủy, bỗng quên mình chính là trong sáng nhiệm màu tột bậc, muốn quay lại soi sáng vào chính mình. Nên chuyển thành Vọng thức năng Biến, rồi khởi lên vô vàn những cơn lốc hư minh, và mỗi cơn lốc hư minh là một chúng sanh. Do sự hiện khởi này, nên phân ra có năng có sở, có đây có kia, có trước có sau. Là bỏ cái Nhất như uyên nguyên, và biến hiện ra thành:

- cái Kiến phần hay Năng kiến
- Cái Tướng phần hay Sở kiến
- Và cái Gạch-nối-liên hay mối tương quan tương-sanh-tương-duyên giữa 2 phần ấy.

Tỷ dụ như: bộ ba CĂN TRẦN THỨC...Cái Kiến phần tức phần Chủ thể chiếu soi vốn khởi đầu là một vọng tưởng mê mờ. Nhưng nó cứ lặng lẽ chiếu soi không ngừng từ thời vô thủy, do đó làm phát hiện vô số quang minh le lói. Những ánh hư minh le lói ấy xoay vần miên viễn hoài hoài, lần lần cô đọng lại thành những kiên-cố vọng tưởng, và kết nên các CĂN của chúng sanh. Cái Tướng phần hay Sở kiến, tức là phần Bị nhận thức chiếu soi, cũng vốn là những quang minh phát xuất từ cái niệm-mê-mờ-vô-thủy, lần lần bị cái đã SUY ĐỘNG PHÂN LY của Kiến phần, nên cũng lóng lại và kết thành những TRẦN CẢNH, tức sự vật hay cảnh giới bị thấy. Và giữa hai phần đó, bao giờ cũng có cái-gạch-nối-liên, tức là THỨC, tức là tác dụng chuyển biến thêm 1 tầng VỌNG nữa của cái THẤY gần như thường hằng nối liền Căn và Cảnh đã được giảng nói trong kinh Lăng nghiêm...Cả 3 thứ đó, CĂN TRẦN THỨC tuy không phải là Một, nhưng cũng không thể Lìa nhau được. Tỷ dụ như TRẦN thì không thể có Ngoài CĂN và THỨC được, và 2 cái kia cũng vậy. Hơn nữa, lên đến tốt-bờ-mé, thì cả 3 đều trở thành một, nhưng cái Một này là Nhất như nên phi-nhất-phi-dị, là ý niệm...Nhưng kẻ phàm phu chúng ta thì do những tập quán vọng thức phân biệt từ thời vô thủy, nên cứ lầm tưởng, chấp trước rằng 3 thứ ấy đều có thực, và tồn tại riêng biệt độc lập. Kỳ thực thì cả 3 đều khởi lên từ nơi Diệu tâm, như những ảnh tượng HUYỀN KHỞI TƯƠNG UNG.

Sự phê phán về Căn-Trần-thức này được nói đến

trong thiên 3 của Trung quán luận.

Lại lấy một tỷ dụ khác, được nói đến trong thiên 2 của Trung quán luận, tức là bộ ba: NGƯỜI ĐI - CON ĐƯỜNG BỊ ĐI QUA và ĐỘNG TÁC ĐI... Nếu ta nhìn theo lối như-huyễn, thì sẽ thấy rằng Chủ thể Người đi kia cũng chỉ là một huyễn-tướng giả-hợp, một vọng tưởng kiến chấp, chứ không phải là Thực Có. Con-đường-bị-đi-qua cũng chỉ là sự huyễn-hiện, là một vọng tưởng, vì cả cái ý niệm Không gian này cũng chỉ là một vọng tưởng dựng nên bởi cộng nghiệp của một loài chúng sanh mà thôi. Còn như Động-tác-đi thì như vết-chim-bay, như một thứ lay động huyễn hiện trong Diệu tâm... Cả 3 thứ đó, tuy không phải là một, nhưng cũng không thể lia nhau được. Và lên tới chỗ tột-bờ-mé, thì 3 sẽ trở thành một... Diễn trình tu chứng cũng vậy: lên tột-bờ-mé, thì người tu, con đường tu và quả chứng được cũng nhập lại thành một. Vì thế, nên Vô sở đắc... Nhưng kẻ phàm phu thường lầm lạc, nên chấp là có 3 thứ riêng biệt.

Trong chương 3 sau đây, khi nói về kinh Kim cang cùng Lý như huyễn, sẽ trình bày rõ hơn về tính cách như huyễn của mọi Sự, tức là cơ sự hay Động tác.

Trong bộ Đạo đức kinh, ngài Lão tử cũng có nói: "Nhất sinh Nhị, Nhị sinh Tam...". Cũng là cùng một Lý ấy, nhưng ngài Lão tử chỉ nói sơ qua, không có triển khai kỹ càng.

\*\*\*

Hai tỷ dụ trên đây được lý giải theo lối nhìn như huyễn và duy tâm sở hiện, cho được dễ hiểu hơn... Nhưng trong bộ Trung quán luận, thì ngài Long thọ không dùng trực tiếp lối lý giải này. Ngài lại dùng ngay những LUẬN LÝ để đả phá mọi vọng-tưởng kiến chấp của Nhị thừa và ngoại đạo, và để chứng minh rằng mọi thể luận cùng kiến

chấp đều là nghịch lý và không thể đứng vững được. Đã phá hết mọi vọng tưởng kiến chấp rồi, thì cái Thể Nhất như của Diệu tâm tự HIỂN LỘ.

Đến đây, để có một ý niệm sơ lược và dễ hiểu về lối biện chứng của ngài Long thọ, chỉ xin trích dẫn sau đây mấy bài tụng ngôn của Trung quán luận, nói về Nhân duyên và Nhân quả, vì vấn đề này là một vấn đề trung tâm trong các cuộc tranh luận giữa các trường phái thời đó. Những bài tụng ngôn này nằm trong thiên 1 và 20 của bộ luận, và đã được ngài Cưu ma la thập dịch sang Hán văn, rồi Việt dịch:

Các Pháp vốn không có Tự tánh  
Nên nó là Vô tướng  
Nếu bảo chúng có tướng  
Điều ấy quả không đúng...

Các Pháp không phải từ Duyên sanh  
Cũng không Phi duyên sanh,  
Bởi vì các Pháp vốn không thực có  
Nên Duyên và Phi duyên cũng không...  
Các Pháp không phải TỰ NÓI sanh ra  
Cũng không phải do CÁI KHÁC sanh ra,  
Không do CỘNG sanh, cũng không VÔ NHÂN sanh  
Nên biết chúng không do ai sanh và tạo tác nên cả.  
Ba bài tụng ngôn này nói lên Lẽ Vô tự tánh của các Pháp, tức là các sự vật, các hiện tượng dù hữu hình hay vô hình... Vì Vô tự tánh, nên Vô tướng, Không và Vô tác.

Tại sao Vô tự tánh và Vô tướng?

Vì tất cả sự vật đều không có tự tánh nhất định là vật gì hết, vì đều là sự hiển hiện của Diệu tâm do nghiệp lực chiêu cảm. Cả pháp giới này chỉ là một màn hiển hiện trùng-trùng của cái niệm mê-mờ-vô-thủy, rồi trong cái

Tới quả A la hán, thì diệt được hết mầm móng sanh tử, hết kiết-sử phiền não. Kiết-sử phiền não là những cột-gút xoắn lại từ vô lượng kiếp và trói buộc thân tâm, và gồm 10 thứ là: tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên-kiến, giới-cấm-thủ, kiến-thủ-kiến và tà-kiến...

Những kiết sử này, trải qua vô lượng kiếp, làm nở ra trong thân tâm những hoặc-nghiệp, gọi là kiến hoặc và tư hoặc. Kiến hoặc là thấy sai lầm lệch lạc, còn tư-hoặc là nghi sai lầm. Những kiến-tư-hoặc này tức là chi-mạt-vô-minh, tức là sự nở ra trên những bình diện thô-khếch của căn-bản-vô-minh...

Bậc A la hán diệt được hết thấy kiến hoặc và tư hoặc tức chi-mạt-vô-minh, nhưng chưa diệt nổi những tập-khí tức căn-bản-vô-minh. Diệt được chi-mạt tức là dứt được phân-đoạn-sanh-tử, ra khỏi 3 cõi. Nhưng vẫn còn phải chịu sự biến-dịch-sanh-tử vi tế, vì các tập-khí tức căn-bản-vô-minh vẫn tiếp tục xoay vần lưu chuyển...

Tóm lại, kiến hoặc và tư hoặc là những hoặc-nghiệp thô phù chi mạt thuộc về tam giới. Còn những tập-khí căn-bản-vô-minh thì được gọi là vô-minh-hoặc, rất vi tế nhỏ nhiệm và ở ngoài tam giới.

Một bậc A la hán, diệt hết hoặc nghiệp thô phù rồi, ra khỏi tam giới. Lúc đó, quay đầu lại nhìn tầng-tầng-lớp-lớp chúng sanh, thì thấy rằng những kiến-tư-hoặc và vô-minh-hoặc của chúng sanh trùng-trùng-điệp-điệp, tương tự như biển cả, không biết đến đâu là cùng tận. Nên gọi cái biển cả hoặc nghiệp ấy là Trần-sa-hoặc. Rồi rùng mình e sợ lo ngại, nghi rằng chúng sanh vô cùng vô tận như vậy, thì làm sao mình độ nổi, và độ đến bao giờ mới hết?! Nghi vậy rồi, nên đành tâm thúc thủ, an hưởng niềm trần-không-thú-tịch, và không dám hưng khởi Đại tâm. Không dám phát tâm Đại thừa, không dám phát Đại bị tâm...

Cần phải hiểu cái tâm trạng e sợ lo ngại này của bậc A la hán, thì mới dễ hiểu lời dạy trong kinh kim cang.

Còn Quyền thừa Bồ tát là bậc gì? Là những bậc bồ tát thuộc Thập Tín, Thập Trụ hay Thập hạnh... Những bậc này, về định lực cùng sức quán chiếu còn kém A la hán, nhưng lại vượt rất xa về 1 điểm: đó là tâm dũng mãnh, phát đại tâm, phát Bồ-đề-tâm cầu quả vô thượng để độ sanh, trong tâm không còn e sợ lo ngại về cái biển trần-sa-hoặc của chúng sanh..." Chúng sanh vô cùng tận đến đâu, tâm con cũng vô cùng tận tới đó, pháp-giới không ngăn mé đến đâu, thân-tâm con cũng không ngăn mé tới đó...", đó là đại-hoàng-thệ của các ngài. Các bậc này thường đều tu tập ngã không, đồng thời tu tập pháp không, nhưng chưa đạt tới cao độ... Vẫn còn có thể thối thất hoặc dậm chân tại chỗ. Nên cũng là đối tượng của kinh Kim cang.

\*\*\*

### VÀO KINH

Kinh Kim cang không chia thành phẩm, chỉ gồm 32 đoạn kinh.

Căn cứ vào lời kinh cùng ý-chỉ, có thể chia làm 2 phần.

Phần I. Trải dài từ đoạn 1 đến hết đoạn 16, trong đó Phật giảng nói cho những bậc đại-đệ-tử đã đắc quả A la hán, cùng đệ-tử thuộc Thanh văn hữu học... Quyết nghị phân chia như vậy, là vì ở cuối đoạn 8, có câu: "Thật không có pháp chi gọi là A la hán cả..."

Phần II, trải dài từ đoạn 17 đến hết, Phật nhắc lại và giảng dạy thêm ít điểm, giảng chung cho các đệ tử và các bậc Bồ tát sơ phát tâm, quyền thừa và đã nhập địa... Là vì ở cuối đoạn 17, Phật nhắc: "Thật không có pháp chi gọi là Bồ tát cả..."

rồi, thì Giác thể Nhưt như tự hiển lộ... Đây là Đại Bát Niết Bàn... Cũng cần ghi rằng trong kinh Đại Bát Niết Bàn, phẩm Ca Diếp Bồ tát (trong 404-409) chính Phật đã giảng giải kỹ càng về lối biện chứng Trung quán này, tức là lối Quán chiếu theo Trung đạo để có thể thấy Phật tánh. Chắc rằng ngài Long thọ cũng đã y cứ vào kinh này để xây dựng nền biện chứng...

\*\*\*

Vậy thì TÁNH KHÔNG của hệ thống Bát nhã, hay của Trung quán luận hoặc Đại Trí độ luận có nghĩa là: SẮC với KHÔNG bất nhị, TỐT KHÔNG chính là DIỆU SẮC, và CHƯ PHÁP đều KHÔNG, VÔ TƯỚNG, VÔ TÁC, đều là VÔ TỰ TÁNH, là NHƯ HUYỀN, là KHÔNG THẬT KHÔNG HU, vì đều là HUYỀN HIỆN của Diệu tâm.

Về Tánh Không này, tức là Phật tánh, là Trung đạo tánh, là Pháp-thân-thường-trụ, là Đại Bát Niết bàn, là Diệu tâm... thì trong kinh Đại Bát Niết bàn, Phật dạy rằng: Phật tánh ấy, tuy nó là Vô tướng mạo, nhưng tu hành đúng mức thì CÓ THỂ THẤY ĐƯỢC. Bạc thập địa Bồ tát thấy Phật tánh, nhưng chưa rõ ràng. Bạc Diệu giác tức Phật thì thấy rõ ràng.

Các kinh Đại thừa thường nhắc nhở hay thuyết giảng về Tánh Không này. Nhưng không phải chỉ riêng kinh Đại thừa mới nói đến. Mà Phật đã từng nói rải rác về Tánh Không ngay trong những kinh của Phật giáo nguyên thủy. Nhưng trong những kinh này, Ngài thường chỉ nhắc tới Ngã Không thôi, ít nói đến Pháp Không. Và phải tìm ở những kinh Đại thừa thì mới thấy sự triển khai trọn vẹn của giáo lý Tánh Không.

Kinh Đại Bát nhã thường nói đến 18 thứ KHÔNG. Một vài kinh khác như Kinh Đại Bát Niết Bàn lại nói

đến 11 thứ KHÔNG.

Vi sao vậy?

Trong bộ Đại trí độ luận, ngài Long thọ giải thích rằng: “Các Pháp vốn vô lượng, và tất cả các pháp cũng đều là Không cả. Vậy thì, nếu nói tỷ mỉ theo chi tiết, thì có vô lượng thứ Không. Nhưng tất cả những thứ Không ấy đều nằm trong TÁN H KHÔNG cả.

Nay nếu nói MỘT TÁN H KHÔNG tổng quát thôi, thì nó mơ hồ và khái quát quá. Còn nói Vô lượng thứ Không, thì lại nhiều quá, và nói mãi không hết... Bởi thế, Kinh nói hoặc 18 thứ Không, hoặc 11 thứ. Lời Kinh cũng như toa thuốc. Và con số 18 hay 11 là liều thuốc vừa phải để chữa trị các căn bệnh kiến chấp của chúng sanh...”

Để tránh những sự dài dòng khó hiểu, 11 món Không này có thể tạm thâu tóm như sau:

Nội Không: nghĩa là các pháp ở trong, thuộc về thân tâm chúng sanh đều là Không. Cũng tức là Tình Không.

- Ngoại Không: các pháp thuộc về ngoại vật Y báo đều Không. Tức là Cảnh Không.

- Nội Ngoại Không: Trong ngoài, tình cảnh đều không.

- Hữu vi Không: cả 3 cõi thuộc pháp hữu vi đều không.

- Vô vi Không: cả các pháp siêu xuất 3 cõi của Nhị thừa cũng đều không.

- Vô thủy Không: quá khứ là một vọng tưởng phân biệt, nên là không.

- Tính Không: hiện tại không dừng chỉ là tia-chớp-nháng cũng là một vọng tưởng phân biệt, nên là không.

- Vô sở hữu Không: vị lai vô tận cũng chỉ là một vọng tưởng, nên không.



- Đệ nhất nghĩa Không: các pháp siêu xuất vi diệu nhất cũng là không.

- Không Không: ngay đến ý niệm Không cũng là không, nên cũng phải liả cái GỌN cuối cùng ấy, thì Biến tâm mới thực vắng lặng nhiệm mầu.

Đại Không: tức là Tuyệt đối vô ngại Không, tức là Tột-Không, tức Vắng lặng nhiệm mầu trong sáng tột bực...và khởi diệu dụng hiển hiện những sắc tướng vô cùng tận.

\*\*\*

Nay bước sang Kinh Kim cang, để nghe những lời dạy về Như-huyền và Tánh Không...

### CHƯƠNG 3

#### HÀNH TRÌNH VÀO KINH KIM CANG

Đến đây, chúng ta hãy cố gắng đi vào kinh Kim cang. Kinh Kim cang là 1 bộ kinh ngắn nhưng vi diệu, nên từ trước tới nay, được rất nhiều người đọc tụng, ngang hàng với kinh Pháp hoa...Nhà đại thi hào Nguyễn Du xưa kia, đã từng đọc tụng kinh này tới gần 1000 lần.

Lời kinh có vẻ bình dị ngắn ngủi, nhưng bí hiểm khôn dò. Ý nghĩa trùng-trùng điệp-điệp, nhiều khi biến ảo cũng tương tự như những kinh Đại thừa khác...Qua những trang kinh, Phật thường lập đi lập lại một số những câu hỏi và trả lời chính yếu, khiến người đọc như thấy mình bị lôi cuốn vào giữa một vùng nước xoáy, thấy mình ngỡ ngác bàng hoàng, vì bao nhiêu những kiến-chấp về nhận thức và cuộc sống đều bị đập phá tan hoang. Đặc biệt nhất là Ngài nhắc đi nhắc lại tới 14 lần công-đức bất-khả-tư-nghi, khó thể suy lường của người trì kinh...

Trong các kinh Đại thừa, chỉ có kinh Pháp hoa là dành riêng 3 phẩm để nói về công đức trì kinh, và kinh này là nhắc đi nhắc lại tới 14 lần mà thôi.

Nhưng tuy lời kinh chỉ lập đi lập lại 1 số những câu hỏi cùng trả lời chính yếu, nếu ta suy ngẫm kỹ thì sẽ thấy rằng lối bố cục trong việc thừa hỏi rất là tinh vi. Và sở dĩ Phật nói kinh này, chỉ là vì muốn giải những lưới NGHỊ trùng-trùng trong tâm thức những vị đệ-tử mới bước vào con đường Bồ-tát-đạo, đồng thời dạy các vị đó một số HẠNH mới, và nhất là LỐI NHÌN, lối QUÁN CHIẾU mới của Bồ tát để hàng phục mọi vọng tâm.

Là vì kinh này, thực ra, chẳng giảng nói điều gì khác, mà chỉ giảng nói về Lối Nhìn, về lối Quán-chiếu (Bodhisattva-seeing) của Đại Bồ tát, khi nhìn mình, nhìn người, nhìn chúng sanh, nhìn cảnh giới, và nhìn những Phật sự mình làm để độ sanh.

Và lối nhìn đó chính là lối Nhìn NHU HUYỀN, và lên cao hơn nữa, là lối nhìn NHU NHU TỊCH TĨNH vì DO TÂM BIẾN HIỆN... Và đồng thời, hiển lộ thuyết 3 thân của Phật...

\*\*\*

Đọc tụng kinh Đại thừa, thiết tưởng cần phải hiểu về SỨC PHƯƠNG TIỆN (upaya) gần như không ngần-mé của Chư Phật. Vì Phương tiện là một trong 10 Độ mà các Ngài đã tu từ A tăng kỳ kiếp.

Chư Phật vốn là Tạng-Quang-minh, như lời kinh Hoa nghiêm dạy rất rõ ràng... Danh từ Tỳ-Lô-giá-na có nghĩa là Biến-nhất-thiết-xứ, hay là Quang-minh-Biến-chiếu. Cho nên, Pháp-thân-thường-trụ của các ngài chính là Biến-quang-minh vì diệu tột bậc, chuyển động cực kỳ mau lẹ nên thường ứng-hiện lập tức, và được gọi là Trạng-nhiên-Bất-động hoặc Vô-khứ-vô-lai... Và

quang-minh đó chính là quang minh của Diệu-tâm, của Trí-huệ Đại Bát nhã, của Phật-tri-kiến...chiếu soi không ngừng nghỉ.

Từ Biển quang minh ấy, các ngài có thể khởi diệu-dụng vô cùng tận để độ sanh. Hoặc khởi lên những sắc-tướng vô lượng. những cảnh giới hay phương tiện vô lượng...tùy theo thời tiết cùng căn cơ chúng sanh đáng được độ. Hoặc khởi lên những ngôn-từ cùng diệu âm vô lượng để thuyết pháp độ sanh. Vì quang-minh cũng làm phát xuất những diệu âm, như được ghi trong nhiều đoạn kinh Hoa nghiêm...Cho nên, trong việc thuyết pháp của Chư Như lai, không hề có năng-thuyết cùng sở-thuyết, vì mọi ngôn từ cùng diệu âm đều khởi lên và lưu xuất từ Diệu-tâm mà ra...

Kinh Lăng già cùng kinh Duy ma cật dạy rằng: tại nhiều cõi, như cõi Chúng Hương chẳng hạn, các Đức Phật thường không dùng ngôn-từ để thuyết pháp. Mà các ngài thường chỉ dùng quang minh, hoặc mùi hương, hoặc cơm thơm, hoặc hoa sen, tà áo, cầu vồng, tiếng nước chảy, ánh mắt, nụ cười vi tiếu..v..v...để thuyết pháp và khiến chúng sanh liễu ngộ. Phương tiện của các ngài rộng rãi là như vậy. Và chúng sanh của cõi Chúng hương chỉ cần ngửi mùi hương của cơm, hoặc ăn thứ cơm thơm đó, là có thể đắc quả rồi. Là vì sao? Là vì nghiệp lực của những vị đó thường là nhẹ nhàng và căn cơ lại ưu thắng. Xem thế, thì hiểu rằng cái Lẽ Biến hiện của Tự-tâm là kỳ diệu đến mức nào...

Nhưng ở 1 cõi uế-độ trung bình như cõi Ta bà của chúng ta, vì căn cơ thấp kém chậm lụt, nên Đức Bổn sư thường phải dùng đến ngôn-từ để thuyết pháp...Thực ra, thì ngài thường dùng 2 cách: - hoặc là phóng hào quang để vô ngôn thuyết pháp, - hoặc là dùng ngôn từ thế gian

để nói pháp, và để lại kinh cho đời sau lưu bố.

Việc phóng hào quang tức vô-ngôn thuyết pháp của Phật, cũng tức là thi triển thần-lực của Phật, có rất nhiều công năng tỷ dụ như:

Những chúng sanh ở 3 ác đạo, nếu có túc duyên mà được chạm quang minh ấy, thì lập tức được thoát thân ác đạo và đi thọ sanh cõi tốt lành.

Người thế gian chúng ta, nếu chạm được quang minh, sẽ thành tựu căn lành và có thể đắc 1 quả-vị nào đó.

Chư thiên ở 18 tầng trời cõi Sắc và 4 tầng trời cõi Vô sắc, suốt thảng năm mài miệt an trụ trong niềm an lạc trầm-không-thú-tịch của các mức thiên định, nếu chạm được quang minh ấy, sẽ khởi tâm nhàm chán niềm an lạc của thiên-định, rồi hưng khởi Đại bi tâm, muốn tu lên nữa để độ sanh, và ôm trọn mọi chúng sanh vào trong thân tâm mình. Và các chư thiên đó cũng không còn thấy e ngại sợ hãi, khi đứng trước những trần-sa-hoặc hay vô-minh-hoặc bời bời của những lớp sóng chúng sanh.

Còn riêng đối với chúng hội đương ngồi nghe Phật hoặc nhìn Phật phóng quang, thì chúng hội này sẽ được thần-lực của ngài gia trì. Khiến cho họ, trong 1 khoảng thời gian nào đó, có thể đắc hoặc nhãn căn thanh tịnh, hoặc nhĩ căn thanh tịnh...hoặc ý-căn thanh tịnh. Nếu được ý-căn thanh tịnh, thì tuy nhiều kiếp đã trôi qua, nhưng họ chỉ thấy thời gian đó ngắn chừng khoảng 1 bữa ăn. Nếu được nhãn-căn thanh tịnh, thì họ sẽ nhìn thấy thông suốt rất nhiều cõi khác cùng những chúng sanh tại đó...Các cõi, các cảnh giới cùng thân căn chúng sanh chỉ là do nghiệp lực chiêu cảm và Tụ-tâm biến hiện, nên khi Phật dùng thần lực cùng quang minh làm hiển-lộ mọi cảnh biến hiện ấy, tức là ngài muốn nhắc cho chúng hội

hiểu rằng tất cả pháp giới này chỉ là do Tâm biến hiện, và Lẽ Tự tâm biến hiện là Chân lý tối thượng, là Đạo lý của vũ trụ này... Và như thế, ngài đã vô ngôn thuyết pháp...

Nhưng khi thấy trong chúng hội, còn nhiều người chưa ý hội được rõ rệt, thì ngài lại khởi Đại bi tâm, dùng ngôn từ thuyết pháp và giảng giải mọi điều...

Các pháp-hội Đại thừa hầu hết là như vậy, vì đều chỉ diễn nói về Lẽ Biến hiện của Diệu tâm...

Tỷ dụ như tại pháp-hội Pháp hoa, phẩm Tựa, Phật chưa nói gì hết, đã phóng ngay hào quang làm hiển lộ 18000 cõi ở phương Đông. Tức là hiển lộ pháp-thân chơn cảnh, và sự biến hiện của Diệu tâm... Rồi sau đó, ngài mới dùng ngôn từ để nói về Phật-tri-kiến tức Chân-tâm diệu-minh... Và trong suốt pháp hội, ngài mấy lần dùng thần lực vô ngại đại tự tại, để chỉ thẳng ngay sự biến hiện không cùng của Diệu-tâm.

Pháp hội Hoa nghiêm thì khởi phải nói, từ đầu đến cuối toàn là những cảnh giới biến hiện bất tự nghi của Diệu tâm, và các bài kệ như sao sa thường hay nhắc tới Lẽ Duy tâm sở hiện.

Pháp hội Lăng già, Địa tạng, Quán Vô lượng thọ, Đại Bát nhã, Duy ma... cũng đều tương tự như vậy, tuy ít hơn.

Tại pháp hội Lăng nghiêm, thì mỗi khi ngài nói tới một điểm lớn lao vi diệu, Phật thường thi triển thần-lực trước đã, thị-hiện những thần biến để nhắc nhở chúng hội về Lẽ Biến-hiện của Diệu tâm...

Trên đại để, không khí của pháp-hội Đại thừa là như vậy... Ngoài ra, chân lý Đại thừa tức chân lý Diệu tâm biến hiện thường hàm chứa nghĩa vô lượng, vì bao gồm tất cả pháp giới. Lấy bất cứ một chúng sanh nào hay l

vật gì như đất-nước-gió-lửa...cũng đều có thể diễn nói không ngừng về sự biến hiện của Tự tâm để dựng lập nên chúng sanh đó hay vật đó.

Và để diễn nói về những nghĩa vô lượng ấy, Chư Phật lại có thể xử dụng cái biến ngôn-từ vô lượng của các cõi để diễn nói hoài hoài mà vẫn không hết kinh... Bởi thế, nên trong kinh Pháp hoa (phẩm 1 và 7), Đức Phật Nhật-nguyệt-đăng-minh và Đại-thông-trí-thắng mới có thể diễn nói trong suốt 60 tiểu kiếp, và trong 8000 kiếp mà vẫn không hết ý kinh. Trong khi ở cõi Ta bà của chúng ta, kinh Pháp hoa chỉ bao gồm chừng 300 trang cùng vài chục bài kệ... Cho nên, cần phải hiểu rằng ở mỗi cõi, kinh Đại thừa xuất hiện dài hay ngắn, trụ lâu nơi đời hay không trụ lâu nơi đời, là đều tùy thuộc ở phước-lực của chúng sanh, ở tâm-lượng lớn hay nhỏ, và ở căn cơ mãnh lợi hay chậm lụt...

\*\*\*

Chắc có người sẽ thắc mắc: nếu không khí của pháp-hội Đại thừa là như vậy, thì tại sao pháp-hội Kim cang lại có vẻ khác hẳn, lại rất đơn sơ bình dị, và tuy nói pháp vi diệu, Phật lại chẳng thấy phóng quang cùng thi triển thần lực gì hết? Tại sao vậy?

Xin trả lời: có thể có 2 lẽ, hoặc 2 trường hợp:

- Lẽ thứ nhất là khi Phật nói pháp cũng tương tự như một nhà đại nhạc sỹ chơi đàn. Chơi đàn thì phải có tiếng khoan tiếng nhặt, và giữa những tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa cũng phải có xen vào những tiếng dìu dặt nhẹ nhàng như làn gió thoảng, thì tâm thần người nghe mới dễ khế hội.

Phật nói pháp cũng có thể như vậy. Trong các pháp-hội Đại thừa, duy chỉ có 2 pháp-hội A di Đà và Kim cang là được mô tả như có 1 khung cảnh đơn sơ bình dị... Có

thể là Phật đã dễ xen lẫn như vậy, là khiến cho tâm thần tứ chúng có thể lạng lẽ khế hội với ý thú vị diệu của lời kinh.

- Nhưng cũng có thể có lẽ khác... Kinh Kim cang nằm trong hệ thống Đại bát nhã, và những kinh về Đại Bát nhã thường là mệnh mang, biến ảo không có ngần mé nhất định.

Lớn nhất thì là kinh Đại Bát nhã gồm 600 quyển, cùng 100.000 bài tụng. Rồi đến kinh 18.000 bài tụng. Rồi đến 8000 bài tụng... Và trong những pháp hội này, thì tứ chúng gồm đủ các Đại Bồ tát, trời rồng dạ xoa... và người. Và Phật cũng nhiều lần thi triển thần lực, và nhiều lần ban lời thọ ký...

Rồi thì thu ngắn lại nữa là kinh Kim cang, với khung cảnh đơn sơ bình dị, lạng lẽ khế nhập.

Rồi lại thu ngắn hơn nữa thành bài Bát nhã Tâm kinh. Bài này không phải là do Phật nói, mà do Đức Quán thế âm nói... Là vì giữa lúc sắp nói pháp, thì Phật lại lạng lẽ nhập "Thậm thâm Quang minh tam muội"; và tứ chúng ngỡ ngác vì không có ai nói pháp. Nên Đức Quán thế âm đã thay thế nói bài Tâm kinh này. Và sau khi Phật xuất định, ngài tán thán và ấn chứng cho bài Tâm kinh...

Xem thế thì đủ hiểu rằng những phương tiện nói pháp Đại thừa của Chư Phật rất là khó lường.

Vậy thì về trường hợp kinh Kim cang, có thể rằng kinh này cũng được lồng vào trong những pháp-hội Đại Bát nhã... Ngài A nan cũng đi dự những pháp hội này, nhưng so với các bậc Đại Bồ tát thì đạo lực và nhãn lực của ngài còn thấp kém, nên ngài chỉ trông thấy đến mức ấy, nghe thấy đến mức ấy, rồi ghi lại mà thôi. Trong khi các Đại Bồ tát đều có thể nhìn thấy rất nhiều thần biến, cùng nghe thấy vô lượng cú nghĩa...



## Ý CHỈ VI DIỆU CÙNG ĐỐI TƯỢNG CỦA KINH.

Chư Phật chỉ hơn chúng ta có 1 điều: là các ngài đã trở về, chúng nhập bình diện Diệu tâm, và đồng thời làm hiển lộ 2 viên ngọc báu vô giá, tương tự như châu về Hợp-Phố. Đó là:

TRÍ HUỆ ĐẠI BÁT NHÃ vô ngã như huyễn, và lòng ĐẠI TỪ BI BÌNH ĐẲNG hăng khởi.

Tâm của các ngài luôn luôn không ngừng nghỉ, SONG CHIẾU TRUNG ĐẠO như vậy, song chiếu đến chỗ tuyệt vời, nên các ngài được gọi là Phật.

Các Đại Bồ tát từ đệ-bát-địa trở lên, cũng song chiếu như vậy, nhưng chưa đến chỗ tuyệt vời.

Kinh Kim cang thuộc hệ thống Bát nhã, cũng như các kinh Duy ma cật và Viên giác. Nên mục tiêu của kinh là cốt dạy cách quán-chiếu vô-ngã-như-huyễn... Nhưng đồng thời, Phật cũng luôn luôn nhắc rằng không nên quên lòng Đại bi bình đẳng hăng khởi. Vì 2 thứ đó như 2 mặt đồng tiền, không thể tách rời được, và thứ nọ bồi dưỡng cho thứ kia. Và cũng như con chim bay, cần có 2 cánh mới bay xa muôn dặm được.

Về cách quán chiếu Bát nhã vô ngã như huyễn, thì ở chương 1 đã trình bày kỹ càng về các mức độ lối nhìn (different levels of Seeing) của phàm phu, của nhị thừa và của Bồ tát. Khi nhìn sự vật, thì phàm phu chúng ta thường cho rằng sự vật là có, là thường còn, là có ngã... là có vật này sanh ra vật kia.

Bậc nhị thừa vào đạo, nên có lối nhìn cao hơn, sâu sắc hơn. Nhìn sự vật thì thấy rằng sự vật là tướng-giả-hợp do nhiều duyên hội tụ, là vô-thường-niệm-niệm-sanh-

diệt, là một chuỗi hay một màng nhân-duyên tương-duyên-tương-sanh... Nhưng các bậc nhị thừa vẫn còn chấp rằng các nhân duyên ấy là có thực, đường tu cũng là có, và quả vị chúng đắc cũng là có. Trên đại thể, các vị đó mới chúng được Ngã-không, chưa chúng được Pháp-không. Và tuy chúng ngã-không, nhưng một số vẫn còn âm thầm chấp rằng có chỗ chúng đắc.

Do đó, nên kinh Kim cang này, cũng như tất cả kinh Bát nhã, mới giảng dạy một lối nhìn, một lối quán chiếu cao hơn nữa, sâu hơn nữa của Bồ tát... Quán chiếu rằng tất cả sự vật (mình-người-cảnh-giới-động tác thi vi...) đều chỉ là như-huyễn, đều vô tự tánh, đều không thật không hư, đều là sự huyễn hiện của những vọng tưởng dù là vọng tưởng kiên-cố hay là vọng tưởng u-ẩn hư-minh, vì đều là do Tự-tâm biến hiện. Đều là mộng-a-ô-bào-ảnh-lộ-điển. Vì có quán chiếu lâu dài như thế, thì mới lần lần khế nhập được biển Diệu-tâm, biển Giác thể, và làm phát khởi diệu dụng vô cùng để độ sanh...

Ý chỉ vi diệu của kinh Kim cang là như vậy. Và cũng là sự triển khai của chữ PHI trong kinh Lăng già.

Còn về đối tượng của kinh, thì tất cả chúng sanh đều là đối tượng rộng rãi của kinh. Nhưng đối tượng gần và thu hẹp thì là: - Những bậc nhị thừa hoặc A la hán muốn hồi tâm vào Đại thừa, - và những bậc sơ phát tâm Bồ tát đến quyền thừa Bồ tát, rồi đến những Bồ tát cao đã nhập địa.

A la hán là bậc gì? Là bậc đã tu Ngũ đình tâm quán hoặc quán chiếu Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã... Rồi sau cùng quán chiếu Tứ đế hoặc Thập nhị nhân duyên... Thứ bậc tuần tự tu hành quán chiếu là đại cương như vậy, nhưng cũng có những vị vượt bậc. Tu như thế thì đắc 4 quả tiểu thánh, mà cực quả là A la hán hoặc Duyên giác.

màn huyền hiện ấy, vọng thức của mỗi chúng sanh, tùy theo nghiệp lực của mình, thường phân cắt ra thành những sự vật này nọ, rồi yên chí coi chúng là có thực. Nhưng thực ra, chỉ là sự phân biệt của vọng thức và danh ngôn mà thôi... Tỷ dụ như 1 con sông, thì loài người cho là nước, còn loài ngạ quỷ lại thấy là lửa... Bởi vậy: Vô tự tánh... Còn Vô tướng là vì những hình sắc và màu ấy cũng đều chỉ là huyền hiện, tùy theo nghiệp lực chiêu cảm, tương tự như ảo ảnh nước nơi sa mạc hoặc những màu sắc của chiếc cầu vồng khi ánh dương xuyên qua làn mưa bụi. Có những chúng sanh nhìn thấy những hình sắc ấy và cảm thấy nó lưu ngại. Nhưng lại có những chúng sanh không nhìn thấy, và không cảm thấy lưu ngại gì hết. Bởi vậy: Vô tướng.

KHÔNG cũng là như vậy, vì là huyền hiện, là huyền mộng. Nếu nói rằng một pháp là do từ những Duyên này mà sanh ra thì là không đúng. Nhưng nếu nói rằng pháp ấy chẳng phải từ những duyên ấy sanh ra, (tức là Phi duyên) thì cũng lại không đúng nốt. Vì sao? Vì tất cả pháp giới chỉ là một màn Huyền-hiện-trùng-trùng, Huyền-khởi-tương-ưng, Tương-duyên-tương-sanh, cái nào cũng là duyên của tất cả cái khác và chẳng có cái nào là Nhân cả. Vì cái Nhân đích thực nằm trong những chủng-tử vô hình huân tập trong Tăng thức, nay hiện hành NỞ XÒE thành những hình tướng huyền hiện ấy mà thôi. Nên Vật nào cũng là không thực có, và vốn là Không tịch, Như-như.

Vô tác hay Vô sanh cũng lại như vậy... Nhưng đến điểm này, thì ngài Long thọ đã có dịp xử dụng đến cùng cực lưới gươm Luận lý sắc bén của ngài. Để đả phá tất cả những chủ thuyết về Nhân quả của ngoại đạo, như được trình bày trong thiên 20 của bộ luận. Ngài lập luận như sau:

Các pháp hay sự vật không phải là TỰ SANH. Tại sao vậy? Vì Tự sanh có nghĩa là một vật hiện khởi ra từ chính nó. Nhưng nếu hiện khởi ra từ chính nó, thì nó phải hàm chứa 2 tự-thể: tự-thể của cái sanh ra và tự-thể của cái được sanh ra. Một vật mà hàm chứa 2 tự-thể là một điều nghịch lý, không thể đứng vững được... Còn như nếu cho rằng cái được sanh ra cũng có cùng một tự-thể với cái sanh ra, thì lại không thể nói là sanh ra được nữa.

Các pháp cũng không phải từ THA SANH, nghĩa là không phải do cái khác (Tha) sanh ra. Vì sao vậy? Vì một tự-thể này thì không thể sanh ra một tự-thể khác được.

Các pháp cũng không phải CỘNG SANH. Cộng có nghĩa là phối hợp chính nó với một cái khác. Nhưng nó với cái khác vốn là 2 tự-thể khác biệt, thì làm sao phối hợp hay hòa hợp được?

Nhưng sau cùng thì các pháp cũng không phải là Vô-nhân mà sanh ra. Vô-nhân tức là Không-nhân, tức là do Ngẫu nhiên (hasard) hay tự nhiên mà sanh ra. Thuyết Ngẫu-nhiên hay Tự-nhiên này là một thuyết ngoại đạo, do đó nên trong kinh Lăng nghiêm, Phật bác thuyết Tự-nhiên... Các pháp không phải do Ngẫu-nhiên mà phát hiện. Là vì sao? Là vì chúng cũng có một nguyên nhân sâu kín khó lường. Vì chúng là sự NỞ XÒE ra của những chủng-tử nghiệp-lực hiện hành, tạo thành một màn huyền-hiện tương-sanh-tương-duyên.

Trên đại cương, lưới gươm Luận lý sắc bén của ngài Long hạo là như vậy... Các luận đề (theses), hay thể-luận, hay kiến-chấp của ngoại đạo đều là những vọng-tướng chấp trước, đều là những ý-niệm của vọng thức phân biệt. Nên va chạm phải lưới gươm luận lý ấy, đều trở thành nghịch lý và rơi rớt lả tả. Và khi vọng tưởng dứt

## PHẦN I - NGÀI TU BỒ ĐỀ LÀ NHU THE NÀO?

Ngài Tu bồ đề là vị trưởng lão đứng lên thưa hỏi trong kinh...Phật là bậc nhìn rõ thấy căn cơ và thời tiết của người thưa hỏi và chúng sanh, và những lời dạy của ngài đều khế hợp với căn cơ cùng thời tiết.

Nên cần phải hiểu ngài Tu bồ đề là bậc tu chứng đến đâu, căn cơ thế nào, tâm trạng ra sao, có những nghi tình gì...thì sẽ dễ hiểu những lời dạy của Phật.

Ngài là bậc đã đắc quả A la hán, trong nhiều kiếp đã đạt được cái tâm không-tịch, ngay khi ngồi trong thai vẫn nhớ cái lý không tịch, và lúc xuất thai vẫn nhớ nhiều kiếp về trước nên được gọi là đệ-nhứt-giải-không. Nhưng ở đây, thì ngài là tiêu biểu, đại diện cho các vị đại-đệ-tử đã đắc quả A la hán.

Các vị đại đệ tử này đều đã đắc quả A la hán, oai nghi tịch tĩnh làm mô phạm cho các hàng trời người, mỗi vị có một vẻ độc đáo riêng biệt, vị thì trí huệ rất sắc bén, vị thì được tâm không tịch, vị thì giỏi về thân thông, vị thì có biện tài vô ngại về thuyết pháp, vị thì giỏi về hạnh đầu đà và nhập diệt-thọ-tướng-định, vị thì được văn tri đà la ni nhớ hết kinh sách, vị thì giỏi về thiên văn, vị thì giỏi về mật hạnh...tóm lại muôn màu muôn sắc.

Phần đông các vị đều đã leo đèo theo Phật tu hành trong nhiều kiếp, tại nhiều cõi. Phần đông đều đã tu hạnh Bồ tát trong nhiều kiếp, chứ không phải chỉ đơn thuần là Thanh văn. Nhưng đến kiếp này, một là do bi nguyện muốn độ sanh, hai là do thuận lực của Phật sai sử, nên các ngài đã thị hiện mang hình tướng Thanh văn và đắc quả A la hán...Để làm gì? Để độ và dẫn dắt đồ chúng, vì ở kiếp này, căn cơ của đa số đồ chúng là nhị thừa...

Nhưng tuy mang hình tướng nhị thừa, tâm của các

ngài lại hàm chứa những chủng-tử, những hạnh sâu kín của Bồ tát đã từng phát Đại tâm. Tuy nhiên, những chủng-tử ấy còn lảng đãng mờ ảo, và các ngài cũng chưa được rành rẽ cho lắm về những công hạnh khó làm của Bồ tát đạo, cũng như Bồ đề tâm đôi khi còn lắt lay trước con đường dài xa và cần khổ của Phật đạo. Nghĩa là chưa được kiên cố quyết định, và đương chuyển tâm.

Tóm lại, về thứ bậc tu chứng cùng tâm trạng, thì những nét chính của các ngài là đại lược như sau:

1. Các ngài đều đã đắc được cái tâm rỗng lặng không tịch vô ngã. Nhưng mới là được Ngã-không, chưa được Pháp-không... Thấy rõ rằng mình là Không, nhưng còn nghĩ rằng các pháp là Có. Nên đôi khi còn âm thầm chấp trước rằng đường tu là có, và quả vị đắc được cũng là có.

Các ngài thường ngồi thiền định, vào những cơn định trầm-không-thú-tịch. Ở trong định, thấy lảng lảng, thấy quả là không có ngã, thấy ngã chỉ là 1 vọng-tướng huân tập từ nhiều kiếp... Nhưng khi xuất định, lại nhìn thấy chúng sanh bời bời, tương tự như những đợt sóng-liên miên vô cùng tận. Nên lại đâm ra sợ hãi, nghĩ rằng: “Chúng sanh bời bời như thế này, thì làm sao mình độ cho nổi? Độ tới bao giờ mới hết?”

Do đó, không AN ĐƯỢC TÂM, không hàng phục được vọng tưởng về Pháp, và không dám phát Đại tâm.

2. Các ngài là A la hán, được tâm không-tịch vô ngã, nên mới chỉ được Huệ-nhãn, chưa có Pháp-nhãn. Nhận thấy rõ rệt cái không tịch của tâm mình, nhưng chưa nhận thấy rõ bản-thể không-tịch của các pháp, các sự vật cảnh giới. Nay lại nghe Phật dạy rằng các Pháp vốn bản lai rỗng lặng, nên chợt hiểu ra... Do đó, nên trong kinh Kim cang, ngài Tu bồ đề mới khóc mũi, thưa rằng: “Con từ khi theo Phật tu trì đến nay, đắc được Huệ-nhãn, chưa từng được nghe kinh nghĩa như thế này...” (đoạn 14).

3. Đạo nhân của một bậc A la hán thường nhìn thấy và bao quát một đại thiên thế giới. Không nhìn thấy những thế giới khác.

Nhưng các ngài vẫn thường nghe Phật nhắc đến vô lượng vô biên vô số thế giới. Nên lại đâm ra e ngại sợ hãi... Nhất là khi nghe Phật nói: “Trong vô lượng vô biên thế giới đó, thực ra không có một chỗ nào mà Chư Phật không xả thí thân mạng mình để cứu độ chúng sanh...”

Các ngài nghĩ thầm: “Những công hạnh của Bồ tát đạo, cần khổ khó làm như vậy, dài xa liên miên bất tuyệt như vậy, làm sao mà làm nổi? Thôi, đành dừng chân ở đây thôi...”

Thực ra, các ngài chưa làm quen với công hạnh THÍ THÂN trong vô lượng kiếp để độ sanh, hoặc công hạnh TỰ ĐỐT THÂN MÌNH trong vô lượng kiếp của ngài Nhứt-thiết-chúng-sanh-Hỷ-kiến Bồ tát để cúng dường Chư Như Lai... Khi Phật thị hiện nhập Niết bàn, vì buồn thảm quá độ, nên một số khá lớn A la hán có dùng hỏa tam muội, tự đốt thân mình để thị tịch. Nhưng đó là một việc làm trong 1 trường hợp đặc biệt, vì quá buồn thảm. Còn những công hạnh cứ tự đốt thân hoài hoài trong vô lượng kiếp để cúng dường Chư Thế tôn hoặc thí thân để độ sanh thì các ngài thấy rằng đó quả là 1 công hạnh cần khổ khó làm...

Chỉ là vì các ngài chưa hiểu và chưa quán chiếu về Lý Như-huyền của thân tâm và cảnh giới. Các ngài chỉ mới quán chiếu nhiều về Lý nhân-duyên thôi, và vẫn còn chấp rằng nhân duyên là có... Trong khi một bậc Bồ tát thường quán chiếu hoài hoài về Như-Huyền, nên có thể đốt thân hoài hoài...

Bởi thế, nên trong kinh Kim cang, ở đoạn 13, 14, khi nghe Phật nhắc tới công hạnh THÍ NHÂN nhiều như cát

sông Hằng, thì ngài Tu bồ đề bỗng hiểu ra ý chỉ thâm diệu và khóc ròng, bi ai thảm thiết. Vì tự trách mình từ trước đến nay đã quá ngu muội chấp trước. Vì thấy tâm mình thực là quá nhỏ nhoi, còn như tâm Bồ tát dám thí thân mình hoài hoài thì thực là lớn lao vĩ đại biết bao nhiêu!! Và cũng vì ơn Phật đã soi sáng cho mình.

4. Các ngài thỉnh thoảng cũng có nghe Phật nhắc đến điểm 3 THÂN của Đại thừa: Pháp-thân tức thân-không-thân tức Vô biên thân, tức thân vô sở y, tức thân chẳng-sắc-chẳng-phải-chẳng-sắc, tức thân Kim cang bất hoại, tức Tối-diệu-sắc-thân bao trùm các cõi...rồi đến Thân-Thật-báo-trang-nghiêm, rồi đến Ứng-thân cùng Hóa-thân...Tuy nghe thấy vậy, nhưng các ngài còn chưa hiểu rõ, còn hồ nghi, chưa dám tin rằng lại có thể có thứ thân Vô-biên bao trùm các cõi...có thứ Thân-không-thân.

5. Các ngài đã được tâm không-tịch, tức là đã bước vào nơi Không-hải. Nhưng tâm không-tịch mà các ngài đạt được là do tu quán chiếu duyên-khởi, không phải là do quán-chiếu Như-huyễn.

Nên các ngài chưa biết rõ rằng nhập Không-hải có nhiều mức độ sâu nông. Ở mức độ của ngài, tuy gọi là không-tịch và ra khỏi 3 cõi, song những tập-khí vô-minh-hoặc vi tế vẫn tiếp tục trôi lăn lưu chuyển không ngừng, và tạo nên biến-dịch-sanh-tử...Và các ngài cũng chưa biết rõ rằng khi lần lần nhập tới chỗ TỘT KHÔNG của không-hải, thì cái Tột-không ấy lại chuyển thành Chân-Sắc tức Diệu-sắc. Diệu-sắc có nghĩa là, tuy gọi là sắc, nhưng viên dung vô ngại, không hề lưu-ngại.

6. Vì chưa chứng nhập được sâu vào Không-hải, nên đôi khi các ngài còn lơ mơ nghĩ rằng có quả đắc, hoặc nghĩ là trong tâm có chỗ đắc...Bởi thế, nên trong 9 thứ A la hán, vẫn còn những vị, vì nhiếp tâm không khéo, nên có thể bị THỐI THẮT...



7. Một số ít những vị, gọi là độn-căn A la hán, lại thường đánh tâm nghĩ rằng: “Căn cơ của mình hạ liệt chậm lụt, nay nhờ ơn Phật được quả này là tốt lắm rồi...Con đường Phật đạo cần khổ và dài xa lắm, chắc là mình không kham nổi.” Nên lắc đầu quây quậy, không muốn nghe những pháp lớn của Bồ tát đạo.

8. Các ngài, thường nhật đều có tu Bồ thí, nhưng còn lơ mờ chấp tướng, chấp sự việc.

9. Các ngài có tâm từ bi và cũng thường độ sanh, nhưng chưa có tâm Đại Từ Bi bình đẳng, cũng như chưa phát những đại-hoảng-thệ độ sanh cho đến tột vị lai tế.

10. Các ngài ít thuyết pháp, và khi muốn độ sanh thường chỉ hay hiển thần thông để độ mà thôi...Do đó, chưa được nghĩa vô ngại, ngôn từ vô ngại, cùng biện tài vô ngại. Và còn chấp rằng có Pháp để thuyết...

11. Các ngài đắc quả A la hán, nên thường vào được Diệt-thọ-tướng-định. Nên về định-lực, thì các ngài tương đương với định lực của một bậc Bồ tát đệ-thất-địa, tức Viễn hành địa. Nhưng lại thiếu Nguyệt-lực của Bồ tát, nên định-lực của các ngài thường thiếu phần linh động và biến ảo.

Các ngài lại chỉ thường quán chiếu về Duyên-khởi, chưa quán chiếu về Như-huyễn, nên sự XUẤT-NHẬP tam muội, hoặc CHUYỂN từ tam muội này sang tam muội khác, thì các ngài cũng ít khi làm được. Trong khi một Đại Bồ Tát có thể xuất nhập hàng trăm thứ tam muội trong một niệm. Và cái thần tình tuyệt kỹ của tự tại lực là ở chỗ chuyển tam muội rất mau lẹ.

12. Đắc quả A la hán, nên các ngài thường có 18 phép thần thông như: đi trên nước, bay trên hư không, đi qua núi đá, có hỏa tam muội, có thể phía dưới thân tuôn ra nước, phía trên tuôn ra lửa, có thể biến hóa thân hình

được.v.v...Có thể biến thân lớn như núi Tu di, nhưng theo lời kinh Đại bát niết bàn thì biến thân nhỏ như hạt cải thì không được. Và cũng không tạo hóa thân được.

Đại lược là như vậy...Bởi thế, nên trong kinh Kim cang, Phật mới nhắc: “Biến thân lớn như núi Tu di cũng chưa phải là lớn đâu. Chỉ tạm gọi là lớn thôi. Vì phải đạt được Thân-không-thân hay Vô biên thân bao trùm các cõi, thì mới thực là thân LỚN...”

13. Các ngài đều đã được dự phần lớn những pháp hội của Phật. Nhưng không phải là tất cả. Vì có những pháp hội siêu xuất và ẩn mật mà các ngài chưa được dự.

Trong những pháp hội được dự, thì các ngài cũng thường được NHÌN thấy, NGHE thấy một số những vị Đại Bồ tát từ các nơi vân tập đến. Như ngài Văn thù, Phổ Hiền, Quán thế âm, Di lạc, Kim cang tạng, Dược vương.v.v...Nhưng sở dĩ các ngài được nhìn thấy và nghe thấy các bậc đó, là do thần-lực của Phật gia trì, chứ không phải là do đạo-lực của chính các ngài...

Là vì sao?

Chỉ là vì kinh vẫn thường nói rằng: TRỤ XỬ của các bậc Đại Bồ tát là RẤT SÂU...” Có nghĩa là những diệu-sắc-thân của các bậc Đại Bồ tát ấy, được dẹt bằng những thứ quang minh rất vi diệu, nên đạo-nhãn của các ngài A la hán chưa thể nhìn thấy. Cũng như chung quanh chúng ta đều đầy rẫy quang minh của Phật và Bồ tát, mà ta đâu có thấy?! Chỉ khi nào nhãn căn của chúng ta thanh tịnh đến mức tương-ung, thì những quang minh ấy sẽ tự hiển-lộ...

Cho nên, Phật phải dùng thần lực để gia trì cho các ngài. Phật gia trì đến đâu, thì các ngài nhìn rõ đến đó và nghe thấy đến đó...Phật vẫn gia trì, nhưng Phật không nói cho biết...Như trong kinh Pháp hoa phẩm Diệu âm,

đa số chúng hội không nhìn thấy ngài Diệu âm, phải nhờ thần lực Phật Đa Bảo gia trì mới nhìn thấy.

Vậy thì các ngài A la hán đã từng được gặp các Đại Bồ tát. Nên lần lần, các ngài HỒ NGHI rằng: “Chắc là Thầy mình có giáo hóa các bậc Đại Bồ tát này, và chắc rằng Thầy mình phải có những thứ pháp sâu và vi diệu để giáo hóa...”

Các ngài hồ nghi như vậy, lần lần chắc ý như vậy, nhưng vẫn lưỡng lự, chưa dám thừa hỏi...

Trên đại lược, sự tu chứng của các ngài là như vậy, tâm trạng như vậy, và những lười nghi trùng-trùng là như vậy...

\*\*\*

Cho đến buổi trưa hôm đó...

Ngày hôm ấy cũng đơn sơ bình dị như mọi ngày... Phật cùng đoàn đệ tử cũng chia nhau đi vào thành phố, lần lược khát thực, rồi trở về tịnh xá thọ trai. Thọ trai xong, ngài xếp cất áo cà sa và bình bát, kể rửa chân rồi lên pháp tòa ngồi kiết già. Vì đã đến giờ thuyết pháp.

Nhưng ngày hôm ấy lại có 1 điều khác lạ lớn lao, xảy ra trong tâm trạng ngài Tu bồ đề cùng nhiều đệ tử. Tâm các ngài đương chuyển mạnh, vì các ngài hồ nghi đã lâu rồi, lưỡng lự đã lâu rồi. Muốn hỏi rõ Phật xem con đường Bồ tát đạo ra thế nào, vi diệu đến bậc nào, xem có gì khác biệt với con đường thiên quán cùng trì giới mà các ngài vẫn theo không?... Còn về phía Phật, thì ngài kiên nhẫn chờ đợi thời tiết này đã 30 năm rồi, chờ đợi sự chín mùi và chuyển tâm của các đệ tử... “Nếu cần phải chờ đợi 1 chúng sanh, chờ đợi sự chín mùi nơi căn cơ của chúng sanh ấy trong trăm ngàn kiếp, thì Ta vẫn chờ đợi...”, lời kinh đã dạy như vậy. Cho nên, Ngài kiên nhẫn chờ đợi. Để làm gì? Chỉ là để dạy cho các vị đệ tử

Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

**THƯ VIỆN HUỆ QUANG**

116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM

Website: [thuvienhuequang.vn](http://thuvienhuequang.vn)

dám phát tâm lớn Bồ tát đạo, chấp nhận những công hạnh cần khổ khó làm của Bồ tát, dạy cho các ngài biết lối quán-chiếu Như-huyền tức là lối nhìn của Bồ tát, đồng thời lại luôn luôn hứng khởi tâm Đại bi... và tất cả là để rớt ráo chứng nhập được Pháp-thân thường trụ, chứng nhập cái Biển Diệu-tâm như-như tịch tĩnh, khiến cho giòng Phật-chủng không bị đứt đoạn... Bởi thế, nên trong bài kệ khai kinh, không biết vị cổ đức nào đã ghi mấy lời hỏi Phật:

.Làm thế nào được Thân trường thọ,  
Làm thế nào được Thân Kim cang bất hoại?

Thân Kim cang bất hoại chính là Pháp thân của Phật, chính là thân vừa vô biên vừa vi tế, là thân hào quang tột bực, và không có gì có thể hoại được...

Do đó, buổi trưa hôm đó, ngài Tu bồ đề đã đứng lên, cung kính và quả quyết thưa hỏi... Sở dĩ ngài làm tác động đó, phần là vì những chủng-tử Bồ tát hạnh hàm chứa trong Tàng thức của ngài đã bắt đầu trỗi dậy và hiện hành mạnh mẽ, phần thì do lòng từ bi muốn cho Phật chỉ rõ để soi sáng cho các chúng sanh, và phần nữa là do thần lực của Phật gia trì và thúc đẩy...

#### ĐIỂM 1 - Mystery TẬN và VÔ TẬN - SONG CHIẾU.

Ngài hỏi thẳng ngay vào đề:

- *"Hy hữu thay Đức Thế tôn! Đức Thế tôn thực là khéo hộ niệm, khéo phó chúc cho chư Đại Bồ tát... Bạch Thế tôn, nay nếu có người trai lành, gái thiện muốn phát tâm cầu quả Vô thượng Bồ đề, thì người đó phải làm thế nào để an-trụ cái tâm, phải làm thế nào để hàng phục nổi cái tâm ấy?"...*

Tức là ý ngài muốn nói như vậy: Con suy nghĩ lâu thì biết rõ rằng Thế tôn có giáo hóa dạy dỗ những bậc Bồ tát

mà con thường được túc duyên gặp gỡ tại nhiều pháp hội...Nhưng nay, nếu chính chúng con hoặc các chúng sanh khác muốn noi gương các Bồ tát và phát tâm cầu quả Vôthượngthị chúng con phải làm thế nào để an trụ và hàng phục cái tâm mình?...Chúng con thực là rất muốn, nhưng mặt khác lại rất e ngại hồ nghi. Vì sao? Là vì con thoảng nghe nói rằng những công hạnh Bồ tát rất là cần khổ dài xa, không biết chúng con có kham nhẫn nổi không? Lại nữa, theo như chỗ con nhận thấy, thì trong pháp giới này, từng-từng-lớp-lớp chúng sanh cứ liên miên xuất hiện. Như thế, thì độ đến bao giờ mới hết? Do đó, chúng con đâm ra e ngại sợ hãi. Do lòng e ngại sợ hãi, nên những vọng tưởng cứ theo nhau nổi lên bởi bởi... Và chúng con chưa biết làm cách nào để an cái tâm và hàng phục vọng tưởng...Xin từ bi chỉ dạy.

Phật liền dạy:

- *"Chư Đại Bồ tát nên biết hàng phục cái tâm của mình bằng cách như vậy: Đối với các loài chúng sanh, thời ta đều độ cho tất cả được nhập niết bàn trọn vẹn. Như thế là độ cho vô lượng, vô biên vô số chúng sanh đắc nhập Niết bàn...Nhưng thực ra, chẳng có chúng sanh nào được diệt-độ cả. Tại vì sao?*

*Này Tu bồ đề! Nếu Bồ tát còn thấy có tướng mình, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ-mạng, thì người ấy chẳng phải là Bồ tát."*

Đoạn này là lời dạy ách yếu, Chính yếu trong kinh, nên cần lý giải kỹ càng. Còn các đoạn sau, phần nhiều chỉ là sự triển khai của lời dạy này, và đồng thời nhằm dứt bỏ những NGHI TÌNH khởi lên trong tâm các đại đệ tử do lời dạy chính yếu này...Lời dạy chỉ gồm có mấy câu, nhưng ý nghĩa sâu thẳm man mác, nói chẳng xiết, thí dụ chẳng cùng.

Lời dạy này bộc lộ cái BÍ ẨN CỦA ĐẠI BỒ TÁT (mystery of the Bodhisattva), cái bí-ẩn trong nơi tâm hành cũng như trong chỗ sở-hành của Đại Bồ tát. Bí-ẩn này nằm trong 2 chữ TẬN và VÔ TẬN hay SONG CHIẾU... Những chúng sanh như chúng ta, thì trong nơi tâm hành và mỗi khi làm một việc gì, chúng ta thường chỉ biết chấp trước cùng chiếu soi có 1 khía cạnh thôi. Nhưng chư Đại Bồ tát, thì trong mỗi động tác thi vi, trong mỗi sự cất chân nhắc tay, thì luôn luôn phải chiếu soi cả 2 khía cạnh, đồng thời chiếu soi cả vô lượng khía cạnh, mà vẫn giữ được tâm mình không dính mắc vào 1 khía cạnh nào cả...

Trong kinh Duy ma cát, nơi phẩm thứ 11 tức phẩm Bồ tát hạnh, Phật dạy: “Có pháp môn tên là Tận, Vô tận giải thoát, mà Bồ tát các ông cần phải học. Thế nghĩa là sao? Nghĩa là các ông, thực hành Bồ tát đạo, thì phải biết vào được Vô vi, nhưng không được an trú nơi Vô vi, mà phải luôn luôn không-tận-Hữu-vi...” Lời dạy bí hiểm này của Ngài có nghĩa là: các ông là Bồ tát, nếu muốn thâm nhập vào chỗ vi-diệu của Bồ tát đạo, thì trước hết phải biết luôn luôn quán chiếu Không-Vô tướng-Vô tác để thể nhập vào nơi Bản thể không tịch và vô sanh của các pháp.

Vào được nơi đó rồi, thì thấy rằng các pháp hữu-vi, các chúng sanh đều như là không, đều như là hết, đều như là Tận. Nhưng các ông tuyệt đối không được an-trú ở nơi Vô-vi đó, ở nơi Bản-thể không tịch vô sanh đó, không được dừng chân ở đó. Vì sao? Là vì nếu an trú trong đó, thì chỉ mới ôm được có một bên thôi... Cho nên, tuy ngồi ở nơi không-hải đó, tuy đã có trí-huệ Bát nhã chiếu soi không-tịch, nhưng luôn luôn vẫn phải hưng khởi Đại-Từ-Bi tâm để nhìn lại pháp-giới. Như thế, thì lại sẽ thấy rằng các chúng sanh có vẻ như hết như Tận ấy, vẫn tiếp

tục bởi bởi xuất hiện Vô cùng vô tận...và Bồ tát vẫn phải tiếp tục làm những Phật sự vô cùng tận để độ sanh. Nên gọi là không-tận-Hữu-vi.

Lời dạy trên đây trong kinh Duy ma cật cũng tương tự như lời dạy trong đoạn đầu này của kinh Kim cang.

Lại nữa, ở trong kinh Địa tạng, nơi phẩm 4, bốn vị Tứ-thiên-vương có đứng dậy, thưa hỏi Phật 1 câu rất hay. Bốn vị Thiên-vương hỏi rằng: “Bạch Đức Thế tôn! Ngài Địa tạng Đại Bồ tát từ những kiếp rất lâu xa đến nay đã phát nguyện rộng lớn độ sanh như vậy, tại sao đến nay mà ngài vẫn còn CHƯA ĐỘ ĐƯỢC HẾT chúng sanh, mà ngài lại còn phải phát lời nguyện rộng lớn nữa? Cúi mong Đức Thế Tôn chỉ dạy cho chúng con được rõ...”

Câu hỏi này thực là hay. Vì chắc rằng nhiều người chúng ta cũng thắc mắc như vậy là: Tại sao đã có vi-trần-số Đại Bồ tát phát nguyện độ sanh từ lâu xa như vậy, mà sao các chúng sanh vẫn còn hoài hoài như vậy, chẳng thấy hết gì cả?!

Câu hỏi của 4 ngài Thiên-vương này, chính là câu hỏi về cái mystery của chúng sanh, tức là chúng sanh Tận hay Vô tận? Nhưng trong phẩm 4 kinh Địa tạng, Phật cũng không trả lời thẳng vào câu hỏi đó. Tại sao vậy?...Có lẽ một phần vì thời tiết chưa chín mùi. Nhưng phần lớn là vì lời dạy của kinh bao giờ cũng vậy, bao giờ cũng NỬA ẨN NỬA HIỆN. Phật thường chỉ hiển lộ một phần ý thú, còn phần nữa là do chính chúng ta phải suy tư và tìm kiếm lấy.

Về câu hỏi then chốt này, nếu chúng ta y cứ vào Chân lý Duy-tâm sở hiện, thì có thể trả lời như sau: Chúng sanh Tận hay Vô tận là TÙY THEO TÂM NIỆM của chúng ta, hay tâm niệm của Đại Bồ tát...Nếu tâm chúng



ta BẬT NIỆM, bật hết mọi vọng tưởng, thì chúng ta sẽ thấy rằng chúng sanh là Tận, chẳng còn một chúng sanh nào cả, và sơn hà đại địa này cũng chẳng còn lấy 1 mảy mún vi-trần. Và đó là lời dạy của kinh Lăng nghiêm... Trái lại, nếu tâm ta còn bập bênh ĐỘNG NIỆM, thì tầng-tầng-lớp-lớp chúng sanh vẫn xuất hiện bời bời, và pháp-giới cũng xuất hiện vô cùng vô tận trước mắt ta.

Đối với Đại Bồ tát cũng vậy. Khi các ngài dùng Trí huệ Bát nhã Vô Ngã Như huyễn để chiếu soi, thì các ngài thấy rằng các chúng sanh đều như huyễn, như tượng, như bóng, như vang... và thực ra chẳng có 1 chúng sanh nào cả. Nhưng khi các ngài dùng Tâm Đại bi hằng khởi để chiếu soi, thì lại thấy rằng vẫn có những chúng sanh bời bời cùng những khổ não vô lượng, và các ngài vẫn phải làm tất cả những Phật sự như huyễn để độ sanh.

Mystery tuyệt vời của Đại Bồ tát là như vậy. Là phải luôn luôn SONG CHIẾU. Nghĩa là vừa phải có Trí huệ Bát nhã vô ngã như huyễn luôn luôn chiếu soi để thấy tất cả đều chỉ là không-tịch. Đồng thời, lại phải hằng-khởi Đại Bi tâm để làm mọi Phật sự độ sanh. Hai thứ đó như 2 mặt đồng tiền, 2 cánh chim bay. Làm được như thế mới gọi là Bồ tát. Nếu chưa được như thế, thì chưa đáng gọi là Bồ tát...

\*\*\*

Lời dạy ách yếu của kinh Kim cang cũng chỉ nhằm dạy như vậy: dạy cái mystery của SONG CHIẾU.

Do đó, nên trong đoạn 1 này, Phật dạy:

a. “Đối với các loài chúng sanh, thời ta đều độ cho tất cả được nhập Niết bàn trọn vẹn...”

Đó là lời dạy các Bồ tát phải làm tất cả Phật sự độ sanh, phải Không-tận-hữu-vi, phải có ĐẠI BI TÂM hằng khởi.

b. “Nhưng thực ra, chẳng có chúng sanh nào được diệt-độ cả...” Vì sao? Vì tất cả chúng sanh đều là như-huyễn, đều vô tự tánh. Chính Bồ tát cũng vậy, chỉ là như-huyễn. Và cái tác động thi vi-độ sanh cũng là như-huyễn. Và ngay chính cả cái Niết-bàn trọn vẹn ấy cũng chỉ là 1 vọng-tướng như-huyễn... “Này Tu bồ đề! Bởi vậy cho nên, Bồ tát phải học lối quán chiếu Như-huyễn ấy. Phải bắt đầu bằng sự Liạ-tướng. Vì nếu Bồ tát chưa liạ tướng, còn thấy có tướng mình, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ mạng, thì chưa phải là Bồ tát... Và một khi Bồ tát đã biết quán chiếu Như-huyễn rồi, thì mọi sự e sợ lo ngại, mọi vọng tưởng đều lần lần BẮT hết, vọng tâm sẽ bị hàng phục, và tâm được an trụ. Đồng thời, lòng tinh tấn nhẫn nhục cũng trở thành vô cùng tận...”

Đó là lời dạy về quán chiếu LÝ NHƯ HUYỄN.

Và 2 thứ đó, đều phải SONG CHIẾU. Nhưng vì kinh Kim cang thuộc hệ thống Bát nhã, nên dĩ nhiên là Lý Như-huyễn được đặt làm mục tiêu chính yếu.

\*\*\*

Nhưng tại sao các Chúng sanh lại là Như-huyễn?  
Ở chương I đã trình bày rõ ràng về điểm này... Quán chiếu lần lần từ mức độ thấp lên đến cao, thì sẽ thấy rằng: cái gọi là chúng sanh đó chỉ là tướng-giả-hợp của nhiều nhân duyên, nó là vô thường niệm-niệm-sanh-diệt, nó là tương-duyên-tương-sanh, và nó chẳng có tự-tánh chúng sanh gì hết... Và đến mức sau cùng, thì nó là không-thật-không-hư, là như huyễn, tương tự như 1 tuồng ảo hóa, như giấc chiêm bao, như tiếng vang, như bọt nước, như 1 làn khói tỏa, như 1 đám mây vân cầu, như 1 đám mây điện tử, như ảo ảnh nước nơi sa mạc, như hoa trong gương, như trăng đáy nước, như 1 người huyễn tạo nên bởi 1 đại phù thủy... như MỘNG ẢO BÀO ẢNH LỘ

ĐIỂN...như 1 tia-chớp-nháng...vì nó đều là do sự huyền-khởi-tương-ung, đều là do sự huyền-hiện, sự biến-hiện của cái Diệu-tâm.

Sáu chữ Mộng-aỏ-bào-ảnh-lộ-Điển này, thì Phật chưa nói ra ngay. Mãi đến cuối kinh, Ngài mới đưa ra 6 chữ này để tóm thâu lời dạy của kinh Kim cang về việc quán chiếu Như huyền.

Về chữ Không-thật-không-hư, Phật cũng chưa nói ngay, và chỉ đưa ra ở những đoạn gần giữa kinh. Không thật không hư có nghĩa là Có, nhưng không phải Thực có, nó chỉ có tương tự như một người huyền tạo nên do huyền thuật mà thôi...Người huyền có là vì có 1 số chúng sanh nhìn thấy, nghe thấy và khởi phiền não về người huyền. Nhưng không phải là thực có. Cảnh vật cũng vậy, như núi Tu di chẳng hạn. Chư thiên nhìn thấy núi, khởi phiền não, và cho là có. Loài người không nhìn thấy, cho là hoang đường, không có. Đại Bồ tát nhìn thấy, nhưng biết rõ là sự huyền hiện của Diệu tâm, chiêu cảm bởi nghiệp lực...Chúng sanh cũng vậy: chư thiên ở cõi Vô sắc không có hình hài, nhưng nhìn thấy tâm tướng của nhau, hoặc thấy rõ thọ-mạng của nhau, nên cho là có. Chư thiên ở Dục giới, không nhìn thấy những vị trời Vô sắc, nên cho là không có...Đại đế là như vậy...Lại nữa, lấy 1 giòng sông, thì loài người cho là sông nước uống được. Nhưng chư thiên lại thấy là ngọc lưu ly, và loài rồng lại thấy là điện đài lâu các. Vì do nghiệp báo chiêu cảm. Nên nói là không-thực-không-hư.

Chúng sanh đã là như vậy, là như-huyền, thì lẽ dĩ nhiên chính bồ tát cũng như vậy, cũng như-huyền.

Chúng sanh như-huyền, thì mọi VẬT, mọi cảnh-giới cũng vậy, cũng như-huyền.

Để thấu hiểu rõ hơn nữa về Lý Như-huyền, thiết

tương cần nhắc lại lối lý giải trong kinh Lăng nghiêm. Kinh này dạy rằng: pháp-giới này khởi lên và phát hiện là do Vô minh hay Bất giác. Vô minh tương tự như một cơn mê sảng, do đó, Ngã-tâm của chúng sanh khởi lên, tự chấp rằng mình là có thực, và quên rằng mình chính là Chân-tâm-diệu-minh. Cũng tương tự như 1 lượn sóng nơi biển cả, nổi lên, quên rằng chính mình là biển cả, và chấp rằng mình là lượn sóng thực có. Như thế, một-niệm-mê-mờ-vô-thủy nổi lên, liền có vô lượng niệm khác nổi lên theo, như thế từ vô lượng kiếp... Trong cái diễn trình hiện khởi của Vô minh này, thì chúng sanh lia bỏ mất cái chân-tâm-diệu-minh, quên mất mình chính là chân-tâm. Do sự quên đó, nên đánh mất hoàn toàn chữ Diệu, tức là tánh chất nhiệm mầu của chân-tâm có thể khởi diệu dụng vô cùng và làm huyền hiện mọi cảnh giới. Còn về chữ Minh, thì chúng ta còn giữ được, nhưng chỉ giữ được 1 chút Hư-minh thôi. Và hư-minh này chỉ tương tự như ánh sáng con đom đóm, so với ánh sáng mặt trời chói lòa của chân-tâm. Chính cái hư-minh này vẫn luôn luôn tồn tại trong thân-tâm chúng ta, và luôn luôn le lói chiếu soi sự vật cùng cảnh giới. Và kinh Lăng nghiêm nhắc rằng: cái hư-minh ấy, cái Thấy ấy, nó là thường hằng và gần như bất-biến, và chính nó là cái cửa ngõ khiến chúng ta trở về với chân-tâm được.

Vậy thì các niệm mê mờ sanh khởi, trùng-trùng-điệp-điệp, từ những kiếp không tính đếm được, dẫn dắt bởi Vô-minh cùng nghiệp-lực. Niệm mê mờ chính là vọng-tương. Chúng xoay vần miên viễn tương tự như những cơn-lốc của gió nghiệp. Rồi lần lần chuyển động chậm lại, cô đọng lại thành thân tâm chúng ta và cảnh-giới y báo. Những cái si-mê thô kệch nhất thì kết lại, lóng lại thành cảnh giới y báo. Những cái thô kệch kém hơn 1

chút, thì kết lại để dặt nên cái thân-căn sắc-tướng của chúng ta: kinh gọi những cái này là Vọng-tuởng-KIÊN CỐ. Còn những vọng-tuởng khác, gọi là vọng-tuởng HU MINH, hoặc DUNG THÔNG, hoặc U ẨN, thì kết lại dặt thành thọ-ám, tướng-ám, hành-ám trong tâm chúng ta. Và sau cùng là những vọng-tuởng HU VÔ VI TẾ nhất, kết lại thành những chủng tử, lưu chuyển không ngừng trong Tàng-thức của ta, tức là thức-ám.

Xem như thế, thì đủ hiểu rằng mọi thân căn, mọi cảnh giới đều được dặt nên bởi những cơn-lốc quang minh của tâm niệm, tích lũy từ vô thủy... Bởi thế, nên: Như-huyễn.

\*\*\*

Bồ tát luôn luôn quán chiếu như vậy, lâu rồi thì thấy tất cả chúng sanh rõ ràng là như-huyễn, và bản thể là không tịch.

Nhưng đồng thời, cũng nhận thấy rằng các chúng sanh, vì mê muội ám chướng che lấp, không biết rằng chính mình là huyễn, nên thường cho rằng cảnh vật là có, luôn luôn chạy theo nắm bắt những trần cảnh cùng chấp trước nơi thân-tâm mình, rồi khởi lên đủ thứ phiền não. Do đó, chuốc lấy những khổ lụy triền miên, và những khổ lụy này, đối với chúng sanh, lại có vẻ là Rất Thực... Bởi thế, nên Bồ tát ngày càng khởi tâm Đại bi, muốn làm tất cả Phật sự để độ sanh, để khiến chúng sanh biết rằng mọi cảnh giới chỉ là huyễn mộng.

Như thế là Trí huệ Bát nhã quán chiếu vô-ngã-như-huyễn bồi dưỡng cho tâm Đại bi hằng khởi.

Rồi Bồ tát làm mọi Phật sự. Càng làm bao nhiêu lại càng tăng-trưởng lòng tinh-tấn nhẫn-nhục ngàn ấy. Lần lần tiến tới vô-tác-diệu-lực cùng vô-công-dụng-hạnh. Và càng làm bao nhiêu lại càng thấy rõ Như-huyễn ngàn ấy. Nên có thể tu a tăng kỳ kiếp mà không lười mỏi. Có thể thí thân hoại hoại, mà chẳng ngại ngừng sợ sệt.

Và như thế là lòng Đại bi hằng khởi lại trở lại bởi dưỡng cho Trí huệ Bát nhã như huyền...Cứ thế, song chiếu đến chỗ tuyệt vời là bước vào biển Diệu giác...Có thể nói rằng Quán chiếu Bát nhã và Hằng khởi Đại bi cũng tương tự như hơi thở vào và hơi thở ra của Đại Bồ tát. Thở vào thì vũ trụ tan biến, thở ra thì vũ trụ lại hiển hiện. Trong kinh Lăng nghiêm, ngài Nan Đà đã tu quán chiếu như vậy.

\*\*\*

Trên đây, đã nói về Lý Như-huyền của mọi cảnh giới, mọi thân căn, mọi VẬT.

Nay nói đến SỰ, tức là mọi động-tác (motion, mouvement hay geste), mọi động-tác-thi-vi (acte) của chúng ta, hay là mọi Phật sự độ duyên của Bồ tát, như tác-động bố-thí chẳng hạn.

Dưới ánh sáng của Bát nhã, thì mọi Sự cùng như-huyền.

Tại sao vậy?

Phàm phu chúng ta, sống trong vọng-thức phân biệt, ưa thích thế giới sai biệt, luôn luôn chạy theo ngoại cảnh và chưa biết an trụ nơi tâm, nên từ vô thủy đã nhiễm phải tập-quán hay TÁCH LIA Sự với Vật, coi 2 cái đó như 2 thực thể riêng biệt và tồn tại độc lập. Nghĩa là tách lìa Vật và Động tác.

Tỷ dụ như khi ta nói: ông A, thì ta nghĩ rằng có một thực thể là ông A. Rồi khi ta nói: Ông A đi, thì ta cho rằng có 1 thực thể là ông A, rồi lại có 1 thực thể khác là động-tác Đi, và 2 cái riêng biệt.

Sở dĩ chúng ta nghĩ như vậy, là vì chúng ta nhiễm tập quán phân biệt và so sánh giữa 2 tư thế: ông A đứng, và ông A đi...Đó là lối nhìn do vọng-thức phân biệt của phàm phu, chỉ có đôi chút giá trị về phương diện Tục đế,

mà không có giá trị gì trên bình diện Chân đế hoặc Đệ-nhứt-nghiã-đế.

Dưới ánh sáng Bát nhã, thì đó là 1 lối nhìn lệch lạc sai lầm, và sự tách lìa Vật với Sự, hoặc Vật với Động-tác là sai lầm.

Chỉ là vì, suy ngẫm cho kỹ thì sẽ thấy rằng: Vật không thể tách lìa khỏi Sự được, tức là Vật không thể tách lìa khỏi Động-tác được. Nói một cách khác, thì Vật với Động tác, tuy không phải là Một, nhưng cũng không phải là Khác (ni identique ni different)

Tại sao lạ vậy?

Là vì mọi động-tác, mọi tác-động thì vi chỉ là sự Phát Hiện của cái tạm gọi là Vật, và Vật thì luôn luôn động-tác KHÔNG NGỪNG, không có một giây khắc nào ngừng nghỉ... Tỷ dụ như khi ta ĐI, thì đó là 1 động tác rõ rệt, dễ nhận: ĐI. Nhưng khi ta ĐỨNG, thì phần đông chúng ta lầm tưởng rằng đó là ta nghỉ, và không động tác gì hết. Đó là sự tưởng lầm, vì thực ra, ta vẫn động tác như thường. Vì trong khi ta đứng, ta vẫn phải huy động cái Lực nội-tại, cái-thần-quang trong người ta, tức là cái hư-minh le lói bóng dáng của Diệu-tâm, để giữ những thớ thịt cùng khớp xương có thể ĐỨNG được... Khi ta NÓI cũng vậy: vẫn là cái thần quang ấy nó huy động những thớ thịt bóp lại, làm bật ra 1 luồng hơi, luồng hơi này đập vào phía bụng dưới, rồi bật lên, chạm phải cuống họng, yết hầu, má, hàm răng, lưỡi môi và bật ra âm thanh của lời nói... Khi ta NẤM cũng vậy, đừng tưởng rằng cái thần-quang ấy nghỉ, trái lại vẫn động tác: tim vẫn đập, phổi vẫn thở, máu vẫn chạy, phủ tạng vẫn hoạt động, tai vẫn nghe, mắt vẫn thấy. Nghiã là vẫn động-tác, luôn luôn động tác... Ngay đến khi ta NGỦ, vẫn cứ động-tác: tim vẫn đập, mũi vẫn thở, ý-thức vẫn có thể mơ mộng nhớ lại

và thấy những bóng dáng tiền-trần. Vẫn là động-tác... Ngay đến khi NGỦ SAY KHÔNG MỘNG cũng vậy, vẫn có động-tác: máu vẫn chạy, và tuy ý-thức bật đi, nhưng cái thức thứ 7 tức Mạt-na-thức âm thầm chấp Ngã vẫn tiếp tục trôi-lăn-lưu-chuyển. Như thế, thức thứ 7 vẫn tiếp tục nương vào cái Hư-minh-le-lói mà động tác không ngừng, có điều là những động-tác ấy vi-tế quá khiến ta chưa nhận thấy mà thôi... Ngay đến những vị hành giả tu Thiền khá cao, vào được Định Vô-tướng, cũng vẫn còn động tác: máu vẫn chảy, và cái giòng trôi-lăn-lưu-chuyển của những Chứng tử vi tế trong Tàng-thức (tức thức thứ 8) vẫn tiếp tục.

Như thế, là Vật luôn luôn không ngừng khởi Động-tác, luôn luôn làm phát hiện Sự. Sự có thể dịch là flux, hay event, hay acte, hay geste, hay motion... Các động tác có rất nhiều thứ, nhưng chúng ta thường chỉ lưu ý tới mấy thứ là: lời nói, và cử chỉ của chân tay như cất tay nhắc chân. Thường chỉ cho mấy cái đó là động tác, và quên những cái kia... Nên không biết rằng các động tác, tuy khoác nhiều hình thái, nhưng vẫn cùng chung MỘT bản chất.

Chung một bản chất là thế nào? Nghĩa là: đều là sự phát-hiện của cái tạm gọi là Vật, và đều được SUY ĐỘNG bởi cái thần-quang, cái hư-minh le lói, cái vọng-tâm. Và vọng-tâm chính là bóng dáng hư-mờ của Diệu-tâm...

Cho nên, Vật không thể tách lìa khỏi Sự, 2 cái đó là không phải một, không phải khác... Tương tự như 2 khía cạnh TĨNH-ĐỘNG hay ẨN-HIỆN của một Thực tại Nhất như... Và cũng tương tự như cặp Lượng tử và Ba động (corpuseule et onde) trong vật lý học Cực vi... Và trong diễn-trình triển khai biến hiện của Sự, nó thường



làm phát hiện trong tâm thức chúng sanh những ý-niệm, những vọng-tuởng lớn được mệnh danh là Không-gian và Thời-gian.

Vậy thì, để kết luận, nếu Vật đã là như-huyễn, thì Sự dĩ nhiên lại càng huyền hơn nữa: tương tự như vết-chim-bay giữa hư-không, như nét vẽ vạch trên làn nước... Và cũng bởi thế nên nhà Phật hay nhắc tới Lẽ Vô sở đắc.

Nay nói đến Niết bàn.

Niết bàn cũng là như-huyễn. Vì sao? Vì cũng chỉ là một danh-tượng tạm dùng, do vọng-thức phân biệt của chúng sanh dựng lập nên để đối-đãi với sanh-tử.

Kỳ thực thì trong cái Thực tại cuối cùng, lên đến Tột-bờ-mé của Diệu tâm, thì tuyệt nhiên chẳng có niết-bàn cũng chẳng có sanh-tử. Vì Thực-tại ấy là như-như, là mọi ý-niệm vọng-tuởng... Vậy nếu muốn tìm niết-bàn, thì phải tìm ngay ở sanh-tử, vì sanh-tử chính là dấu-vết-biến-hiện của Niết-bàn... Bởi thế, nên trong pháp-hội Đại Bát nhã, ngài Tu Bồ đề, được thần lực của Phật gia trì, đã bảo các chư thiên rằng: “Nay các vị! Ngay cho đến Niết-bàn cũng vẫn còn là một vọng-tuởng như-huyễn. Vậy nếu khởi tâm nhằm chán sanh-tử và ưa thích Niết-bàn, thì đã là rơi vào vào vọng-tuởng lỗi lầm rồi...”

\*\*\*

Nay nói đến 4 tướng: tướng mình, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ-mạng. Mà Phật dạy cần phải lìa.

Còn thấy tướng mình là gì? Là: còn thấy rằng có mình, có ta, và có những thứ thuộc về ta như tài năng, danh vọng, của cải, sắc đẹp, hoàn cảnh sung sướng đầm ấm...do đó, khởi tâm khinh chê người khác.

Thấy tướng người là: còn thấy có người thân kẻ sơ, người đáng yêu kẻ đáng ghét, kẻ nam người nữ, người

này đẹp đẽ giàu có kẻ kia xấu xí nghèo cùng...do đó, khởi tâm yêu chuộng người này và xua đuổi kẻ kia.

Thấy tướng chúng-sanh là: còn thấy và nghĩ rằng những chúng sanh ở các tầng trời cõi Dục và Sắc thực là sung sướng thanh nhàn, quanh năm tiêu dao rong chơi chẳng phải thổi cơm rửa bát gì hết, còn những chúng sanh ở 3 ác đạo thực là cực khổ triền-miên, không 1 giây phút gián đoạn..Do đó, khởi tâm nhàm chán ác đạo, chỉ cầu mong thọ sanh làm chư thiên. Không dám hưng khởi Đại bi tâm, tự nguyện vào ác đạo để độ sanh.

Thấy tướng thọ-mạng là: còn nghĩ rằng các chư thiên ở cõi Sắc và Vô sắc thực là thọ-mạng dài lâu, để tu quá và công phu không bị gián đoạn...Do đó, khởi tâm chỉ cầu mong lên đó để tu hành cho mình. Quên mất Đại bi tâm.

Thực ra, 4 tướng này cũng chỉ là những hình thái, những mức độ của Ngã-tướng. Từ Thô đến Tế.

Trong kinh Viên giác, Phật cũng nói đến 4 tướng này. Nhưng trong kinh Viên giác, 4 tướng mang 1 ý nghĩa sâu kín vi-diệu hơn, và chỉ rõ những GỖN SÓNG tâm thức của hành giả, mỗi giai đoạn mỗi CHIẾU SOI VI TẾ hơn. Nhưng thiết tưởng cũng không cần nói rõ ở đây...Ngoài ra, nếu đứng về Duy thức học thì có thể nói rằng: tướng mình, tướng người, tướng chúng sanh đều bắt nguồn ở tập khí Chấp Ngã của thức thứ 7 tức Mạt na thức. Còn tướng thọ mạng bắt nguồn ở những mầm mống sanh tử mịt mù của thức thứ 8 tức A lại đa thức...Tóm lại, trong lời dạy đầu tiên và chính yếu này, Phật dạy ngài Tu bồ đề lối quán chiếu Như-huyễn (mình-người, sự và vật đều như-huyễn) để liả bỏ 4 tướng và các kiến chấp. Đồng thời, dạy mystery SONG CHIẾU.

Nếu quán chiếu lâu dài thuần thực, thì dĩ nhiên là mọi vọng-tướng sẽ BẬT đi. Niềm-e-sợ-lo-ngại của các đệ-tử

về điểm CHỨNG SANH VÔ TẬN cũng được giải tỏa. Vì một khi đã thấy rõ chúng sanh như-huyễn, thì đâu còn lo ngại nữa? Vì hành giả chỉ cần bất-niệm trong tâm mình, là chúng sanh tự hết, không xuất hiện nữa.

Do đó, Tâm sẽ được hàng phục, hết vọng tưởng và lo ngại. Và được an-trụ ở nơi Vô-trụ. Vì Vô-trụ mới chính là chơn-an-trụ.

\*\*\*

Đến đây thì lời dạy chính yếu, Phật đã dạy rồi.

Từ đây trở đi, ngài chỉ triển khai thêm về Lý Như-huyễn và Song chiếu, nói rõ thêm về cái Biến Diệu tâm Như-như-tịch-tịnh tức Thật-tướng tức Pháp-thân Phật, dạy về một vài công hạnh cần khổ khó làm của Bồ tát như hạnh Thí-thân trong vô lượng kiếp, và nhất là dứt những lưới nghi trùng-trùng trong tâm thức ngài Tu bồ đề cùng đệ tử.

Và cũng từ đây trở đi, kẻ viết xin được chỉ nói lược theo lời kinh, nhưng nói nhiều theo Ý KINH, để bạn đọc dễ thấu tóm được ý-chỉ.

**ĐIỂM 2: BỐ THÍ VỚI TÂM KHÔNG TỊCH THÌ PHƯỚC ĐỨC KHÔNG THỂ SUY LƯƠNG, NHƯ HƯ KHÔNG. 10 PHƯƠNG.**

Sau khi Phật nói lời dạy đầu tiên, thì tâm thức ngài Tu bồ đề như bừng tỉnh được 5, 6 phần... Nhưng ngài lại nảy ra tâm niệm HỒ NGHĨ rằng: “Thì ra là vậy, là các chúng sanh đều chỉ là những hình bóng chập chờn, đều như-huyễn... Nhưng từ trước đến nay, Phật luôn luôn dạy chúng ta phải Bố thí, vì bố thí là cửa đầu của hạnh nguyện. Ngài cũng luôn luôn dặn dò phải tin sâu lý Nhân-quả... Vậy nếu chúng sanh là huyễn, thì Ai lãnh thọ bố thí đây? Và bố thí như vậy, thì không biết phước-đức nhân-quả ra sao, còn hay không còn?...

Phật đọc ngay được niềm hồ-nghi ấy của đệ tử, nên Ngài dạy tiếp luôn:

*“Này Tu bồ đề! Nếu Bồ tát có theo pháp mà làm việc Bồ thí, thì không nên nương tựa vào đâu hết. Ấy là nói không nương dựa vào hình sắc mà bồ thí. Cũng không nương dựa vào âm thanh, mùi vị xúc pháp mà bồ thí.*

Này Tu bồ đề! Bồ tát nên bồ thí như vậy đó, tức là chẳng nương dựa vào tướng. Là vì sao? Là vì nếu Bồ tát chẳng nương dựa vào tướng mà bồ thí, thì phước đức không thể suy lường cho xiết...”

Đó là ngài dạy lối Bồ thí của Bồ tát, bồ thí với tâm không-tịch, với tám luân không tịch. Giữ tâm vô-tướng vô-tác, không còn thấy có người bồ thí, không thấy kẻ lãnh thí, không thấy vật bồ thí hay động tác bồ thí.

Tại sao lại phước đức không lường, mệnh mang như hư-không được?

Cần hiểu rằng Phật-pháp luôn luôn dạy chúng ta những cách thức vô cùng MẦU NHIỆM để làm công hạnh. Nhiều khi chỉ làm những công hạnh có vẻ nhỏ như l sợi lông, mà vẫn bạt trừ được một núi Tu di nghiệp chướng.

Và tính cách mầu nhiệm ấy, chính là lưu xuất ra từ lẽ Tự-tâm biến hiện. Vũ trụ này vốn chỉ là do sự biến-hiện của Diệu tâm, vậy nếu chúng ta làm l công hạnh với l tâm thức cao độ, căng cao và tương ứng với diệu-tâm bao nhiêu, thì những luồng sóng biến hiện DỘI LẠI của nhân quả phước báo lại càng mệnh mang, vô cùng tận ngần ấy. Là vì với tâm-thức không tịch cao độ, công hạnh ấy đã tác động sâu tới những lớp đáy-tầng của Diệu-tâm, và Diệu-tâm thì vốn là nhiệm mầu không cùng không tận, nên sự DỘI LẠI cũng không cùng không tận.

Trái lại, nếu chúng ta làm l việc có vẻ như to lớn (tỷ

dụ như sang gạo ra cứu đói được 1000 người), nhưng nếu làm với một tâm thức chấp trước vị ngã hoặc cầu danh, thì việc bố thí ấy chỉ làm chấn động nổi tới những lớp nông cạn và thô kệch của Diệu-tâm. Nên sự DỘI LẠI chỉ có thể là cục hạn vì không lưu xuất từ đáy tầng của Diệu-tâm.

### ĐIỂM 3.

Phật dạy vậy, thì ngài Tu bồ đề lại hiểu thêm ra được ít phần... Nhưng ngài vừa quỳ, vừa ngắm nhìn Phật, thì thấy Phật đẹp quá, rực rỡ như một trái núi vàng. Lòng ngài, vì yêu Phật, nên thấy giao động thốn thức, và ngài bâng hoàng HỒ NGHI rằng: “Thì ra là như vậy: bố thí là không-tịch, các công hạnh đều là không-tịch, và như thế, con đường tu chứng cũng không-tịch. Tương tự như vết chim-bay giữa hư-không, như làn vẽ vạch trên nước... Nhưng nếu con đường tu chứng là không-tịch như-huyễn, thì QUẢ VỊ đạt được cũng phải không-tịch như-huyễn. Vậy thì tại sao lại có cái Thân Phật sắc vàng rực rỡ ngồi trước mắt ta kia? Chẳng lẽ cái thân ấy, mà ta thường yêu kính từ 30 năm nay, chẳng lẽ cũng đều không thực cả sao?”

Để dứt điểm nghi-tình này của ngài Tu bồ đề hoặc của đệ tử, nên Phật lại dạy tiếp luôn:

“*Này Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Có nên thấy thân-tướng mà nhận là Như lai chăng?...*”

Lời của Ngài thực là từ ái nhẹ nhàng, để dạy bảo hoặc cảnh tỉnh. Lời của Ngài bao giờ cũng từ ái nhẹ nhàng. Ngay những lúc Ngài dạy những công hạnh khó làm và rất ác-liệt (như công hạnh phải THÍ THÂN chẳng hạn), lời của Ngài vẫn từ ái nhẹ nhàng.

Nghe lời Phật hỏi đúng ngay vào tâm niệm hồ nghi của mình, ngài Tu bồ đề như người bừng tỉnh, chợt hiểu

ra, vội trả lời:

*“Bạch Thế tôn! Không. Không nên thấy thân tướng mà nhận là Như Lai. Vì sao? Vì Như Lai có dạy rằng: thân tướng tức chẳng phải là thân tướng...”*

Chắc là Phật mỉm cười. Nên Ngài nói rõ thêm:

*“Phàm hễ vật chi có thân tướng thì đều là hư vọng cả. Nếu nhận ra các tướng đều không phải tướng, tức là thấy rõ Như lai...”*

Đây là Ngài dạy rõ thêm về việc Lìa tướng. Ngay đối với Như lai, cũng cần lìa tướng. Đồng thời, Ngài cũng hé mở về vụ Chư Như Lai đều có 3 thân, hoặc vô lượng thân... Và cái thân tuyệt vời chính là Pháp-thân. Muốn lặng lẽ khế nhập và thấy được Thân này (tức Diệu tâm, tức Thật tướng), thì phải lìa mọi tướng, mọi vọng tưởng.

Chỉ coi những tướng như những vết-tích-biến-hiện của Diệu-tâm.

Cần ghi rằng trong kinh Đại Bát niết bàn, Phật nói rõ rằng: Cái Pháp-thân thường trụ ấy, Diệu-tâm ấy, Thật-tướng ấy, Phật tánh ấy, Đại niết bàn ấy... tuy vô tướng mạo, nhưng có thể THẤY ĐƯỢC...

#### ĐIỂM 4:

Ngài Tu hồ đề mỗi lúc mỗi hiểu thêm về cái giáo pháp lạ lùng này, nhưng vẫn không hết bàng hoàng ngơ ngẩn. Vốn sẵn chủng tử từ bi, ngài lại động tâm lo lắng cho những chúng sanh đời sau, vì vắng Phật. Ngài nghĩ thầm: “Giáo pháp của Bồ tát này thực là lạ lùng kỳ diệu, như có như không. Thực là khó tin khó nhận. Phật còn đây, mà mình còn thấy khó lãnh hội. Huống chi những chúng sanh đời sau, vắng Phật rồi, không biết họ có tin nhận nổi không?...”

Ngài động lòng, không dừng được, nên đành đem mối lo ngại ấy ra hỏi Phật.

Thì Phật dạy tự trung như sau:

“Lành thay! Ông thực là có lòng từ bi. Nhưng ông không nên lo ngại. Trong đời sau, ta biết rõ rằng sẽ có những chúng sanh tin nhận kinh này. Dù họ chỉ nghe qua trong giây lát mấy câu kinh, mấy lời kệ, họ cũng khởi được lòng tin chân thật trong sạch ngay...

Vì sao?

Vì ta dùng túc mạng thông, nên biết rằng những người đó đã trồng căn lành đối với Bồ tát đạo từ lâu rồi. Họ từng cúng dường không phải 1, 2, 3 đức Phật, mà cúng dường vô lượng muôn ngàn đức Phật rồi.

Tất cả những chúng sanh tu hành và hiểu Bồ tát đạo ấy, các Chư Như Lai dùng Phật nhãn đều biết rõ họ hết, thấy rõ hết. Vì sao? Vì họ đều ở trong thân tâm của các Như lai. Tâm họ động niệm ra sao, Như lai đều biết rõ.

Những người ấy, hành Bồ tát đạo, đều đắc những phước đức không thể nghĩ bàn. Chỉ là vì họ đã biết mang cái tâm không tịch như-huyễn để làm mọi công hạnh, chẳng còn thấy tướng mình, tướng người, chúng sanh, thọ mạng... Hơn nữa, ngay đối với những công hạnh ấy, họ cũng đã lìa hết mọi tướng, mọi vọng-tướng phân biệt, chẳng còn thấy rằng đó là chánh-pháp hay phi-pháp nữa.

Họ vẫn luôn luôn làm theo chánh-pháp, nhưng không hề nghĩ rằng đó là chánh-pháp. Vì tất cả những tác-động ấy đều tương tự như vết-chim-bay, như làn khói tỏa, có gì đâu mà chấp-trước rằng đó là chánh-pháp?! Nhiều khi trông bề ngoài, thì thấy rằng họ có vẻ như sống giữa những thứ phi-pháp: sống giữa ngũ dục, giữa vợ con đầy đàn, mặt mũi thô kệch, quần áo lệch thếch, ăn nói cà lăm, giữa một đám người cộng sự ăn nói thô tục... Ấy thế mà họ vẫn giữ được cái tâm không dính mắc, không nhiễm, như-như bất động. Và với cái tâm không nhiễm ấy, họ

đã chuyển tất cả những thứ phi-pháp kia thành chánh-pháp. Cốt nhất là cái TÂM không nhiễm, thì có thể CHUYỂN mọi thứ. Chuyển phi-pháp thành chánh-pháp, chuyển phiền-não thành Bồ đề. Vì phiền-não cùng phi-pháp đều là những dấu-tích-biến-hiện của Bồ-đề, của Diệu-tâm.

Tỷ dụ như Bồ tát Duy ma cật chẳng hạn, thì sống giữa vợ con đầy đàn, thê thiếp tới tở rất nhiều, nhưng tâm vẫn không dính mắc. Biết những cái đó đều là như-huyễn. Thi-hiện nhiều bệnh để độ những chúng sanh bệnh, mà vẫn biết bệnh là như-huyễn...Hoặc tỷ dụ như Bồ tát Huệ năng sau này, sống giữa đám thợ săn, ăn rau luộc trong nồi thịt, mà vẫn giữ lòng chay tịnh không bợn...

Bởi thế, nên Bồ tát phải biết liả bỏ cả tướng pháp. Vẫn luôn luôn làm chánh-pháp mà không hề khởi tâm chấp trước. Vì mọi chấp trước đều phải liả bỏ, thì mới lặng lẽ khéo nhập được biển Diệu-tâm..."

#### ĐIỂM 5:

Trong lời dạy trên đây, Phật đã tiến xa thêm 1 bước. Không những mình-không, người-không, chúng-sanh-không, thọ-mạng-không, mà ngay cả đến giáo lý của Ngài cũng không nốt. Vì giáo-lý chỉ là những pháp-môn phương tiện, những toa thuốc bốc ra để đối trị những căn bệnh kiến-chấp của chúng sanh, không có gì là nhất định và thực có.

Khốn nỗi là trong 30 năm qua, phần đông đệ-tử Thanh văn đều sống trong ấn-tượng sâu chắc rằng: nền giáo-lý của Phật như Tứ Đế hoặc Thập nhị nhân duyên đều là những điểm chân-lý thực có, và bất-di-bất-dịch...Phần đông ít khi nghĩ rằng mọi sự vật hay chân-lý đều có thể chỉ là sự biến-hiện của Tự-tâm, và tùy theo



lãng-kính người nhìn. Và thường nghĩ rằng: phiền não thì cần phải DIỆT, chứ không thể CHUYỂN thành Bồ-đề được.

Cho nên, ngài Tu bồ đề nghe Phật thì như bưng tỉnh với những chân trời sáng lạn mới, nhưng ngài vẫn còn băng khuâng HỔ NGHĨ rằng: “Thì ra Thân Phật này chẳng phải là Thật có. Mà ngay đến giáo lý của Ngài thuyết ra cũng chẳng phải thật có... Giáo lý đã không phải Thật có, thì tại sao lại nói rằng Phật ĐẮC quả vô thượng được? Tại sao lại nói là Phật thuyết pháp được, nếu không có giáo lý?!... Mà Phật thì mình thấy rằng hàng ngày, Ngài vẫn ngồi thuyết pháp...?!”

Do đó, để dứt tâm nghi này, Phật dạy tiếp luôn:

*“Này Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Như lai có đắc quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác chăng? Như lai có nói pháp chăng?!”...*

Nghe lời phạm-âm hỏi, ngài Tu bồ đề lại như bưng tỉnh thêm về ý thú vi diệu. Lần này, do sự bưng tỉnh cũng như đo thân-lực Phật gia trì (cần nhớ rằng thân-lực Phật bao giờ cũng gia trì, như kinh Đại Bát nhã nói rõ), nên ngài Tu bồ đề đã trả lời và triển khai thêm ý của Phật:

*“Như con hiểu ý nghĩa của Phật nói, thì thực không có cái pháp chi nhất định gọi là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, cũng không có pháp nhất định nào mà Đức Như Lai có nói được... Bởi vì sao? Vì pháp của Đức Như lai nói đều không thể vin lấy, đều chẳng thể nói xiết, chẳng phải pháp cũng chẳng phải pháp... Bởi lẽ nào?”*

*Bởi lẽ tất cả Hiền-Thánh đều hành đạo theo pháp Vô vi, nhưng chỉ sai biệt nhau về mức độ chứng nhập mà thôi...”*

Câu trả lời có nghĩa là:

Cái biển Diệu-tâm hay Đại niết bàn ấy thực là kỳ-diệu. Nó vốn như-như tịch tĩnh, vượt khỏi mọi gợn ý-niệm. Khi một vị Như lai thể nhập Diệu-tâm, thì sự chứng nhập thực là trọn vẹn: Phật là một với Diệu tâm, Phật là Diệu tâm và Diệu tâm là Phật. Nên không còn người chứng, không còn quả bị chứng, cũng không còn tác-động chứng đắc...Vả lại, quả ấy nó như-như, lia ngôn-từ ý-niệm, nên không thể gọi tên được. Chỉ tạm gọi là quả Vô thượng thôi.

Còn khi một vị Phật nói pháp, thì lời diệu-âm nào cũng lưu xuất từ Diệu-tâm ra, Ngài không hề rời nơi Không hải của Diệu-tâm, không thấy có mình nói, không thấy sở-nói, pháp nào nói ra cũng như tiếng vang, tùy nghi đối trị. Vả lại, nếu nhìn từ tốt-bờ-mé của Diệu-tâm, thì pháp nào cũng như-như tịch tĩnh, nên không thể dùng ngôn từ mà nói cho xiết.

Xét ra thì từ xưa tới nay, các bậc Hiền Thánh đều hành đạo với cái tâm không-tịch ấy...Lên tới chỗ tốt-bờ-mé, thì chẳng còn thứ bậc gì hết. Nhưng khi chưa tới tốt-bờ-mé, thì vẫn còn tuần tự thứ bậc sai khác, tùy theo mức-độ chứng nhập biển diệu tâm ấy...

#### ĐIỂM 6:

Đến đây, thì ngài Tu bồ đề, vốn đã sẵn có cái tâm không tịch về Ngã-không của hàng A la hán, đã hiểu thêm được về Lý-Như-huyễn, và hiểu rằng các sự vật hay các pháp cũng đều không-tịch.

Nhưng ngài vẫn mang mang HỒ NGHĨ rằng: nếu mọi sự vật cũng đều như-huyễn, như vết-chim-bay, như làn khói tỏa, thì tại sao do những công hạnh đã làm, những phước đức lại không thể suy lường, lại vô cùng vô tận được...?!

Phật nhìn thấy điểm rớt hồ nghi ấy, nên Ngài lại dùng thí dụ để nói rõ thêm về phước đức bất-khả-tư-nghi ấy:

*“Này Tu Bồ đề! Ý ông nghi sao? Ví như có người đem 7 món báu choán đầy cõi Tam thiên đại thiên này mà bố thí. Vậy người ấy có được phước đức nhiều chăng?”*

*Tu bồ đề đáp: Bạch Đức Thế tôn, rất nhiều. Tại vì sao? Là vì phước đức ấy không phải thật phước đức, nên Như lai mới nói là phước đức nhiều...”*

Lần này, ngài Tu bồ đề vẫn được thần-lực của Phật gia trì, nên ngài đã vội vã đáp lại. Và ý ngài muốn nói rằng: Bạch Thế tôn! Nếu có người bố thí được như vậy, thì phước đức thật là nhiều. Nhưng bạch Thế tôn, con hiểu ý của Ngài rồi. Con nghi rằng nếu người ấy bố thí như vậy mà vẫn giữ được cái tâm không-tịch, không chấp mình, không chấp người, không chấp tác-động bố thí, không mong cầu gì hết mà chỉ hồi hướng pháp-giới này được thanh tịnh trang nghiêm thôi, thì phước đức ấy, công đức ấy mới thật là không thể nghi bàn, mới vô cùng tận.

Là vì sao? - Là vì tác-động bố thí ấy làm CHẤN ĐỘNG TẤT CẢ PHÁP GIỚI, chấn động đến những lớp sâu thẳm của Diệu-tâm, nên sự DỘI LẠI dĩ nhiên phải liên miên bất tuyệt, vô cùng vô tận...”

Do đó, Phật lại nói tiếp để so sánh:

*“Nhưng nếu có người chỉ thọ trì một bài kệ 4 câu trong kinh này mà thôi, rồi đem thuyết diễn cho kẻ khác nghe, thì phước đức này lại trội hơn phước đức trước. Là vì sao?”*

*Này Tu bồ đề! Là vì tất cả Chư Phật cùng cái pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác cũng đều do kinh này mà có ra.*

*Này Tu bồ đề! Tuy gọi là pháp Phật, nhưng thật ra chẳng phải là pháp Phật...”*

Phật lại gọi: Này Tu bồ đề!... Trong kinh này, hình như Phật đã gọi đến 138 lần này Tu bồ đề!... Mỗi tiếng gọi đó đều khiến ngài Tu bồ đề bừng tỉnh hơn về diệu-lý. Trong đoạn này, Phật muốn dạy rằng: “Ấy thế mà công đức của người trì kinh còn trội hơn nhiều phước đức của người bố thí kia... Vì sao? Chỉ là vì Kinh này dạy cái **CÁCH THỨC BIẾN HÓA CÔNG ĐỨC**, biến hóa công đức từ chỗ Tận trở thành Vô-tận. Chỉ cần giữ được cái tâm không-tịch như-huyễn, là mỗi công hạnh đều đi vào Vô-tận... Bởi thế nên Chư Phật 3 đời, cùng sự chứng nhập Diệu-tâm cũng đều do sự biết giữ tâm không-tịch như-huyễn... Này Tu bồ đề, không những cần phải giữ tâm không-tịch đối với các công hạnh, mà còn phải thấy các pháp cũng đều không-tịch nữa. Như thế, mới thật đúng là thật hành Phật pháp...”

#### ĐIỂM 7:

Đến đây, Phật biết rằng từ 30 năm nay, tu theo Quyền giáo, các đệ-tử của Ngài phần đông đều mang 1 tâm trạng kiến chấp sâu nặng về pháp, về con đường tu và quả vị chứng được. Lòng kiến chấp đó trở thành 1 trở ngại lớn lao, khi muốn bước vào giáo lý vi diệu Như-huyễn của Bồ tát. Nên cần phải làm tiêu tan tâm trạng kiến chấp đó, thì tâm mới thênh thang rộng mở được.

Nên Ngài đã lần lượt hỏi ngài Tu bồ đề về sự chứng nhập hay chứng đắc của 4 quả Tiểu thánh mà các đệ-tử đã đạt được: Nhập-lưu, Nhất lai, Bất lai và A la hán.

Lần này, ngài Tu bồ đề đã lãnh hội được khá rõ rệt ý Phật. Nên ngài lại khởi tâm từ bi, triển khai thêm ý Phật, để cảnh giác những bạn đồng học còn kém mình, cùng cảnh giác những chúng sanh đời sau. Đồng thời, ngài lại mang chính mình ra làm ví dụ, để lời cảnh giác được mạnh mẽ hơn... Tự trung, những câu trả lời của ngài có nghĩa rằng:

“Bạch Thế tôn! Con thiết tưởng người đắc quả Tu đà hoàn không bao giờ được nghĩ rằng: Tôi đắc quả Tu đà hoàn. Vì sao? Là vì Tu đà hoàn có nghĩa là Nhập lưu, tức là nhập vào giòng thánh, đi ngược giòng Vô minh để trở về với Diệu tâm. Nhưng thật ra, sự nhập lưu ấy chỉ như vết-chim-bay, chỉ là như-huyễn, chỉ là 1 tuồng biến-hiện của Tàng thức, của Diệu-tâm... Nếu người ấy còn chấp trước là thật có, còn chấp ở hình tướng, còn chấp có đường tu, có mình đắc, có quả đắc, thì tâm người ấy còn **GỌN NIỆM**, khó có thể đi xa trong giòng Thánh, khó có thể hiểu nổi Lẽ Tự-tâm biến hiện, khó trở về với diệu-tâm.

Bạch Thế tôn! Bạc Nhứt lai cũng vậy. Vì tuy gọi là Nhứt lai, nhưng thật ra, đâu có sự sanh đi sanh lại. Vì sanh đi sanh lại cũng chỉ là sự biến hiện của Tàng thức, do nghiệp-lực cùng đạo lực chiêu cảm mà thôi... Nếu cứ bám chặt vào sự tướng đó, thì đâu có thể tiến xa được?!

Bạch Thế tôn! Bạc Bất lai cũng vậy... Hữu lai hay Bất lai cũng chỉ là sự biến hiện như-huyễn của Tàng thức mà thôi.

Bạch Thế tôn! Ngay đến bậc A la hán cũng vậy... Thân tâm của vị ấy chỉ là những giòng-chuyển-hóa của vô lượng nhân duyên. Và đến bây giờ thì con biết rồi, nhân duyên nào cũng đều như hư như thực. Nên không có cái gì có thể gọi là thân-tướng của A la hán cả. Con đường tu thì lại như vết-chim-bay, và quả vị chứng đắc thì chẳng có vết-tích-gì... Nên con nghĩ kỹ thì thấy rằng: **THẬT CHẴNG CÓ PHÁP CHỈ GỌI LÀ A LA HÁN CẢ.**

Vậy nếu bậc A la hán còn nghĩ rằng: Tôi đắc quả A la hán, thì tức là còn chấp trước ở 4 tướng. Như thế, thì còn có thể bị thối chuyển, và không thể nào vào giáo-lý vi diệu của Bồ tát được.

Ngay như con đây, Đức Thế tôn vẫn thường bảo con là vị A la hán ly dục bậc nhất... Nhưng nếu con nghĩ rằng: Tôi là A la hán ly dục, thì là vẫn còn móng niệm chấp trước, đâu có thể xứng đáng là Ly dục?!

#### ĐIỂM 8:

Như vậy, ngài Tu bồ đề đã giảng giải khá nhiều về Lẽ Vô sở đắc, để giữ cái tâm như-như rồi. Nhưng Phật biết rằng điểm này là khó tin, khó nhận nhất, nên Ngài muốn nhấn mạnh thêm, và kể lại bổn-duyên của chính mình. Nên Ngài nói:

*"Này Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Thuở xưa kia, hồi ở nơi Phật Nhiên đặng, Như lai có chỗ đắc pháp gì chăng?"*

*- Bạch Thế tôn! Không. Hồi ở nơi Phật Nhiên đặng, thiệt Đức Như lai không có chỗ đắc pháp..."*

Đoạn này có nghĩa rõ rệt là:

Hồi ở nơi Phật Nhiên đặng, chính Ta có đắc pháp. Hoặc là vào sơ địa, hoặc được bực bất-thối-chuyển, hoặc được Vô sanh nhẫn. Nhưng tuy gọi là có đắc theo lối nhìn của thế gian, trong tâm ta vẫn như-như, không móng 1 niệm cho là có đắc. Và chính là vì Ta giữ được tâm như-như ấy, nên Phật Nhiên đặng biết rằng Ta có thể trở về biển Diệu-tâm được, nên mới thọ ký cho Ta...

#### ĐIỂM 9:

Đến đây, do những chủng tử tu chứng cũ, cũng như do thần lực của Phật gia trì, ngài Tu bồ đề đã lãnh hội được đến 7, 8 phần về lẽ vô-sở-đắc... Nhưng ngài lại nảy ra một niềm băn khoăn HỒ NGHĨ khác, hồ nghi về các CÔI Phật.

Ngài thầm nghĩ rằng: "Sự chứng đắc quả Phật thì đã đành là một sự chứng nhập hết sức vi diệu rồi, tương tự như vết-chim-bay, nên có thể coi là vô-sở-đắc. Nhưng

nếu quả vị Phật là vô sở đắc, là không thực, thì các CÕI Phật ra sao? Cũng là không thực cả sao?...Ta thường nghe Phật nói rằng có những cõi Phật hết sức là đẹp đẽ thanh tịnh sáng lạn. Chẳng lẽ những cõi đó cũng đều là không thực cả sao? Và nếu quả là không thực, thì tại sao Phật lại hay nhắc nhở Bồ tát phải trang-nghiêm cõi Phật...?!”

Để giải tỏa niềm hồ nghi này, Phật liền cất tiếng hỏi:

- “Này Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Bồ tát có TRANG NGHIÊM cõi Phật chẳng?”

Nghe tiếng Phạm-âm hỏi trúng ngay vào tâm-niệm của mình, ngài Tu bồ đề lại sực tỉnh ra, vội vã đáp ngay:

- Bạch Thế tôn! Không. Tại vì sao? Vì rằng trang nghiêm cõi Phật, tức không phải là trang nghiêm. Chỉ tạm gọi là trang nghiêm thôi.

- Này Tu bồ đề! Vậy nên chư Bồ tát ma ha tát cần phải mở lòng thanh tịnh mới được, mở lòng thanh tịnh như vậy:

Không nên nương dựa trụ trước vào sắc mà sanh tâm, không nên nương dựa vào âm thanh, mùi, vị, xúc và pháp mà sanh tâm. Không nên nương dựa vào đâu cả mà sanh tâm thanh tịnh kia...”

Về đoạn kinh quan trọng này, xưa kia, ngài Huệ năng chỉ nghe thoáng được một câu: “Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, mà liễu ngộ được cái tâm vô-sở-trụ.

Do lòng Đại bi hằng khởi, Bồ tát cần phải làm mọi công hạnh để độ sanh, tức là để mở rộng cái tâm mình ra bao trùm cả pháp giới chúng sanh. Nhưng đồng thời, vẫn phải giữ cái tâm không tịch...Nếu còn trụ trước vào sắc-thanh-hương-vị-xúc, hay bất cứ 1 pháp nào, thì tâm mình còn GỖN NIỆM, và do sự gợn-niệm để ÔM cái pháp ấy, tâm bị thu nhỏ lại. Thu nhỏ lại, thì không thể

bao trùm pháp-giới và khế nhập Diệu tâm.

Làm các công hạnh lành cũng tức là TRANG NGHIÊM cõi Phật. Nhưng nếu làm các hạnh lành, mà tâm còn chấp trước rằng mình đang trang nghiêm cõi Phật, thì chưa phải thực là trang nghiêm cõi Phật, vì tâm còn kém thanh tịnh. Nếu làm mà tâm không còn 1 gợn chấp trước, thì mới thực là trang nghiêm cõi Phật.

Vã lại, cõi Phật nào thì cũng như-huyền như hóa. Đều không-thật-không-hư. Đều do thần-lực của Phật ấy cùng nguyện-lực của Chư Đại bồ tát ở cõi ấy hóa-hiện ra, cũng như do cộng-nghiệp-lực-hải của chúng sanh cõi ấy chiêu cảm nên...Nên cõi Phật nào cũng bản nhiên vốn là đẹp đẽ sáng lạn thanh tịnh, nhưng do cộng-nghiệp-lực thấp kém của chúng sanh chiêu cảm, nên cõi đó XUẤT HIỆN trước mắt những chúng sanh ấy như có những cảnh giới uế-độ mà thôi...Và nếu cõi Phật đã bản nhiên đẹp đẽ thanh tịnh, thì đâu có cần phải trang nghiêm?!

Nhưng Phật vẫn luôn luôn nhắc rằng chúng ta cần trang nghiêm cõi Phật. Vì sao? Là vì trang nghiêm cõi Phật, tức là làm các hạnh lành, và làm các hạnh lành tức là trang nghiêm CHÍNH CÁI TÂM chúng sanh của chúng ta. Và muốn trang nghiêm cái tâm, thì phải giữ được cái tâm thanh tịnh không tịch, không trụ trước vào đâu cả, thì mới thực là trang nghiêm tâm.

Và nếu 1 chúng sanh trang nghiêm được tâm mình, thì theo lẽ Trong-ứng-Ngoài-hợp, tự nhiên cõi đó sẽ xuất hiện trước mắt chúng sanh ấy như đẹp đẽ sáng lạn, không còn là uế-độ nữa. Và nếu tỷ dụ như tất cả chúng sanh cõi đó đều trang nghiêm được tâm mình, thì những chúng sanh ấy cùng các chúng sanh cõi khác, sẽ đều nhìn thấy cõi đó là đẹp đẽ sáng lạn.



Bởi vậy, nên kinh dạy: “Trang nghiêm cõi Phật, tức chẳng phải là trang nghiêm...”

#### ĐIỂM 10:

Đến đây, thì nhiều phần chắc rằng ngài Tu bồ đề đã hiểu rõ được ý Phật dạy rồi.

Nhưng ngài vẫn tiếp tục khởi cái tâm băn khoăn HỒ NGHI. Vì sao? Vì lòng từ-bi... Vì ngài nghĩ rằng trong những bậc đồng học, còn có nhiều vị căn cơ chưa được thông suốt lắm, nên còn có những nghi tình. Hoặc là chúng sanh đời sau, vì căn cơ ám độn, nên còn nhiều điều thắc mắc... Ngài thường luôn luôn nghĩ đến chúng sanh đời sau. Nên ngài vẫn tiếp tục khởi cái tâm hồ nghi, cũng như ngài A nan trong kinh Lăng nghiêm, để Phật có dịp giảng giải rõ hơn.

Lần này, thì ngài tạm hết hồ nghi về cõi Phật, về vụ trang nghiêm cõi Phật. Nhưng ngài lại băn khoăn về thân Phật. Ngài thầm nghĩ rằng:

“Thì ra các cõi Phật là như vậy, là như-huyễn như hóa. Cõi thì như vậy, nhưng còn Thân Phật thì ra sao? Phật có thân hay không có thân, và nếu có thân thì thân nào mới thực là thân Phật?... Vừa mới đây, Phật dạy rằng cái sắc-thân vàng ròng có 32 tướng tốt, mà hàng ngày ta thường nhìn ngắm mắt không tạm rời, cái sắc-thân ấy cũng không phải thực là thân Phật. Vậy thì ra sao?”

Ta thỉnh thoảng có nghe Phật nói rằng Như lai có nhiều thứ thân lắm. Có khi thì có 3 thân, có khi lại vô lượng thân... có khi Phật nhắc đến cái Báo thân cao lớn 16000 trượng, có khi Ngài lại nói rằng thân Phật chính là không có thân, như hư không vậy... Về điểm này, thì chắc là trong tứ chúng, còn nhiều vị hồ nghi lắm...”

Vì ngài băng khuâng nghĩ vậy, nên Phật cất tiếng hỏi:

*“Này Tu bồ đề! Ví như có người thân lớn như núi chúa Tu di, thì ý ông nghĩ sao? Thân của người đó có to lớn chăng?”*

*Ông Tu bồ đề bạch rằng: Bạch Thế tôn! Rất lớn. Bởi vì sao? Vì Đức Phật dạy rằng cái-không-phải-thân, đó mới thực là thân to lớn.”*

Ý nghĩa đoạn kinh này là chỉ thẳng vào cái Pháp-thân-thường-trụ. Pháp thân thường trụ này mới thực là thân Phật. Ngay đến cái Báo thân cao 16000 trượng, đầy phước đức trang nghiêm cùng hào quang chói lòa, cũng chưa phải thực là thân Phật. Vì thân đó còn là thân sắc tướng, do Phật hiển hiện ra để cho các Đại Bồ tát được trông thấy và gột trừ nốt những phẩm vô-minh vi tế cuối cùng, và để ngồi thuyết pháp cho các Bồ tát, như trong pháp hội Hoa nghiêm hay Viên giác chẳng hạn... Thân đó vẫn còn sắc tướng, tức là vẫn còn giới hạn, còn có đối đãi, còn trong vòng nhị-biên sai biệt, nên chưa phải là thân-tột-bực của Chư Phật.

Trái lại, thân pháp-thân-thường-trụ là thân-không-thân, thân vô-biên, thân bao trùm các cõi của pháp giới, là cái biển Diệu tâm, là cái biển quang-minh-uyên-nguyên-tột-bực, là cái thân không giới hạn không đối đãi, ra ngoài nhị biên của vọng thức sai biệt, thân chẳng-phải-hữu-tình-chẳng-phải-vô-tình, là thân vô-sở-y, là thân chẳng-phải-sắc-chẳng-phải-chẳng-sắc, thân vừa-tột-không vừa diệu-hữu, thân viên dung vô ngại, là thân chân thường chân lạc chân ngã chân tịnh, là thân kim-cang-bất-hoại hào quang tột bực vì không có gì có thể phá hoại nổi...

Và mục tiêu của kinh Kim cang này (cũng như của các kinh Đại thừa khác) là dạy cách quán chiếu cùng công hạnh, để lìa bỏ mọi sắc tướng, mọi ý-niệm, và trở về với

cái Thân đó, với Diệu-tâm.

Trong các kinh, nhất là Đại bát Niết bàn, Phật thường quở trách các thứ thân. Vì thân nào cũng vậy, cũng giới hạn, và nếu để tâm trụ trước vào đó, thì chưa thể ÔM TRỌN pháp giới và kế nhập Diệu tâm...Bậc A la hán có 18 phép biến hóa, có thể biến thân lớn như núi Tu di, nhưng không biến nhỏ được. Nhưng dưới mắt Phật, thì thân ấy chưa ăn thua gì, chưa phải cứu cánh. A tu la vương có thể hóa hiện thân rất lớn, lấy tay che mặt trăng. Nhưng thân ấy cũng chưa được... Các bậc Đại Bồ tát trong kinh Hoa nghiêm, thị hiện làm Chủ dạ thần, có thân hình gần như đầy hư không, khuôn mặt thấu gồm cơ man những tinh tú, nhưng dưới mắt Phật, thân ấy cũng chưa phải là cứu cánh...

Cho nên, trong đoạn này của kinh Kim cang cũng vậy. Phật cũng có ý quở trách nhẹ nhàng, và nhắc nhở những đệ-tử A la hán chưa biết hồi tâm rằng những thân biến hóa của các bậc ấy, tuy có lớn như Tu di, nhưng chưa thấm gì với pháp giới... Vậy thì phải hồi tâm vào Bồ tát đạo...

#### ĐIỂM 11:

Đến đây, Phật lại thấy cần phải nhắc lại công đức không thể suy lường của người thọ trì diệu-lý của kinh này. Ngài dạy:

*"Này Tu hồ đề! Nay ta bảo thật với ông: ví như có người trai lành gái thiện đem 7 món báu choán đầy những cõi Tam thiên đại thiên nhiều như số cát của ngàn ấy sông Hằng hà, rồi đem ra mà bố thí, vậy người đó có đặng phước đức nhiều chăng?"*

*Tu hồ đề đáp: Bạch Thế tôn! Rất nhiều.*

*Phật phán với Tu hồ đề rằng: Như có trai lành, gái*

*thiện chỉ thọ trì một bài kệ bốn câu trong kinh này mà thôi và thuyết pháp cho kẻ khác nghe, thì phước đức này lại trội hơn phước đức trước..”*

Lần này, Phật đã gia tăng số cõi Tam thiên đại thiên lên thành vô lượng vô số, để làm nổi bật phước đức vô cùng tận của người trì kinh.

sở dĩ Ngài thấy cần phải nhắc lại công đức trì kinh, là vì vừa đây, Ngài cùng ngài Tu bồ đề đã chỉ thẳng vào cái Pháp-thân-thường-trụ, vào cái Thân-không-thân của Chư Như lai...Ngài biết rằng trong tâm trạng một số đệ tử, vẫn còn lay lắt những lớp hồ-nghi đối với diệu lý Thân-không-thân đó, nên Ngài thấy cần phải khẳng định lại 1 lần nữa công đức lớn lao của người trì kinh, để những đệ tử ấy tin chắc ở lời nói xác thực của Như lai.

Nhưng suy ngẫm kỹ hơn nữa, ta sẽ thấy rằng đoạn kinh ngắn ngủi này còn hàm chứa những ý nghĩa sâu xa thâm diệu hơn rất nhiều. Là vì trong đoạn kinh này, ý của Phật là muốn nhằm dạy các đệ tử về một vài công-hạnh bất tư nghi của Đại Bồ tát: Đó là cách thức BỐ THÍ, cùng cách thức CHÂN PHÁP CÚNG DƯƠNG Chư Như lai của Đại Bồ tát...Cũng tương tự như ở kinh Pháp hoa, nơi phẩm 23 tức Dược vương bốn sự cùng phẩm 24 tức Diệu âm Bồ tát, Ngài cũng dạy những công hạnh đó...Nhưng ở pháp hoa, thì lời dạy rõ ràng và dài hơn, còn ở kinh Kim cang, thì lời dạy thực là cô đọng ngắn ngủi.

Con đường Bồ tát đạo thường gồm Lục độ, rồi lên cao hơn nữa thì gồm 10 độ. Và trong 6 độ này, thì công hạnh Bố thí là cửa ngõ đầu tiên.

Còn trong 10 hạnh-nguyện-vương của Phổ hiền, thì công hạnh Cúng dường Chư Như lai đứng ở hàng thứ 3.

Vậy thì trên con đường Bồ tát đạo, Bố thí là quan

trọng, Cúng dường là quan trọng... Tuy nhiên, CÁCH THỨC bố thí, và CÁCH THỨC cúng dường lại còn quan trọng hơn. Vì có hiểu rõ cách thức, thì mới trở thành CHÂN BỐ THÍ, CHÂN PHÁP CÚNG DƯỜNG được, mới trở thành tuyệt vời được.

Trong kinh này, Phật nhằm dạy 2 thứ bố thí là Thí tài vật và Thí thân mạng. Nhưng Ngài chỉ nói ngắn ngủi, và nhắc nhở nhẹ nhàng, khiến chúng ta khó tế nhận. Nhưng lời dạy của kinh thường là như vậy, nửa ẩn nửa hiện, để khiến người đọc tụng phải tư duy và thấu lấy ý chỉ của kinh.

Trong đoạn này, Ngài mới chỉ nhắc tới việc Thí tài vật, còn đến đoạn 13 và 15, Ngài mới nhắc tới việc Thí thân mạng như số cát sông Hằng.

Giọng của Phật thường rất từ tốn nhẹ nhàng, nhưng lời dạy lại nhằm những công hạnh rất cần khổ khó làm, và đôi khi rất khốc liệt... Ngài nói: “Này Tu bồ đề! Ví như có người đem 7 báu choán đầy những cõi Tam thiên đại thiên nhiều như số cát của ngàn ấy sông Hằng...”

Ngài chỉ nói vậy thôi, nhưng ta phải hiểu rằng đó là Ngài đang dạy Bồ tát đạo, và cái người ví dụ đó chỉ có thể là Đại Bồ tát... Vì sao? Vì đâu có thể có người nào lại có khả năng đem 7 báu choán đầy ngàn ấy cõi Tam thiên? Ngay đến 1 vị vua nhân vương chẳng nữa, thì nhiều lắm cũng chỉ có chừng vài trăm xe châu báu mà thôi.

Vậy thì “người ấy” chỉ có thể là Đại Bồ tát đang hành Bồ tát đạo. Vì lẽ gì? Vì chỉ có Đại Bồ tát mới đủ tam-muội-tự-tại-lực, dùng tâm lực của chính mình HÓA HIỆN ngàn ấy châu báu, để bố thí hoặc cúng dường.

Thiết tưởng cần hiểu rằng Chư Đại Bồ tát thường khi không bố thí hoặc cúng dường như loài người chúng ta đâu. Chúng ta thường đi kiếm hoặc mua những cảnh

hoa, hộp lương hay lễ vật để mang đến chùa cúng dường. Nhưng Đại Bồ tát, nhất là từ Viễn hành địa, tức đệ-thất-địa trở lên, thường không làm như vậy. Các ngài thường chỉ nhập tam muội, rồi dùng tâm lực của mình HÓA HIỆN cơ man nào là vật cúng dường. Tỷ dụ như trong kinh Pháp hoa, Ngài Như-lật-thiết-chúng-sanh-Hỷ-kiến Bồ tát, sau 12 muôn năm cần khổ kinh hành nghe kinh Pháp hoa, bèn đắc được Hiện như-lật-thiết sắc thân tam muội. Ngài liền nhập tam muội đó, HÓA HIỆN cơ man nào là hoa quý, hương chiên đàn quý, cùng tràng phan bảo cái... để cúng dường kinh Pháp hoa cúng Phật Như-lật-nguyệt-Tịnh-minh-đức... Cúng dường như vậy xong, ngài lại thấy là chưa đủ. Ngài bèn uống đủ các thứ dầu thơm trong 1200 năm, rồi dùng hỏa tam muội TỰ ĐỐT THÂN mình để cúng dường Kinh và Đức Phật. Thân của ngài cháy suốt 1200 năm, ánh sáng soi thấu 10 phương, và Chư Phật khác miệng đồng lời, đều khen ngợi rằng: Hay thay! Hay thay! Thiện nam tử! Đó mới thiệt là chơn tinh tấn, CHÂN PHÁP CÚNG DƯỠNG Như lai.

Tại sao lại là Chân pháp cúng dường? Là vì trong khi Tự đốt thân, Bồ tát vẫn quán chiếu Như-huyễn, thấy thân mình như-huyễn, thấy động tác cúng dường cũng như huyễn, rồi mang NGAY CÁI TÂM KHÔNG TỊCH NHƯ HUYỄN tuyệt vời ấy, dâng lên cúng dường Kinh và Chư Phật, thì mới thực là Chân-pháp cúng dường, tức là cúng dường đúng theo Pháp. Vì Pháp là gì? Pháp là Bát nhả Như huyễn và rốt ráo Duy tâm sở hiện. Bởi thế nên Chư Phật 10 phương mới đồng thanh ca ngợi sự cúng dường của Bồ tát Như-lật-thiết-chúng-sanh-Hỷ-kiến. Và cũng bởi thế, nên ngay trong lúc tự đốt thân, Bồ tát đắc thêm được Giải như-lật-thiết-chúng-sanh-Ngũ-ngôn-Đà

la ni, để bước lên đệ-cửu-địa, tức Thiện-huệ-địa, hóa hiện thân trong các đạo tràng 10 phương, dùng diệu âm mà thuyết pháp... Nếu tỷ dụ như trong lúc tự đốt thân, Bồ tát vẫn nghĩ rằng thân mình là có, và tác động cúng dường cũng là thực, thì sự cúng dường ấy vẫn được rất nhiều phước đức, nhưng không thể trở thành tuyệt vời được, và chưa phải là chân pháp cúng dường. Và chắc rằng ngài cũng chưa đắc được môn đà la ni về ngữ ngôn.

Đoạn kinh này của Kim cang cũng dạy cùng 1 ý nghĩa ấy, tuy lời dạy ngắn ngủi và khó tế nhận. Vì tự trung là Phật muốn bảo rằng: Ví như có một Bồ tát hóa hiện 7 món báu choán đầy rất nhiều cõi Đại thiên, rồi đem ra bố thí, thì phước đức đó dĩ nhiên rất nhiều, khó thể nói hết. Nhưng nếu Bồ tát đó lại biết thọ trì kinh này, hiểu được diệu lý của chân pháp, rồi ngay trong lúc bố thí cúng dường, khởi tâm quán chiếu mình là huyễn, các cõi báu là huyễn, động tác cũng huyễn, thì sẽ CHUYỂN việc bố thí cúng dường đó trở thành tuyệt vời, CHÂN bố thí và CHÂN PHÁP cúng dường, và công đức ấy thì 10 phương Như lai nói cũng không xiết...

Để hiểu thêm ý nghĩa thâm diệu này về Chân-pháp cúng dường, thiết tưởng cần nhắc tới mấy đoạn sau trong những kinh khác:

- Trong kinh Vô lượng thọ, về 48 đại nguyện vương của Đức A di đà, điều 24 nói rằng: “Giả sử khi Ta đặng thành Phật, các Bồ tát trong nước ta ở trước Chư Phật muốn HÓA HIỆN cõi công đức của mình, bao nhiêu những đồ muốn dùng để cúng dường Chư Phật nếu chẳng có đúng như ý muốn, Ta nguyện không chúng lấy quả Chánh giác.”

Điều nguyện này chúng tỏ rằng các Bồ tát ở tịnh độ hoặc tới 1 thứ bậc nào đó, thường hóa hiện những đồ

cúng dường. Và Đức A di Đà nguyện rằng sẽ mang thần lực của mình gia trì cho sự hóa hiện ấy của các Bồ tát ở Cực lạc.

Kinh Pháp hoa, phẩm 24 gọi là phẩm Diệu Âm Bồ tát. Khi ngài Diệu âm sang cõi Ta bà để lễ Phật cùng kinh Pháp hoa, thì chúng hội thấy thần lực của ngài ghê gớm quá, vì ngài là bậc Đẳng giác... Nên ngài Hoa đức mới hỏi Phật rằng:

- Bạch Thế tôn! Vị Đại Bồ tát này tu công hạnh gì mà được sức thần lớn lao như vậy.

Phật trả lời một câu rất bí hiểm rằng:

- Dưới thời Phật Vân lô Âm vương, vị Bồ tát này, suốt 12 muôn năm, đã dùng 10 muôn thứ kỹ nhạc cúng dường Phật, và dâng lên Phật 8 muôn 4 ngàn chiếc bát báu. Do đó, nên được sức thần như vậy..."

Thiết tưởng ý nghĩa thâm diệu của câu này cần phải được hiểu như sau:

Cúng dường 10 muôn thứ kỹ nhạc là như thế nào? Nếu tỷ dụ như có 1 vị vua nhân thế, đem 10 muôn chiếc đàn tới cúng dường Phật, không lẽ vị vua đó cũng được có sức thần thông kinh khủng như ngài Diệu âm hay sao?!... Vậy thì phải hiểu rằng ngài Diệu âm đã cúng dường kỹ nhạc theo cách thức được nói rõ trong kinh Hoa nghiêm.

Kinh hoa nghiêm, phẩm Thập địa, trang 956, dạy rằng: một vị Đại Bồ tát, sử dụng được diệu-âm, có thể:

“Hoặc có lúc Tâm muốn ở trên THÂN mình, mỗi LỖ LÔNG đều phát ra những âm thanh vi diệu.

Hoặc có lúc Tâm muốn ở trong CÕI Đại thiên thế giới, có bao nhiêu VẬT hữu hình hoặc vô hình, đều phát ra những âm thanh vi diệu..."



Vậy thì ngài Diêu-âm, vốn tên là Diêu âm, nên biết sử dụng diệu âm, chắc chắn rằng đã cúng dường theo cách thức ấy...Ngài đã nhập tam muội tịch bất động, trong suốt 12 muôn năm, dùng tam muội lực làm phát ra từ các lỗ lông những âm thanh vi diệu. Lại khiến cho tất cả cây cỏ, núi sông, mây nước, chim muông cầm thú trong nhiều cõi Đại thiên đều phát ra những âm thanh vi diệu. Để cúng dường Phật... Rồi trong suốt 12 muôn năm, ngài lại dùng Trí-huệ Đại bát nhã, quán chiếu các âm thanh đó là huyễn, động tác cúng dường cũng huyễn, rồi đem ngay cái Tâm không-tịch ấy dâng lên cúng dường, nên mới CHUYỂN sự cúng dường đến chỗ tuyệt vời của chân-pháp cúng dường. Và được sức thần khó thể nghĩ bàn...

Còn việc dâng 8 muôn 4 ngàn bát báu là như thế nào? Không lẽ ! vị vua chỉ cần đem dâng Phật 84000 chiếc bát bằng vàng bạc lưu ly, mà lại được quả vị như vậy?!

Bởi vậy nên 84000 bát báu, nghĩa là 84000 cõi choán đầy châu báu, mà ngài Diêu âm, từ nơi tam muội tịch bất động đã hóa hiện ra để dâng cúng dâng. Đồng thời không quên quán chiếu như-huyễn, và dâng cả cái Tâm không-tịch lên cúng dường...

Cho nên, kinh Kim cang vốn giảng nói về công hạnh Bồ tát đạo, luôn luôn nhắc rằng: Ví như có người hóa hiện nhiều cõi choán đầy châu báu để cúng dường, thì phước đức rất nhiều... Nhưng nếu người ấy lại biết thọ trì kinh này, hiểu sức nhiệm mầu của Trí huệ Đại bát nhã cùng Diệu tâm, lại biết quán chiếu như-huyễn và dâng cái tâm không-tịch vô-trụ ấy, thì công đức sẽ CHUYỂN thành vô cùng vô tận...

#### ĐIỂM 12:

*"Lại nữa, này Tu bồ đề! Chỗ nào có cuộc tùy thuận thuyết diễn Kinh này, dù chỉ là thuyết diễn 1 bài kệ 4 câu*

mà thôi, thì nên biết rằng tất cả Trời, người, Thần trong thế gian đều phải cúng dường chỗ đó như là Tháp miếu thờ Phật vậy. Nói chi đến người hết lòng hết dạ thọ trì, đọc tụng kinh này...?!

Này Tu bồ đề! Nên biết rằng người như vậy hẳn thành tựu cái Pháp cao viễn bậc nhất ít có lắm. Như gặp Kinh này ở tại xứ nào, tức là ở đó có Phật hoặc bậc đệ-tử đáng tôn trọng...”

Trong đoạn này, Phật chỉ nhắc lại cái tầm quan trọng hy hữu của diệu-lý của Kinh, và Kinh có thể coi là hiện thân của Phật...“Tùy thuận thuyết diễn Kinh” có nghĩa là diễn nói Kinh thuận theo đạo lý và căn cơ người nghe.

### ĐIỂM 13:

“Lúc ấy, Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Thế tôn! Nên gọi Kinh này là Kinh chi? Và chúng con phải phụng trì cách nào?”

Phật phán với Tu bồ đề rằng: Kinh này tên là Kim cang Bát nhã Ba la mật. Các ông nên theo danh tự ấy mà phụng trì.

Bởi vì sao? Này Tu bồ đề! Đức Phật nói Bát nhã Ba la mật, chính chẳng phải Bát nhã Ba la mật. Chỉ tạm gọi là Bát nhã Ba la mật thôi.

Này Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Như lai có pháp nào để thuyết pháp chẳng?

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Thế tôn! Như lai thực chẳng có pháp nào để thuyết pháp cả...”

Đến đây, phần do những chứng tử huân tập cũ của mình, phần lớn do sức thần của Phật gia trì, nên ngài Tu bồ đề hầu như đã hiểu được gần hết ý thú của Kinh, nên ngài bạch Phật hỏi rõ TÊN KINH để phụng trì.

Và cũng từ đây trở đi, ngài trả lời vững vàng hơn, và

nhiều khi ngài còn giảng rộng thêm ra để triển khai rõ ràng những lời dạy của Phật... Ngài làm như vậy, vẫn là do sức của Phật gia trì. Cũng như trong pháp hội Đại Bát nhã, ngài Xá lợi Phật nói rõ rằng: Những lời tôi nói đây, đều là do sức Phật gia trì.

Phật bèn nói TÊN KINH... Nhưng nói tên kinh rồi, Ngài lại e có 1 số đệ tử thấp kém khởi tâm trụ trước vào Pháp, và nghĩ rằng: À, ra có một pháp thực gọi là Bát nhã Ba la mật. Nên Ngài lại phải nhắc ngay rằng: Bát nhã Ba la mật ấy, thực ra chẳng phải là Bát nhã Ba la mật. Chỉ tạm gọi như vậy thôi.

Và bởi vì tâm niệm chấp pháp thường hay dai dẳng vi tế, nên Ngài lại nhắc thêm 1 lần nữa rằng: Như lai thường ngày vẫn thuyết pháp, nhưng thực ra, chẳng có 1 Pháp nào THỰC CÓ để thuyết diễn đâu.

- Vì sao vậy?

Là vì tất cả các Pháp đều chỉ như Mộng-huyễn, đều chỉ là sự Biến-hiện của Diệu-tâm, đều chỉ như Vết-chim-bay, và tuyệt nhiên không có pháp nào là Thực có cả. Người tu là huyễn, con đường tu cũng là mộng-huyễn, việc tu hành hay những tâm niệm tu chứng cũng huyễn... Chư Như lai chỉ dùng Sức Phương tiện, dựng lập chỉ bày những pháp-môn huyễn vi-diệu, để khiến chúng sanh xa lìa những huyễn hay mê muội Thô Kịch của mình, rồi lần lần tiến lên, thì ngay đến những pháp huyễn vi diệu cũng phải lìa mới khả dĩ kế nhập Diệu-tâm được... Và trước sau, chỉ có Diệu-tâm là Thực mà thôi, là Chân-thường, Chân-lạc, Chân Ngã, Chân tịnh. Bởi thế, nên trong kinh Đại Bát niết bàn, Phật dạy: "Các pháp đều là Hư, nhưng có thể ĐƯỢC THỰC..." Được Thực có nghĩa là kế nhập Biến Diệu tâm tức Thực tại cuối cùng.

## ĐIỂM 14:

*“Này Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Trong thế giới Tam thiên đại thiên này, có những vi trần, vậy những vi trần ấy có nhiều hay chẳng?”*

*Tu bồ đề đáp rằng: Bạch Thế tôn! Rất nhiều.*

*- Này Tu bồ đề! Những vi trần ấy, Như lai nói chẳng phải là vi trần, chỉ tạm gọi là vi trần thôi. Như lai cũng dạy rằng thế giới chẳng phải là thế giới, chỉ tạm gọi là thế giới thôi...”*

Lời dạy này thực là cao siêu, nhưng khó tế nhận.

Đến đây, Phật lại trở lại cái điểm Thân-không-thân tức Pháp-thân nói ở điểm 10. Ngài trở lại, vì biết rằng 1 số đông đệ tử còn HỒ NGHĨ rằng: “Phật dạy rằng cái Thân-không-thân mới thực là to lớn. Chúng ta tin lời Phật dạy, nên biết rằng đây là một điểm giáo lý thật siêu tuyệt. Nhưng khổ nỗi là cái Thân-không-thân ấy thì biết TÌM ở đâu, và làm sao mà THẤY?... Từ trước tới nay, chúng ta hoặc chư thiên thường chỉ quen nhìn những thân hoặc vật ở kích độ thông thường hoặc to lớn như núi Tu di, hoặc to như 1 cõi thôi. Nay cái Thân-không-thân này, to lớn không cùng cực, thì biết đâu mà TÌM, làm sao mà THẤY?”

Nên Phật lại khởi tâm từ ái giảng giải thêm. Nhưng lời dạy của kinh bao giờ cũng như ẩn như hiện, nhằm gợi ý khiến người nghe phải suy ngẫm tư duy để khế hội.

Lời dạy trong đoạn này của Ngài, tựu trung có ý nghĩa như sau:

“Trên kia, Ta đã nói cho các ông biết rằng cái Thân thực của Như lai, tức Pháp-thân hay Thân-không-thân thực là to lớn, không cùng không tận. Nay Ta lại hiển lộ cho các ông biết thêm rằng: Cái thân CỰC LỚN ấy cũng chính là cái Thân CỰC VI TỂ. Vì sao? Chỉ là vì

những cái CỰC bao giờ cũng DUNG THÔNG VÔ NGẠI với nhau. CỰC có nghĩa là phải SONG CHIẾU, ôm trọn cả hai thái cực, chứ không phải chỉ ôm có 1 bên mà thành tựu được.

Vậy thì cái Thân-không-thân của Như lai ấy, nó chu biến khắp cả, nó bao trùm khắp cả cõi, cũng như nó NÚP và CHUI LỌT trong từng vi trần... Nói cho đúng ra, thì VI TRẦN hay THỂ GIỚI cũng đều chỉ là những tâm tưởng, những vọng tưởng tích lũy từ vô thủy của các loài chúng sanh, huân tập kết lại thành những chủng tử nghiệp-lực nơi Tầng thức, đến kiếp này, những chủng tử ấy nở xòe ra, chiêu cảm những ảnh-tượng vi trần và thể giới, như trong kinh Lăng nghiêm đã giải rõ. Kỳ thực thì ở trong Diệu tâm, chẳng có gì là vi trần hay thể giới cả... Cho nên, vi trần cùng thể giới ấy đều là những VẾT TÍCH BIẾN HIỆN của cái thân-không-thân tức Pháp thân tức Diệu tâm mà thôi.

Các ông hiện đương băn khoăn về điểm Tìm cái Thân-không-thân ở đâu, và làm sao Thấy? Vậy thì các ông chỉ cần quán chiếu lâu dài vi trần và thể giới như những Vết-tích-biến-hiện Như-huyền của cái Thân-không-thân đó, thì rồi sẽ THẤY..."

#### ĐIỂM 15:

*"Này Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Có nên thấy 32 tướng mà nhận là Như lai chăng?"*

*- Bạch Thế tôn! Không. Không nên thấy 32 tướng mà nhận là Như lai. Tại vì sao? Như lai dạy rằng 32 tướng, tức chẳng phải là tướng. Chỉ tạm gọi là 32 tướng thôi..."*

Trong đoạn này, ý Phật là muốn nhắc lại 1 lần nữa rằng: nếu muốn THẤY cái Thân-không-thân đó, thì

phải Lìa tất cả tướng, ngay đến những tướng của Ứng thân Như lai cũng phải lìa.

#### ĐIỂM 16:

*“Này Tu bồ đề! Ví như có trai lành, gái thiện dùng THÂN MẠNG mình nhiều như cát sông Hằng mà BỐ THÍ. Lại như có người chỉ thọ trì 1 bài kệ bốn câu trong kinh này mà thôi, và giảng nói cho người khác nghe, thì phước của người này lại nhiều hơn người trên...”*

Đây là lần ĐẦU TIÊN mà Phật nhắc nhở tới công hạnh khó khăn là thí THÂN trong Bồ tát đạo. Trên kia, Ngài mới chỉ nhắc tới việc thí tài vật chất đầy nhiều cõi, nay mới đi tới thí thân... Rồi trong mấy đoạn kế tiếp ngay sau đây, Phật còn nhắc đi nhắc lại về công hạnh này, giảng giải kỹ càng hơn, và đem ngay chính bốn sự của mình ra giảng nói, và nói rõ rằng chính Ta, trong 500 đời, đã từng làm vị tiên hơn tu hạnh nhân-nhục thí thân.

Ngài nhấn mạnh như vậy là vì sao? Là vì Ngài biết rằng số đông đệ tử Thanh văn của Ngài chưa hề quen thuộc với công hạnh này, và rất E NGẠI công hạnh này. Và cũng là vì công hạnh này, tuy có vẻ khốc liệt, nhưng lại là THIẾT YẾU của Bồ tát đạo. Nếu không làm công hạnh này, không chịu đi cửa ải này, thì Bồ tát đạo khó mà thành tựu.

Tại sao thiết yếu?

Là vì cái chấp-thân-căn của chúng sanh là cái chấp sâu nặng nhất, vì thân căn chính là cái quả chiêu cảm bởi những vọng tưởng KIÊN CỐ tích lũy từ vô thủy. Vọng tưởng kiên cố, nên chấp sâu nặng... Vậy nếu Bồ tát không biết, và không chịu giải tỏa cái kiến chấp ấy, không dám liên miên xả bỏ cái thân này để cầu 1 thân khác ngày càng dột bởi những quang-minh vi diệu hơn, không dám khiến

thân mình rơi rớt lả tả như cánh hoa đào, thì không thể nào hiểu được Lý như-huyền, không hiểu được thân tâm là huyền hiện, không thể nhập được Như-huyền tam muội để tiến tới Biển Diệu tâm và Thân-không-thân hào quang tốt bực được... Bởi vậy, nên Chư Đại Bồ tát thường thí thân nhiều như cát sông Hằng, hoặc để cứu độ chúng sanh, hoặc tự đốt thân cúng dường Phật.

Cho nên, kinh thường nói: “Các cõi rộng lớn bao la như thế này, nhưng không có 1 chỗ nào mà Chư Phật không từng thí thân để cứu độ kẻ khác.”

Kinh Pháp hoa, phẩm Dược vương, có ngài Nhứt thiết Chúng sanh Hỷ kiến Bồ tát tự thiêu để cúng dường Phật. Ngay giữa lúc tự thiêu, ngài đặc thêm được 1 môn tam muội. Và sau khi tự thiêu rồi, thí bỏ thân này được ngay 1 thân khác vi diệu hơn... Ngài hóa sanh ngay từ đầu gối vua Tịnh đức, thành 1 hình hài mới, rồi nói kệ rằng:

Đại vương nay nên biết  
 Tôi kinh hành chốn kia,  
 Tức thời đặc nhứt-thiết  
 Chư sắc thân tam muội...  
 Tôi siêng năng tinh tấn  
 BỎ thân thể đáng yêu  
 Cúng dường Phật Thế tôn  
 Cầu được Huệ Vô thượng...

Huệ vô thượng tức là Phật-tri- kiến, là Pháp-thân, là Diệu tâm... Xem như vậy, thì hiểu rằng công hạnh của Bồ tát thực là khó lường, và cái Vòng-Huyền-hiện của Diệu-tâm thực là lạ lùng kỳ diệu.

Trong kinh Hoa nghiêm, phẩm Nhập pháp giới, ngài Thiện tài đồng tử đi cầu Bồ tát đạo. Đến chỗ Bà la môn Thảng nhiệt, ngài phải nhảy vào một đồng lửa lớn... Nhưng rớt đến nửa chừng, ngài đã đặc ngay 1 môn tam muội...

Những điều trên đây, đáng cho chúng ta suy ngẫm. Phạm phu chúng ta đều rất sợ hãi, khi nghe nói công hạnh này... Nhưng trong kinh, lại có nói rõ: “Khi một Bồ tát tự đốt thân cúng dường, hoặc tự gieo mình vào miệng hổ đói, thì Bồ tát ấy cảm thấy 1 niềm an lạc vui sướng NHƯ một tỳ kheo nhập đệ tam thiên. Niềm an lạc ấy, ngay chư thiên cũng ít khi có nổi...”

Như thế là nghĩa ra sao?

Nghĩa là: phần thì do lòng tin căn sâu chắc nên có định-lực, có định lực thì thân căn và sắc trần (ngọn lửa) không phối ngẫu hay ít phối ngẫu, phần thì do thần lực gia trì, nên Bồ tát ít thấy sự đau đớn mà thấy an lạc giữa ngọn lửa hồng., Vì hãm lửa đã biến thành ao...

Bởi thế, nên trong đoạn kinh này, tiếp theo điểm 11, ý Phật là muốn dạy rằng:

“Con đường Bồ tát đạo cần khổ khó làm, và Bồ tát thường phải thí thân mình nhiều như cát sông Hằng. Nhưng nếu thí thân mà vẫn không hiểu Lý Như-huyền, thì công đức chưa thể tuyệt vời được... Vậy cần phải thọ trì kinh này, thông đạt ý nghĩa, rồi giảng nói cho kẻ khác nghe... Thế nào là giảng nói cho kẻ khác nghe? Nghĩa là có thể GIẢNG NÓI bằng LỜI hoặc giảng nói bằng SỰ, nhưng trong trường hợp nào cũng vậy, cần giữ TÂM NHƯ NHƯ BẤT ĐỘNG... Vậy thì Bồ tát cần phải thí thân, nhưng trong lúc thí thân, vẫn phải quán chiếu như-huyền, rồi dâng ngay cái Tâm không-tịch ấy mà cúng dường. Như thế, thì 10 phương Như lai đều phải khen ngợi công đức, như đã khen ngợi Bồ tát Nhứt-thiết-chúng-sanh-Hỷ-kiến trong kinh Pháp hoa vậy...”



## ĐIỂM 17:

"Lúc ấy, Tu bỏ đề nghe thuyết Kinh này, tỏ được nghĩa thú sâu diệu, bèn sa nước mắt, khóc 1 cách bi ai và bạch Phật rằng:

- Thế tôn! Thật là hy hữu! Phật thuyết ra kinh điển như vậy, quả là thâm thâm vi diệu. Từ con theo Phật tu trì mà đắc Huệ nhãn đến nay, chưa từng được nghe Kinh nghĩa như vậy.

Bạch Thế tôn! Lại như có người nghe được kinh này mà đem lòng tin thanh tịnh, ắt là sanh được cái Thật tướng. Nên biết rằng người như vậy thành tựu được công đức hy hữu bậc nhất.

Bạch Thế tôn! Thật tướng ấy, chính là chẳng phải tướng. Nên Như Lai gọi là Thật tướng.

Bạch Thế tôn! Nay con được nghe kinh điển như vậy, con tin hiểu thọ trì chẳng đủ lấy làm khó.

Như về đời sau, trong 500 năm sau cùng, nếu có chúng sanh nào được nghe Kinh này rồi tin hiểu thọ trì, thì người ấy chính là hy hữu bậc nhất.

Bởi vì sao? Vì người như vậy vốn không có tướng mình, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ mạng.

Vì sao vậy? Vì tướng mình chính là chẳng phải tướng, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ mạng chính là chẳng phải tướng.

Bởi lẽ nào? Vì Rồi Lìa tất cả tướng, chính đó gọi là Chư Phật..."

Đến đây, ngài Tu bỏ đề nghe Liên tiếp 2 đoạn kinh từ trước chưa từng nghe. Khi nghe lời Phật giảng về vi trần cùng thế giới đều là dấu-vết-biến-hiện của Thân-không-thân, thì ngài thấy cả cái chiều sâu ảo diệu của giáo lý Bồ tát... Rồi lại nghe tiếp luôn đến công hạnh Bồ tát xả thân nhiên THÍ THÂN, vứt bỏ thân nhiều như cát sông Hằng,

thì ngài nhìn thấy cả một chân trời không thể nghĩ bàn của Tâm lượng Bồ tát. Đồng thời, lại xót xa như muốn đập ngực tự trách về cái Tâm lượng quá hẹp hòi nhỏ bé của mình và đồng học Thanh văn.

Nên ngài đã sa nước mắt, khóc lóc bi ai... Vì ơn Phật, ơn Kinh, vì cảm kích xúc động bởi cái Tâm mênh mang của Bồ tát, đồng thời bị phần tự trách cái tâm mình sao từ trước tới nay lại quá bé nhỏ nông cạn. Cũng tương tự như ngài Xá lợi Phất bị phần tự trách mình trong kinh Pháp hoa.

Do niềm xúc động sâu xa, nên ngài đã Tự nói một hơi dài, để triển khai ý Phật.

Do đó, ngài mới tự ý nói ra về Thật tướng, tức Pháp thân. Và nói: Lìa được tướng, chính là Phật.

Đồng thời, ngài lại nghĩ đến túc duyên của mình, hay được gặp Phật, nhờ sức Phật gia trì nên hiểu được Kinh này. Rồi nghĩ đến người đời sau. Nghĩ rằng: nếu đời sau, vắng Phật, mà có người tin hiểu thọ trì được, thì người ấy thật là ít có, người ấy đã tu Bồ tát đạo từ nhiều kiếp, và từ lâu đã lìa các tướng, các tướng... Và ngài nhiệt liệt tán thán...

#### ĐIỂM 18:

*“Phật phán với Tu bồ đề rằng: Đúng vậy, đúng vậy!... Lại như có người được nghe Kinh này mà lòng không KINH HÃI, không E SỢ, không nhút nhát, thì phải biết người đó rất là hy hữu.*

*Bởi vì sao? Nay Tu bồ đề! Như lai nói Đệ-nhứt Ba la mật, tức chẳng phải Đệ nhứt Ba la mật. Chỉ tạm gọi Đệ nhứt Ba la mật thôi.*

*Nay Tu bồ đề! Cũng như NHẢN NHỤC Ba la mật, Như lai dạy rằng chẳng phải Nhãn nhục Ba la mật. Chỉ*

tạm gọi Nhân nhục Bu la mật thôi.

Tại vì sao? Này Tu bồ đề! Như Ta thuở xưa bị vua Ca lợi chặt đứt thân thể. Thế mà lúc đó, Ta không hề có tướng mình, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ mạng... Vì sao vậy? Là vì lúc ấy, trong khi thân thể bị chặt đứt rã rời, nếu Ta còn tướng mình, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ mạng, thì lẽ ra Ta phải móng lòng hờn giận oán thù.

Này Tu bồ đề! Ta lại nhớ hồi thuở quá khứ, trong 500 đời Ta làm vị tiên-nhơn tu hạnh nhân nhục. Trong bao nhiêu đời ấy, Ta không hề có tướng mình, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ mạng.

Này Tu bồ đề! Vậy nên Bồ tát phải liả tất cả tướng mà phát tâm cầu quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác... Không nên trụ trước vào HÌNH SẮC mà sanh tâm, không nên trụ trước nơi THÌNH HUƠNG VỊ XỨC PHÁP mà sanh tâm. HÃY SANH CÁI TÂM KHÔNG TRỤ TRƯỚC vào đâu cả.

Nếu như tâm còn có trụ, tức là chẳng phải trụ. Vậy nên Phật dạy rằng tâm của Bồ tát chẳng nên trụ trước nơi hình sắc mà BỐ THÍ.

Này Tu bồ đề! Bồ tát vì lợi ích cho tất cả chúng sanh nên phải bố thí như vậy. Như lai dạy tất cả tướng, tức chẳng phải là tướng. Ngài lại dạy tất cả CHÚNG SANH, tức chẳng phải là chúng sanh.

Này Tu bồ đề! Như lai là bậc nói lời chân chánh, lời chắc thiết, lời đúng như vậy, lời không phỉnh dối, lời không quái lạ.

Này Tu bồ đề! Cái Pháp mà Như lai chứng đắc, cái Pháp ấy vốn CHẴNG THẬT CHẴNG HU.

Này Tu bồ đề! Như Bồ tát mà tâm trụ trước vào pháp để làm việc bố thí, thì có khác nào người đi vào chỗ tối,

*nào có thấy gì được đâu! Còn như Bồ tát mà tâm không trụ trước vào pháp để làm việc bố thí, thì như người có mắt sáng lại được ánh sáng mặt trời chiếu đến, liền thấy đủ các hình sắc.*

*Này Tu bồ đề! Về các đời sau, như có trai lành gái thiện ra sức thọ trì đọc tụng Kinh này, thì Như lai dùng Trí huệ Phật đều biết rõ người ấy, thấy rõ người ấy, tất cả đều được thành tựu công đức vô lượng vô biên.”*

Lời nói: “Đúng vậy! Đúng vậy! “Là Phật ấn chứng lời giảng giải của ngài Tu bồ đề.

“Nghe Kinh này mà không KINH HÃI, không E SỢ...” là nghĩa sao? Diệu lý của Kinh này là dạy về thân-tâm như-huyễn, cảnh giới như huyễn, về Thân-không-thân, về công hạnh Thí thân nhiều như cát sông Hằng, nên dĩ nhiên đa số người nghe phải kinh nghi sợ hãi. Còn như nếu có người nghe mà lòng vẫn thản nhiên, và nghĩ rằng: “đúng vậy, đúng vậy, Lý ứng phải là như thế, Pháp nhĩ là như vậy, phải như vậy mới là đúng diệu lý, nếu không như vậy, thì làm sao giải thích cái pháp-giới này?!” thì nên biết rằng người ấy đã trồng túc duyên từ nhiều kiếp, từng nghe và thực tập diệu lý này. Và người đó là bậc hy hữu.

Trong đoạn này, Phật lại nhắc lại kỹ càng về công hạnh THÍ THÂN, và nhắc nhở bốn-sự của chính mình trong 500 đời tu hạnh nhẫn nhục để khích lệ các đệ tử bước vào Bồ tát đạo... Chắc rằng trong khi làm vị Tiên-nhơn tu hạnh nhẫn nhục, Ngài đã đắc và có khi thường trụ trong Như-huyễn tam muội, nên những lúc xả thân mạng, Ngài vẫn vui sướng như 1 tỷ-kheo nhập đệ-tam-thiền.

Ngài nhắc lại 1 lần nữa: UNG VÔ SỞ TRỤ NHI SANH KỶ TÂM.

“Tất cả chúng sanh, tức chẳng phải chúng sanh”... là có nghĩa rằng: chúng sanh là **CHÚNG PHÁP TƯƠNG SANH**. Nên một chúng sanh là sự hội-tụ giả-hợp của vô lượng nhân duyên, tế bào của thịt xương gân máu, cộng với vô lượng cảm giác tâm tưởng kiến chấp luôn luôn sanh diệt đời đời. Vì giả hợp nên như-huyễn, vì như huyễn nên chẳng phải chúng sanh... Lại nữa, chúng sanh nào cũng bắt nguồn ở cái biển Diệu tâm ấy, ở cái biển quang-minh-uyên-nguyên ấy, ở cái Thân-không-thân ấy, cũng đều có Diệu tâm ấy, nên chẳng phải chúng sanh... Thêm nữa, trong các chúng sanh, cũng có những bậc Đại Bồ tát tu hành đến mức gột sạch mọi ám chướng mê mờ, chỉ còn sót lại một hai phần vô minh vi-tế thôi, nên chẳng phải chúng sanh... Tuy nhiên, mặc dầu có Diệu tâm, nhưng còn bị ám chướng che lấp, nên vẫn tạm gọi là chúng sanh.

“Cái Pháp mà Như lai đắc, Pháp ấy vốn **CHẲNG THẬT CHẲNG HƯ**” Là nghĩa sao?... Là nghĩa chúng nhập Biển Diệu tâm **NHU NHƯ TỊCH TĨNH**. Các cảnh giới cũng vậy, nếu nhìn với con mắt Đại Bồ tát hay Phật, cũng đều là như như tịch tĩnh. Nghĩa là không thật không hư, chẳng có chẳng không, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng đoạn chẳng thường, phi nhất phi nhị, chẳng lai chẳng khứ... Lìa mọi ý niệm vọng tưởng điên đảo khủng bố.

Lấy tỷ dụ núi Tu di... Núi ấy chẳng hư, vì chư thiên trông thấy và khởi đủ thứ phiền não. Nhưng chẳng thật, vì loài người cùng nhiều loài khác không hề nhìn thấy, và cho là không có.

Lại tỷ dụ như con sông. Loài người cho là sông nước uống được. Chư thiên nhìn, cho là lưu ly. Loài rồng nhìn, thấy là điện đài lâu các, ở đó ăn ngủ được. Loài ngựa

quý thấy là giòng lửa bỏng...Cho nên, không-thật-không-hư. Như trăng đáy nước.

Đây là lần đầu tiên Phật nói đến nghĩa này của Lý như-huyễn...Ở phần 2, sẽ nhắc lại.

“Như lai dùng Trí huệ Phật biết rõ, THẤY RÕ những người ấy...” có nghĩa là: Thân-không-thân của Chư Phật bao trùm pháp giới, và lọt vào từng vi trần. Nên không có một chúng sanh nào, 1 tấm niệm nào, 1 căn cơ nào, 1 giọt mưa nào, 1 cơ sự nào...mà Phật không biết rõ. Vì đều ở trong thân tâm Phật. Ở đoạn 2, khi nói về ngũ nhãn, Phật nói rõ hơn về điểm này...Vậy chúng ta cứ yên chí là mình luôn luôn nằm ở trong thân Phật, thân Đức Quán thế âm, trong thân vô lượng Phật. Những thân ấy đều là quang minh vi diệu, nên lồng vào nhau viên-dung-vô-ngại.

#### ĐIỂM 19:

*“Này Tu bồ đề! Như có trai lành, gái thiện BUỔI MAI DÙNG THÂN MÌNH nhiều như cát sông Hằng mà bố thí. BUỔI TRƯA lại dùng THÂN mình nhiều như cát sông Hằng mà bố thí. BUỔI CHIỀU lại còn dùng THÂN mình nhiều như cát sông Hằng mà bố thí. Trong vô lượng trăm ngàn vạn ức kiếp đem thân mạng bố thí như thế.*

*Lại như có người nào nghe kinh điển này mà sanh lòng tin không trái, thì phước của người này lại trội hơn phước của người kia. Huống chi lại biên chép, thọ trì đọc tụng và giải thuyết cho kẻ khác nghe?!*

*Này Tu bồ đề! Tóm lại mà nói đó, thì Kinh này có công đức không thể nghĩ bàn, không thể suy lường và không có bờ bến. Như lai vì muốn mở lối cho người phát*

tâm Đại thừa nên mới thuyết ra Kinh này, muốn mở lối cho người phát tâm tối thượng thừa nên mới thuyết ra Kinh này.

Như có người nào ra sức thọ trì đọc tụng Kinh này và giảng nói rộng ra cho kẻ khác nghe, thì Như lai đều biết rõ người ấy, THẤY rõ người ấy, tất cả thấy đều thành tựu công đức không thể lường, không thể cân, không có bờ bến và không thể nghĩ bàn. Những người như vậy mới có thể đảm đương nối cái đạo quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác của Như lai.

Bởi vì sao? Này Tu bồ đề! Vì nếu người nào ham ưa những PHÁP NHỎ, chấp mình, chấp người, chấp chúng sanh, chấp thọ mạng, thì người ấy không thể nghe nhận đọc tụng Kinh này và giảng nói cho kẻ khác nghe.

Này Tu bồ đề! Bất kỳ ở tại đâu nếu có Kinh này, thì tất cả Trời, người, A tu la trong thế gian đều phải cúng dường. Nên biết rằng tại nơi ấy, tức có chùa tháp thờ Phật, chúng sanh phải cung kính lễ lạy đi nhiễu vòng quanh, rảy hương hoa khắp nơi ấy...”

Trong đoạn này, Phật nhắc lại 1 lần nữa công hạnh THÍ THÂN của Bồ tát, nhắc lại 1 cách rõ rệt hơn và tận tụy hơn. BUỔI MAI thí thân, BUỔI TRƯA thí thân, BUỔI CHIỀU lại thí thân... Sở dĩ các Đại Bồ tát có thể thí thân hoài hoài như vậy, là vì mỗi khi thí thân xong, các ngài lại Hóa sanh lại và có luôn 1 thân mới ngay, như ngài Nhứt-thiết-chúng-sanh-Hỷ-kiến trong kinh Pháp hoa. Và những thân sau thì càng ngày càng vi diệu, nên nhiều thần lực hơn. Nhịp điệu THÍ THÂN và HÓA THÂN càng nhanh chóng thần tình bao nhiêu, thì các ngài càng chứng nhập sâu vào Lý Như huyền hay pháp-giới như huyền ngàn ấy. Cũng như các ngài XUẤT

**NHẬP** tam muội vậy. Nhập tam muội không thì chưa phải thần tình, cần phải Xuất, rồi lại nhập, rồi lại xuất, rồi lại chuyển tam muội. Thế-tốc xuất-nhập hoặc Chuyển càng lạ bao nhiêu, lại càng thần tình ngần ấy... Vì sao? Vì làm CHỦ được những quang minh của tam muội, làm CHỦ được sự biến-hiện của quang minh tâm thức, của Diệu tâm.

Phật cũng nhắc lại công đức của người trì kinh, tán thán nhiệt liệt hơn, và nói rõ rằng người trì được Kinh này là bậc Đại thừa, là tối thượng thừa, là Bồ tát. -Đồng thời, quở trách nhẹ nhàng những đệ tử còn ham luyến pháp nhỏ, pháp quyền, và chưa biết hồi tâm Đại thừa.

Cùng nhắc rằng ở thời vắng Phật, thì chỉ còn kinh Đại thừa làm y chỉ tu chứng giải thoát cho chúng sanh. Nên cần lễ lạy cúng dường những nơi có Kinh này.

#### ĐIỂM 20:

*"Lại nữa này Tu bồ đề! Như có trai lành gái thiện thọ trì đọc tụng Kinh này mà lại bị kẻ khác KHINH CHÊ, thì tức là đời trước, người ấy đã phạm tội, đáng lẽ bị ĐOẠ vào ác đạo. Nhưng trong đời này, bị kẻ khác khinh chê, nên tội nghiệp đời trước liền được tiêu diệt. Và người ấy sẽ đắc quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác.*

*Này Tu bồ đề! Ta nhớ lại thuở quá khứ, cách nay vô lượng vô số kiếp, hồi Ta được gặp Phật Nhiên đấng, Ta cũng có được GẶP, và phụng sự cúng dường 8 trăm lễ 4 ngàn muôn ức na do tha Chư Phật không hề bỏ qua.*

*Lại như trong các đời sau, về lúc sau cùng, nếu có người ra sức thọ trì đọc tụng Kinh này, thì sẽ đắc công đức nhiều hơn công đức Ta cúng dường Chư Phật cả 100 lần, cả ngàn vạn ức lần cho đến cả vô số lần, đếm không xuể thí dụ không cùng.*



*Này Tu bồ đề! Trong các đời sau, về lúc sau cùng, như có trai lành gái thiện thọ trì đọc tụng Kinh này, thì sẽ đắc công đức nếu Ta kể ra cho đủ, e rằng kẻ nghe sẽ cuồng loạn HỒ NGHI và khó bề tin nhận lắm.*

*Này Tu bồ đề! Nên biết rằng vì nghĩa lý của Kinh này chẳng thể nghĩ bàn, nên quả báo của kinh này cũng không thể nghĩ bàn."*

Trong đoạn kinh văn này, mạch kinh hầu như KẾT THÚC một HỒI thuyết. Nên Phật nhắc lại và tán thán Công đức trì kinh, nhưng Ngài đưa ra những VÍ DỤ khác, không phải là ví dụ Thí tài vật hoặc Thí thân mạng nữa.

Trước hết, Ngài nói rõ về SỨC CHUYỂN NGHIỆP của việc trì Kinh: những tội chướng đáng lẽ ĐỌA địa ngục, thì nay được CHUYỂN thành một lời nói khinh chê chế nhạo thôi.

Sau nữa, Ngài nhắc tới 1 bốn sự của chính Ngài, tức là công đức đã GẶP và PHỤNG SỰ na do tha Chư Phật...Hồi đó, Phật đã được gặp na do tha Chư Phật, tức là Ngài đã được Kiến-Phật-tam-muội rồi. Lại còn phụng sự cúng dường nữa!... Trong khi ngày nay, đa số chúng ta tu Tịnh độ, chỉ cần cầu mong được MỘT LẦN THẤY Đức A di Đà hay Quán Thế Âm, hoặc thấy 1 chiếc bảo cái, 1 tràng phang, 1 con bạch hạc, là cũng đủ mãn nguyện sẽ được bực Bất thối chuyển rồi?!...Ấy thế mà công đức Kiến Phật của Đức Bốn sư vẫn còn thua kém công đức trì kinh Kim cang!!.

Sau nữa, Ngài lại nhấn mạnh thêm: nếu nói cho đủ công đức trì Kinh, thì người nghe sẽ cuồng loạn HỒ NGHI.

Sau cùng, Phật kết thúc: Công đức trì Kinh không-thể-nghĩ-bàn vì Diệu-lý không thể nghĩ bàn...

## PHẦN 2:

### PHẦN DẠY CHUNG CHO CÁC HÀNG BỒ TÁT.

Đến đây, đáng lẽ MẠCH KINH có thể tạm kết thúc được rồi, vì nghĩa lý gần như đầy đủ.

Nhưng ngài Tu bồ đề lại KHỞI TÂM TỪ BI HỎI NỮA, ngài lại nhắc lại câu-hỏi-đầu-tiên khi bắt đầu pháp hội. Nên nhớ rằng công đức thừa hỏi kinh rất là lớn lao và khó lường, vì do có người thừa hỏi nên các chúng sanh mới được hiểu thêm về đạo pháp giải thoát.

Về phía Phật, thì bao giờ Ngài cũng sẵn tâm Từ, luôn luôn muốn nhắc lại lời kinh, để các chúng sanh có thể ghi nhớ kỹ càng hơn.

Nên lần này, Ngài đã nhắc lại những điểm chính yếu, và giảng chung cho Các Hàng Bồ tát, từ những Bồ tát SƠ PHÁT TÂM cùng Thanh văn Hữu học hồi tâm Đại thừa, cho đến các bậc Vô học hồi tâm Đại thừa cùng các bậc Bồ tát MỚI NHẬP ĐỊA.

Trong tâm ý, thì ngài Tu bồ đề muốn hỏi kỹ hơn cho hàng Bồ tát Sơ phát tâm cùng Thanh văn hữu học muốn phát tâm Đại thừa. Nên nhớ rằng các vị Bồ tát Sơ phát tâm thường chỉ có 1 ưu điểm lớn lao là DÁM PHÁT

ĐẠI TÂM, còn về bản lĩnh tu chứng thì chưa có gì mấy. Công hạnh cũng chỉ mới bắt đầu, sự hiểu biết thường khi cũng chưa thấu đáo lắm, định lực cũng ít ỏi, và Bồ đề tâm đôi khi cũng lắt lay, chỉ được một điểm ưu thắng là khí thế bông bột hăng hái nên dám phát Đại tâm.

Cho nên, trong phần 2 này, Phật đã giảng nhiều hơn cho Sơ phát tâm. Nhưng đồng thời, Ngài cũng chỉ dạy rõ rệt thêm ít điểm cho những Bồ tát cao mới NHẬP ĐỊA.

Vì vậy, nên ở phần này, kẻ viết chỉ xin lược tóm lại ý Kinh mà thôi, và chỉ rõ những đoạn nào là cho sơ phát tâm, cùng những điểm nào là dành cho các bậc Bồ tát cao mới nhập địa.

Ở phần 1, có chia ra từng ĐIỂM giáo lý để có thể lý giải kỹ càng. Nhưng ở phần 2 này, xin nương theo những ĐOẠN kinh văn để lược tóm.

ĐOẠN 17 của Kinh: (Kẻ viết dùng bản dịch của Hòa thượng Trí Tịnh và bản của cư sĩ Đoàn Trung Còn).

Trong đoạn này, ngài Tu bồ đề nhắc lại y hệt câu hỏi đầu tiên. Và Phật trả lời. Và câu trả lời có hơi khác biệt với câu trả lời ở trên, không khác biệt về nghĩa lý nhưng khác biệt về giọng văn.

Mấy lời đầu của Phật là để dạy cho Bồ tát sơ phát tâm. Vì sao mà biết thế?... Là vì câu: “TA PHẢI DIỆT ĐỘ tất cả chúng sanh...” là giọng nói của sơ phát tâm, tuy có nhiều khí thế hăng say bông bột, nhưng cũng phản ảnh nhiều kiến-chấp về Ta, về chúng sanh, và về công hạnh Độ sanh.

Sau đó, Phật lại chuyển sang mấy lời dài hơn, để dẫn dò khai thị cho các Bồ tát cao... Ngài nhấn mạnh thêm 1 lần nữa về Lẽ Vô sở đắc, và nói rằng: Thực ra, các pháp đều là huyễn mộng, thực chẳng có cái pháp chi để cầu hay để đắc quả Vô thượng cả. Xưa kia, ở nơi Phật Nhiên

đẳng, sở dĩ Đức Phật ấy thọ ký cho Ta là Mâu ni, là vì chính Ta đã hiểu thấu được Lý Vô sở đắc. Hiểu được Vô sở đắc, tức là đến chỗ Bất thối chuyển, bắt đầu trôi vào Biển Diệu tâm NHƯ NHƯ TỊCH TĨNH. Thấy các pháp đều như như, bình đẳng, chẳng-thật-chẳng-hư.

Đây là lần thứ 2 mà Phật nhắc đến chữ: CHẲNG THẬT CHẲNG HƯ.

Sau đó, Phật lại chuyển sang mấy lời, dạy cho Sơ phát tâm. Ngài dạy rằng: “Ấy cũng tử như thân người to lớn. Thân lớn như vậy cũng chẳng phải là lớn. Chỉ tạm gọi là lớn thôi...Nếu Bồ tát còn nói hoặc nghĩ rằng: Ta cần phải Độ cho vô lượng chúng sanh, Ta cần phải trang nghiêm Phật độ, thì Bồ tát ấy chưa ĐÁNG GỌI là Bồ tát, vì còn chấp trước quá nhiều. Thật ra, chẳng có pháp chi gọi là Bồ tát, vì thân-tâm Bồ tát cũng chỉ là huyễn mộng...Nếu thông đạt được cái Lý Vô ngã ấy. tức là Nhơn vô ngã và Pháp cũng vô ngã, thì mới thực là Bồ tát.”

#### ĐOẠN 18:

Sau đó, Phật lại chuyển sang dạy Bồ tát cao. Và cả đoạn 18 này là để dạy cho Bồ tát mức độ khá cao rồi.

Đoạn này, Phật khai thị về NGŨ NHÃN của Như lai. Vì sao cần khai thị? Vì để tránh cho Bồ tát cao rơi vào hố NGHĨ LẦM, nghi là ĐOẠN DIỆT.

Ở phần 1, Phật đã nói tới thân-không-thân của Như Lai. Thân ấy vô tướng mạo hơn hư-không. Nên Bồ tát có thể HỒ NGHĨ rằng đó là Ngoan-không chẳng, là Hư vô chẳng? Rơi vào đoạn diệt còn nguy hại hơn là rơi vào Thường còn.

Nên trong đoạn này; Phật cần phải khai thị rõ rằng: tuy Như-lai là Thân-không-thân, nhưng Thân ấy là do Tri huệ Đại Bát nhã cùng Đại từ bi hằng khởi huân tập

nên, do đó có đủ các thứ diệu dụng, bao trùm các cõi, các vi trần, các thân. Có đủ Ngũ nhãn, có Nhứt-thiết-chúng-trí, biết hết các pháp, các cơ sự, mọi tâm niệm chúng sanh.

Rồi Phật bảo rằng: Như lai cũng có nhục-nhãn như loài người, khi nhìn cát sông Hằng thì thấy rõ ràng là cát. Nhưng Như lai lại có thêm thiên-nhãn thù thắng hơn chư thiên, và nhìn thấy nhiều cõi. Lại có thêm Huệ nhãn để nhìn thấy cát và cõi đều là huyễn-mộng, đều bản thể không-tịch... Hơn nữa, Chư Như lai không hề dừng chân ở chỗ huệ-nhãn ấy, ở chỗ Không-hải nông cạn ấy, vì ở mức độ Không hải ấy thì thấy chúng sanh, như là TẬN, là hết rồi. Nên Chư Như lai lại dùng Tâm Đại bi hằng khởi, đi sâu vào GIẢ quán, luôn luôn quán chiếu thấy rằng các chúng sanh vừa là không-tịch, vừa là tận, lại vừa trùng-trùng-lớp-lớp nổi lên bởi bởi vô cùng vô tận. Cũng thấy rằng các cảnh giới vừa là không tịch, lại vừa huyễn-hiện vô cùng tận. Nên Chư Như lai được pháp nhãn... Rồi lần lần, SONG CHIẾU đến chỗ tuyệt vời, nên được Phật-nhãn. Biết hết các pháp, các cơ sự, các tâm niệm chúng sanh, biết từng giọt mưa, từng vi trần...

Vì sao?

Vì tất cả pháp, tất cả tâm niệm đều chỉ là sự huyễn hiện của Diệu tâm. Như lai thì đã chứng nhập biển Diệu tâm rồi, nên các pháp và chúng sanh đều ở trong thân tâm Như lai, nên Như lai dĩ nhiên là phải biết rõ... Còn những tâm niệm của chúng sanh thì chưa phải là Tâm đâu, chỉ là những gợn-sóng-vọng-tâm, do sự huyễn hiện của Diệu tâm mà thôi. Vì là vọng tâm, nên tâm quá khứ, hiện tại và vị lai cũng đều là huyễn mộng.

Nên trong đoạn này, ý Phật là dẫn dò 2 điểm:

- Các ông chớ hồ nghi Thân-không-thân là ĐOẠN DIỆT.

- Những vị Bồ tát đã đắc Huệ-nhân rồi, chớ nên đứng chân ở mức độ Không hải nông cạn ấy. Phải hằng khởi Đại bi tâm quán chiếu, bước lên vào chỗ Tột-Không để có thể khởi lên vô lượng diệu-sắc-tướng mà độ sanh. Đó mới chính là bản hoài sâu nặng của Chư Phật.

(Cuốn Lăng kính Đại thừa, cùng 1 tác giả, có lý giải kỹ càng về Ngũ nhân.)

### ĐOẠN 19:

Đến đoạn này, Phật lại chuyển sang dạy cho Sơ phát tâm... Ngài dạy về Bồ thí TÀI VẬT: nếu có người mang một thế giới choán đầy châu báu ra bố thí, thì phước đức rất nhiều.

Nhưng nếu người ấy nghĩ rằng phước đức là Có Thật, thì phước đức bố thí ấy cũng chỉ là hữu hạn thôi. Còn nếu người ấy hiểu rằng phước đức cũng chỉ như Huyền-mộng, chỉ là biến hiện thôi, thì sự bố thí trở thành tuyệt vời, và công đức sẽ vô cùng tận.

Vì Ngài dạy cho Sơ phát tâm, nên Ngài cũng không đem so sánh rõ rệt với công đức trì kinh nữa... Và trong phần 2 này, Ngài nhắc đến 4 lần việc Bồ thí Tài vật, nhưng không HỀ NHẮC TỚI CÔNG HẠNH BỐ THÍ THÂN MẠNG nữa.

Vì sao vậy?

Là vì nói cho hàng Sơ phát tâm... Nếu nói tới ngay công hạnh bố thí Thân mạng, thì các Bồ tát này có thể nấy tâm e ngại lo sợ, vì cho là khó quá... Còn đối với các bậc Bồ tát cao nhập địa, thì lại không cần nói nữa, vì các vị này đã hiểu và có khi đã từng làm công hạnh ấy rồi.

## ĐOẠN 20:

Trong đoạn này, Phật dạy CHUNG cho các hàng Bồ tát.

Ngài nhắc lại điểm cần phải LÌA TƯỚNG thì mới thấy được Như lai.

Ngài nhắc cho hàng Bồ tát cao, nhớ rằng không nên nhận cái Sắc-thân cụ túc, tức BẢO THÂN Phật, cao 16000 trượng và đầy đủ rực rỡ trang nghiêm, là thân thực của Như lai.

Và nhắc hàng Sơ phát tâm không nên nhận cái Ứng-thân Phật có 32 tướng tốt, là thân thực của Như lai.

Trong đoạn này, Phật chỉ đặt câu hỏi, và ngài Tu bồ đề được sức gia trì của Phật, đã trả lời giảng giải thay cho Phật.

## ĐOẠN 21:

Trong đoạn này, Phật cũng dạy CHUNG cho các hàng Bồ tát.

Ngài nhắc lại điểm tuyệt đối cần Lìa bỏ CHẤP PHÁP, và dạy rằng: Như lai tuy có nói pháp đấy, nhưng không hề có năng thuyết cùng sở thuyết. Vì sao? Vì tất cả pháp đều không thực có, đều như huyễn mộng, đều như tiếng vang, như vết-chim-bay, do Sức Phương-tiện của Như lai biến hiện ra để chữa những căn bệnh kiến chấp chúng sanh mà thôi... Bồ tát cần hiểu Diệu lý ấy, đừng khởi tâm chấp Pháp.

Sau đó, Ngài Tu bồ đề lại đặt câu hỏi, thắc mắc không biết chúng sanh đời vãng Phật có TIN NỐI Kinh này không?

Phật không trả lời thẳng câu hỏi, và chỉ dạy rằng: “Này Tu bồ đề! Chúng sanh ấy chẳng phải chúng sanh, song cũng chẳng phải là không phải chúng sanh...”

Trong lúc này, tuy không trả lời thẳng, nhưng Phật vẫn nhắc lại cái ý như ở phần 1. Nghĩa là: Về đời sau vắng Phật, vẫn có những chúng sanh TIN NỔI Kinh này. Là vì những người ấy đã từng trổ túc duyên từ nhiều kiếp, và trên đường tu chúng, họ đã gột được mấy phần vô minh rồi. Nên họ là những bậc hy hữu. Vả lại, chúng sanh nào thì cũng bắt rễ ở Diệu tâm cả. Nên họ chẳng phải là chúng sanh... Nhưng cũng chẳng phải là không phải chúng sanh, vì họ còn mấy phần vô minh ám chướng vi tế, chưa gột sạch hết.

#### ĐOẠN 22:

Đoạn này cũng dạy CHUNG cho các hàng Bồ tát.

Đến đoạn này, ngài Tu bồ đề, được sức gia trì, nên TỰ Ý nói ra, để giảng giải thêm về Lẽ Vô sở đắc. Ngài nói: Như lai CÓ ĐẮC quả Vô thượng, nhưng CŨNG NHƯ KHÔNG CÓ ĐẮC phải chăng? Phật liền ấn chứng: Phải vậy, phải vậy.

Vì Phật đã nhập MỘT với Diệu tâm, với pháp giới rồi. Thì làm gì còn có ai đắc, sự việc đắc, và quả đắc nữa.

#### ĐOẠN 23:

Đoạn này là dạy cho các bậc Bồ tát cao.

Phật nhắc lại về Diệu tâm, và dạy rằng: Cái Thân-không thân ấy, Pháp-thân-thường-trụ ấy, Diệu-tâm ấy, Thực tại cuối cùng ấy:... nó vốn bình đẳng, không cao không thấp, NHƯ NHƯ tịch tĩnh, lìa mọi tướng, mọi tướng, mọi ý niệm của vọng thức phân biệt. Chỉ có cái ấy



là THỰC thôi, còn mọi pháp đều như mộng-huyễn. Tu tập các pháp lành đều là tu trong mộng, dùng huyễn vi tế để trị những huyễn thô kệch, rồi sau cùng LÝ cả những huyễn vi tế, thì sẽ ĐƯỢC THỰC. Tức là chúng nhập Thực tại Diệu tâm... Cho nên, pháp lành hay ác cũng chẳng phải thực là lành, ác. Pháp ác cũng có thể là hột giống Như lai, và pháp lành cũng có thể là hột giống Ma đạo. Như ngài Duy ma cật, sống giữa vợ con ngũ dục, nhưng tâm không nhiễm vì biết những cái đó là mộng-huyễn, nên CHUYỂN những phiền não thành Bồ đề. Trái lại, nếu một người ăn chay, giữ giới, làm các hạnh lành như bố thí, nhưng còn chấp mình, chấp người, chấp pháp, chấp công hạnh, chưa hiểu lý như huyễn, thì vẫn dễ lại vào ma đạo hay tà đạo... Nên điều quan hệ là phải hiểu rõ Lý như huyễn, và biết CHUYỂN.

#### ĐOẠN 24:

Đoạn này là dạy công hạnh Bố thí tài vật cho hàng Sơ phát tâm... Phật nhắc lại rằng công đức trì kinh còn trội hơn công đức bố thí những châu báu choán đầy các hòn núi Tu di trong 1 Đại thiên thế giới.

Vì nói cho Sơ phát tâm, nên Phật đã giảm bớt số lượng châu báu. Đồng thời, Ngài cũng không nhắc tới công hạnh THÍ THÂN. Hãy thí tài vật trước đã.

#### ĐOẠN 25:

Đoạn này cũng là giảng cho Sơ phát tâm.

Để phá hẳn mọi hồ nghi về chấp Ngã cùng chấp độ sanh, nên Phật mang ngay chính mình tức Như lai ra mà nói. Ngài dạy rằng: Các ông vẫn thường nghe Ta nói rằng Như lai độ sanh, hoặc Ta độ sanh. Nhưng chữ Ta

đó không có nghĩa là có mình đâu. Người phàm phu khi xưng ta, thường nghĩ là có mình, nhưng Như lai khi xưng Ta, không hề có nghĩ tưởng là có mình. Cũng không hề có nghĩ tưởng là có người, hoặc có những chúng sanh mà Như lai độ.

Hơn nữa, ngay những phàm phu ấy, cũng chẳng phải là phàm phu đâu. Chỉ tạm gọi là phàm phu thôi. Vì họ đều bắt nguồn ở Diệu tâm cả, và trước sau, họ cũng sẽ thoát ly khỏi những ảo ảnh vọng tưởng, và bước lên bờ GIÁC.

#### ĐOẠN 26:

Đoạn này thì rõ rệt dạy cho Sơ phát tâm.

Phật nhắc lại câu hỏi: Này Tu bồ đề! Có nên thấy 32 tướng mà cho là Như lai chăng?

Tu bồ đề đáp: Phải vậy, phải vậy. Thấy 32 tướng thì nên cho là Như lai.

Phật phán rằng: Này Tu bồ đề! Thấy 32 tướng ấy mà cho là Như lai, thì ra Chuyển luân thánh vương cũng là Như lai đó ư?

Tu bồ đề bạch rằng: Bạch thế tôn! Theo như con hiểu ý của Phật dạy, thì không nên thấy 32 tướng mà cho là Như lai.

Phật bèn nói kệ, bài kệ đầu tiên của Kinh Kim cang:

Nếu lấy sắc THẤY Ta

Lấy Âm thanh CÂU Ta,

Người ấy hành đạo tà,

Chẳng THẤY được Như lai...

Về đoạn này, nếu chúng ta không hiểu ý của ngài Tu bồ đề, thì khó mà giải đoạn này.

Vì ngài là bậc vốn đã đắc Giải không rồi, lại trong pháp hội này được sức Phật gia trì, nên hiểu rõ ý Phật,

hiểu rõ Bồ tát đạo, đến nỗi phải sa lệ khóc lóc bi ai. Vậy thì không lẽ ngài lại trả lời 1 câu sai lệch như vậy, và trái với những câu trả lời trước của chính ngài?!

Nhưng ngài đã làm vậy, là vì ngài khởi tâm từ bi nghĩ tới những vị Sơ phát tâm chưa được thông đạt như ngài, và ngài mong cầu Phật giải rõ rệt thêm ra... Các vị sơ phát tâm này thường còn chấp trước nặng nề về sắc-tướng cùng âm thanh vì hàng ngày, các vị ấy đều ngắm nhìn Phật mắt không tạm rời, và thường nghe hải-triều-âm của Phật.

Do đó, ngài trả lời: Phải vậy, phải vậy. Để Phật giải thêm rõ rệt rằng: Không nên lấy sắc tướng mà nhận là Như lai được. Vì sao? Vì vua Chuyển luân còn trôi lăn trong biển nghiệp, nhưng vì phước báo cũng có 32 tướng ấy. Vì ngài Nan Đà cũng có 30 tướng ấy. Vì các vị Bồ tát Thiên chủ các tầng trời cũng có 32 tướng. Vì các thiên nhơn ở các Tịnh độ cũng thường có 32 tướng ấy. Vì Ma vương cũng đủ thần lực hóa hiện 32 tướng ấy.

Vậy thì các Bồ tát, muốn bước trên đường Bồ tát đạo, phải biết tuyệt đối Lìa tướng, lìa âm thanh, rồi lìa mọi vọng tưởng nữa... Vì hết thấy chỉ là sự huyễn-hiện của cái thân-không-thân tức Diệu tâm. Như thế, thì mới mong khế nhập được.

Và Ngài nói bài kệ đầu tiên về Lìa sắc và âm thanh, để lưu một ấn tượng mạnh mẽ trong tâm thức của sơ phát tâm.

#### ĐOẠN 27:

Đoạn này là Phật dạy chung cho các hàng Bồ tát.

Sau khi ở đoạn trên, Phật dạy rằng cần phải Lìa tướng, Lìa âm thanh để nhận Như lai, thì Ngài lại e ngại rằng trong hàng đệ tử có những người chấp trước vào

việc Ly tướng, chấp trước vào chỗ Tướng-diệt, và rơi vào hố NGHI đoạn diệt. Vì Phật thường nói rằng: rơi vào hố nghi Hư vô đoạn diệt còn nguy hại hơn là chấp trước thường còn. Vì chấp đoạn diệt rồi, thì sẽ bác bỏ nhân quả, và chê bai các công hạnh.

Vì thế, nên trong đoạn này, ý Phật là muốn dạy rằng: Tuy Ta bảo các ông phải biết lia tướng cùng âm thanh để nhận ra Như lai, nhưng các ông phải cẩn trọng, không được chấp trước vào chỗ Ly tướng hay tướng-diệt ấy, để rớt vào cái hố nghi trái ngược là Đoạn-diệt Hư-vô. Vì con đường kế nhập Thân-không-thân hay Diệu tâm là một con đường vi tế khó khăn, luôn luôn phải Song-chiếu Trung-quán, chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Nên không thể chấp trước ở một lối nhìn một bên nào... Cũng tương tự như một người đi trên giây ở giữa không trung vậy, không thể nghiêng ngả về một bên.

Các ông Ly tướng là để đi sâu vào nơi Không hải. Nhưng khi vào sâu Không hải rồi, lại phải từ nơi đó KHỞI LÊN các thứ diệu-sắc-tướng để độ sanh. Cần làm hoài hoài cái tác động song chiếu con thoi đó, thì mới kế nhập được Diệu tâm... Bởi thế, Chư Như lai xưa kia lúc còn hành Bồ tát đạo, đều luôn luôn ở nơi Không hải mà khởi lên những sắc tướng đầy đủ để độ sanh, nên mới đắc quả Vô thượng được.”

Cho nên, trong kinh Duy ma cật, phẩm 12, ngài Đại Bồ tát tịnh-Danh (tức Duy ma cật) cũng dạy rằng: “Muốn quán thấy Như lai, thì không quán nơi sắc-tướng, không quán nơi sắc-tướng diệt, cũng không quán SẮC TÁNH.”

Có nghĩa là: Cần phải lia tướng, rồi cũng không trụ trước ở cái diệt của tướng. Như thế là bắt đầu nhập vào

cái biển của Sắc-tánh, tức là Chân-không tức Diệu tâm. Vì tánh của Sắc chính là Chân-không, và tánh của Không chính là Chân-sắc... Nhưng đó mới chỉ là bắt đầu nhập thôi. Muốn chứng nhập trọn vẹn, hành giả còn cần BẮT cả cái tâm niệm CHIẾU SOI nữa. Và bắt tâm niệm chiếu soi, tức là không quán Sắc tánh... Nếu còn chiếu soi tức là còn GỖN vọng niệm.

#### ĐOẠN 28:

Đoạn này cũng là dạy CHUNG cho các hàng Bồ tát. Phật lại nhắc lại công hạnh Bồ thí Tài vật, và vẫn không nhắc tới công hạnh Bồ thí THÂN MẠNG.

Ngài dạy rằng: Một vị Bồ tát đem bố thí những châu báu choán đầy nhiều cõi, thì phước đức rất nhiều. Nhưng vẫn không nhiều bằng phước đức của một người (tức Bồ tát) hiểu được diệu lý của Kinh này, hiểu được Nhơn-vô-ngã và Pháp -vô-ngã... Người này hiểu như vậy, nên dù làm công hạnh gì, cũng không móng tâm khởi niệm mong cầu. Và chính vì không móng tâm mong cầu cho mình, và chỉ hồi hướng cho cả pháp giới, nên công đức trở thành vô cùng tận...

#### ĐOẠN 29:

Đoạn này là một điểm nghĩa lý cao siêu, mà Phật muốn dạy chung cho các hàng Bồ tát.

Ý Phật dạy rằng: Các ông không những cần lìa những tướng TĨNH để nhận thấy Như lai, mà còn cần phải lìa những tướng ĐỘNG TÁC nữa thì mới thấy Như lai.

Các ông hàng ngày vẫn thường thấy Ta có những oai

nghi tấn chỉ Đi Đứng Năm Ngồi, như một người thương. Nhưng các ông chớ lầm tưởng, nghĩ rằng Ta cũng đi đứng năm ngồi như một người thường. Thực ra, thì những oai nghi tấn chỉ ấy của Như lai, tuy vẫn có vẻ giống như 1 người thường, nhưng vẫn khác một người thường. Vì sao?

Là vì khi một người thường đi đứng năm ngồi, thì tâm họ vẫn ồn ào xao động, móng niệm rạt rào theo những oai nghi ấy. Còn những oai nghi tấn chỉ của Như lai thì đều RỐT RÁO VẮNG LẶNG, và trong khi Như lai đi đứng năm ngồi, hoặc nhíu mày nhượng mắt, hoặc nói hoặc cười, hoặc giơ cánh tay trăm báu, thì tâm của Như lai vẫn trụ sâu ở nơi đáy tầng của Không hải, ở nơi biển NHƯ NHƯ TỊCH TĨNH của Diệu tâm. Tâm ấy vẫn tịch nhiên bất động, không hề lay động theo những oai nghi kia. Phật và Đại Bồ tát là như vậy, tâm không hề theo thân...Dù Đại Bồ tát có nhỏ 1 giọt lệ Đại bi để thương xót cho chúng sanh chìm nổi, nhưng tâm vẫn không hề móng một niệm buồn rầu. Hoặc dù Đại Bồ tát có hóa hiện thân hình nhỏ chui vào hạt bụi, tâm cũng không hề nhỏ lại. Do đó, gọi là thân tâm Tự tại...Cho nên, những oai nghi lay động của Như lai đều diễn ra dưới ánh sáng của Diệu tâm, đều thực ra chẳng phải là lay động, đều như mộng huyễn, như vết-chim-bay, vì đều là những ánh-biến-hiện của Diệu tâm.

Hơn nữa, Như lai chính là bậc Vô-khứ-vô-lai. Thân-không-thân của Như lai tỏa những hào quang vô lượng, trùm khắp mọi cõi và thấm thấu mọi vi trần. Chỉ tùy căn cơ chiêu cảm của chúng sanh mà LẬP TỨC ỨNG HIỆN, hoặc mờ hoặc tỏ, như trăng-đáy-nước, như hoa-trong-gương, như hạt châu ma ni có thể ứng hiện muôn màu muôn sắc... Vậy nên các ông chớ lầm nghĩ rằng Như lai có từ đâu đến hay có đi đến đâu...!

## ĐOẠN 30:

Đoạn này cũng là dạy chung cho các hàng Bồ tát.

Phật lại nhắc lại điểm Vi trần và Thế giới. Nhưng lần này, khác với lần trước ở phần 1, Ngài GỢI Ý và đưa ra giả thiết là CHIA CHẼ thế giới thành vi trần. Ngài hỏi: Nay Tu bồ đề! Nay nếu có người đem cõi Tam thiên đại thiên chia chẻ ra thành vi trần. Ý ông nghĩ sao? Những vi trần ấy có nhiều hay chẳng?

Ngài Tu bồ đề, do sức Phật gia trì, liền lãnh ngay ý Phật và giảng giải rộng thêm ra như sau:

Bạch Thế tôn! Nếu đem chia chẻ ra như vậy, thì những vi trần ấy là rất nhiều... Nhưng bạch Thế tôn! Cái vi trần NHIỀU đó cũng chẳng phải THẬT là nhiều, mà cái thế giới MỘT ấy cũng chẳng phải THẬT là một. Vì sao vậy? Là vì trong cái pháp giới này, mọi sự mọi vật đều chỉ là cái tướng-hiệp-một hay tướng-chia-chẻ mà thôi. Nghĩa là đều là những HUYỄN TUỞNG GIÃ HỢP hoặc HUYỄN TUỞNG GIẢ LY mà thôi. Nếu cõi Tam thiên đại thiên này quả là MỘT THẬT, thì không thể nào đem chia chẻ nó ra được. Và nếu các vi trần là NHIỀU THẬT, thì cũng không thể nào tập hợp chúng lại được để kết thành thế giới.

Vậy thì các hàng Bồ tát nên hiểu rằng: vi trần hay thế giới, Nhỏ hay lớn, Nhiều hay Một...đều là tùy theo mức độ nhãn-lực của chúng sanh, tùy theo nghiệp-lực của chúng sanh, tùy theo tâm-niệm hay tâm-TUỞNG của chúng sanh đứng nhìn. Tỷ dụ như 1 con thi trùng rất nhỏ, sống trong 1 vi trần, thì do nghiệp lực chiêu cảm, cái thức giác thô sơ của nó luôn luôn TUỞNG rằng vi trần ấy là bao la mịt mùng, là một, và ngoài ra chẳng có vi trần hay cõi nào khác nữa. Một vị Phật hay Đại Bồ tát cũng vậy,

khi các ngài dùng tâm nhãn chiếu soi LOT vào 1 vi trần, thì thấy vi trần ấy mênh mông bao la trong đó có thể hóa hiện dựng lập nhiều cõi được... Một vị A tu la vương, khi hóa hiện thân hình cao lớn đầy hư không, lấy tay sờ rằm mặt trời, mặt trăng, thì thấy mặt trời mặt trăng cũng nhỏ như một thứ đồ chơi... Một vị Đại Bồ tát Pháp vân địa, ngự trên đại Bửu liên hoa ở tầng trời Sắc cứu cánh, phóng hào quang trùm khắp vô lượng cõi, thì nhìn rõ các cõi đều nhỏ và nhiều như cát sông Hằng, và các cõi kết thành 1 bông Liên hoa tức Hoa tạng thế giới... Bởi vậy, các sự vật đều chỉ là những huyễn-tướng-giả-hợp hay huyễn-tướng-giả-ly mà thôi. Vì đều là những ánh-huyễn-hiện của Diệu tâm. Bởi thế, kệ Hoa nghiêm dạy:

Cõi Lớn TÙY NIỆM biến thành Nhỏ,  
Vi trần Nhỏ TÙY NIỆM biến thành Lớn...

Ngài Tu bồ đề giảng giải về Lẽ ấy rồi, thì Phật nói thêm rằng: Cái tướng-hiệp-một ấy, cái huyễn tướng giả hợp hay giả ly ấy thực là nói chẳng xiết, vì đều là huyễn hiện. Kẻ phàm phu không hiểu là huyễn hiện, nên cứ bám chặt lấy những tướng ấy và TƯỚNG là có thật, nên cứ trôi lăn lưu chuyển không ngừng.

ĐOẠN 31:

Đoạn này cũng là dạy chung cho các hàng Bồ tát.

Trong suốt bộ Kinh, Phật đã dạy chúng ta phải Lià mọi thứ TƯỚNG: Tướng Ngã, tướng Nhân, tướng Chúng sanh, tướng Thọ mạng, các thứ tướng của Như lai như 32 tướng tốt cùng giọng nói hải-triều-âm, các tướng động-tác của Như lai như đi-đứng-nằm-ngồi, cùng tướng các vật như vi trần hay thế giới.

Trong đoạn này, Phật ĐI SÂU hơn nữa, và nói đến cái LÝ DO TẠO THÀNH CÁC TƯỚNG, lý do tạo sanh tướng của các pháp. Nên Ngài nói rằng: phải Lià Ngã



KIẾN, Chúng sanh KIẾN và Thọ mạng KIẾN.

Vậy KIẾN là gì? Kiến tức là cái lối cảm thấy của tâm chúng sanh, cái lối nhìn của tâm, những TẬP KHÍ SUY TUỞNG tích lũy từ VÔ LƯỢNG KIẾP của tâm chúng sanh, đứng trước cái màn huyền-hiện của pháp giới. Vậy Kiến tức là những tập quán Suy Tưởng, những VỌNG TUỞNG từ vô thủy, tạo nên bởi Cộng nghiệp cùng Biệt nghiệp của chúng sanh, đã được giảng giải kỹ càng trong kinh Lăng nghiêm.

Kinh Đại Bát niết bàn cũng dạy như vậy: “Pháp giới này cùng sự vật đều là do cái TUỞNG của chúng sanh mà ra, đều là do những VỌNG TUỞNG tích lũy từ nhiều kiếp...” Đứng trước cái màn huyền hiện của pháp giới, thì mỗi loài chúng sanh, tùy theo nghiệp lực chiêu cảm, tức là tùy theo những tập-khí-vọng-thức của mình, thường nhận thấy và TUỞNG rằng: Cái này là con sông, cái kia là trái núi, cái hình bóng đi động nói năng thở hít này là ta, cái hình bóng kia là kẻ khác, cái nợ là 1 loài chúng sanh, cái này là thế giới, cái kia là vi trần... Đó đều là do những tập-khí nhận thức hay vọng tưởng, và chúng ta thường yên chí định ninh như vậy, là vì vọng tưởng ấy được chia sẻ bởi tất cả những kẻ khác mang cùng một cộng nghiệp như chúng ta.

Bởi vậy, trong đoạn này, Phật dạy cần phải lìa những Kiến ấy, lìa những tập quán vọng tưởng nhận thức ấy, thì mới có thể lìa được TUỞNG của các pháp. Lìa được Kiến hay Tưởng rồi, thì không sanh Tướng các pháp. Cần ghi thêm rằng Ngã Kiến, Nhân Kiến, Chúng sanh kiến bắt nguồn ở những tập khí của Thức thứ 7. Còn thọ mạng kiến bắt nguồn ở những mầm mống sanh tử của Thức thứ 8. Về điểm VỌNG TUỞNG này, kinh Lăng nghiêm dạy rất dài và kỹ càng. Nhưng ở đây, Phật chỉ

thâu tóm làm mấy câu thôi. Đoạn này cũng có thể coi như 1 đoạn thâu tóm lời dạy.

### ĐOẠN 32:

Đoạn này là đoạn THẬU TỐM toàn thể bộ Kinh.

Phật nhắc lại 1 lần cuối cùng công hạnh Tài thí những châu báu choán đầy vô số thế giới. Vẫn chỉ nhắc việc tài thí thôi, chứ không nhắc tới công hạnh Bố thí THÂN MẠNG. Rồi Ngài dạy rằng:

“Tài thí lớn lao như vậy, thế mà phước đức vẫn không bằng phước đức của người thọ trì đọc tụng Kinh này, rồi đem diễn giải ra cho người khác nghe... Thế nào là diễn giải cho kẻ khác nghe? Diễn giải có thể thực hiện hoặc bằng lời nói, hoặc bằng sự việc. Nhưng trong trường hợp nào cũng vậy, cần phải Không chấp tướng, giữ tâm mình NHƯ NHƯ CHẶNG ĐỘNG. Đừng móng khởi một mảy mún VỌNG TƯỞNG nào. Vì sao vậy? Là vì mọi sự vật đều chỉ là ảo ảnh huyễn hiện. Là vì:

Tất cả những pháp hữu vi

Đều như MỘNG, như ẢO, như BÀO, như ẢNH,  
Như LỘ, và như ĐIỂN,

Cần luôn luôn quán chiếu NHƯ VẬY...

Đây là bài kệ thứ 2 và cuối cùng của Kinh.

MỘNG là như giấc chiêm bao. ẢO là một tuồng ảo hóa, huyễn hóa, biến hiện... bày ra bởi 1 nhà huyễn thuật, hoặc một vị đại phù thủy ngồi xồm ở ngã tư đường. Vị đại phù thủy đó chính là cái vọng tâm mê mờ của chúng sanh, và tuồng ảo hóa bày ra tương tự như ảo-ảnh-nước ở nơi sa mạc, như tiếng vang. BÀO là bọt nước, giả hợp lại rồi tan. ẢNH là như hoa-trong-gương, như trăng-đáy-nước, có đấy nhưng không phải thực có. LỘ là sương móc ban mai, đóng ở đầu ngọn cỏ, tan bay đi dưới

ánh mặt trời của Trí huệ. ĐIỂN là tia-chớp-nháng, nháng nháng lên từ nơi Chân-không để tạo những ảnh tượng sự vật, rồi lại tan biến vào Chân-không...(Chữ Điển này đã được giải kỹ càng ở chương 1).

Phật đã dùng 6 chữ: MỘNG ẢO BÀO ẢNH LỘ ĐIỂN để thâu tóm Lý Như-huyễn của kinh Kim cang, và lối Quán chiếu của Bồ tát đạo...

Nói tóm lại, thì tu Bồ tát đạo cùng làm Bồ tát hạnh cũng tương tự như trồng-cây-trên-hư-không, trồng trên cái-tâm-lặng-lẽ-không-tịch của người tu. Không cần đất, không cần ánh nắng mặt trời, mà chỉ lấy tâm-lực của mình để bồi dưỡng chi chút vun xới. “Đại Bồ tát trong một niệm có thể đầy đủ 6 ba la mật”, và chỉ cần mang tâm lực ấy để bồi dưỡng, thì cây ấy sẽ trở bông nở quả vô lượng vô số bao trùm cả pháp giới..Là vì sao? Là vì cả pháp giới này cũng đều từ Tâm đó mà lưu xuất ra.../...

NAM MÔ VÔ NGẠI QUANG NHƯ LAI  
NAM MÔ LIÊN HOA MINH VƯƠNG BỒ TÁT.

Long Beach cuối 1982  
Thích Tử Tịnh Liên.

## MỤC LỤC

Chương 1.- Thuyết nhân duyên và Tánh Không 'trang 1

Chương 2.- Tánh Không và nền Biên chứng  
Phủ Định trang 48

Chương 3.- Hành trình vào kinh Kim cang trang 74

Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

**THƯ VIỆN HUỆ QUANG**

116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM

Website: [thuvienhuequang.vn](http://thuvienhuequang.vn)